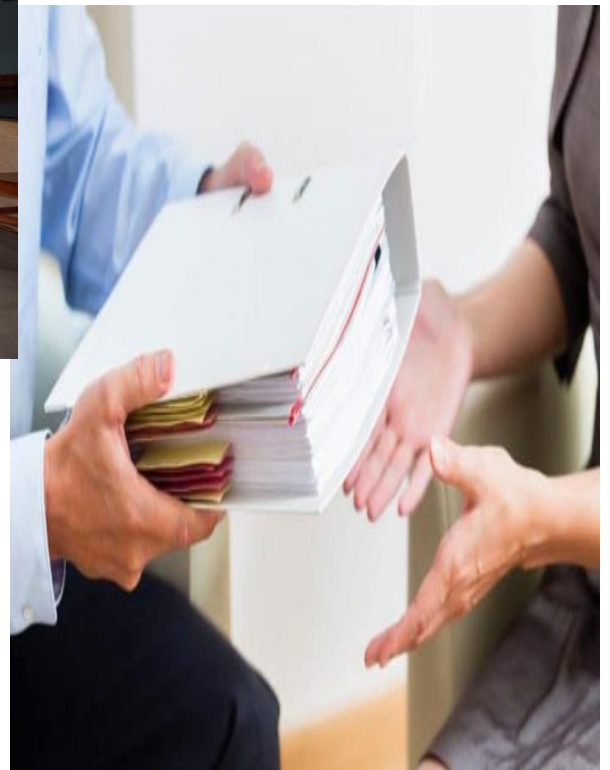


**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM
NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG FSC NÚI THÀNH-QUẢNG NAM**

**SỔ TAY QUẢN LÝ NHÓM
CHỨNG CHỈ RỪNG FSC**



LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Những khái niệm cơ bản	2
1.1. Chứng chỉ rừng FSC là gì?	2
1.2. Chứng chỉ nhóm	2
1.3. Thời hạn của chứng chỉ rừng	3
1.4. Những lợi ích cơ bản của chứng chỉ FSC	3
2. Cơ cấu tổ chức Nhóm chứng chỉ rừng FSC huyện Núi Thành – Quảng Nam	4
2.1. Giới thiệu	4
2.2. Mục tiêu thành lập nhóm hộ	5
2.3. Cơ cấu tổ chức của nhóm	5
3. Sơ lược về điều kiện tự nhiên khu vực quản lý của nhóm	7
3.1. Độ cao ở các xã thuộc nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành	7
3.2. Các hồ, sông suối chính chảy trong địa phận 3 xã	7
3.3. Các đường giao thông chính chạy qua	7
4. Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các thành viên	7
4.1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của các thành viên	7
4.2. Quyền lợi của thành viên	8
5. Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của Trưởng nhóm cấp thôn	8
5.1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Trưởng nhóm cấp thôn	8
5.2. Quyền và quyền lợi của Trưởng nhóm cấp thôn	9
6. Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền của trưởng nhóm cấp xã	9
6.1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Trưởng nhóm xã	10
6.2. Quyền và quyền lợi của Trưởng nhóm xã	10
7. Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền của Quản lý nhóm	10
7.1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Quản lý nhóm	11
7.2. Quyền của Quản lý nhóm	11
8. Lập kế hoạch quản lý rừng theo nhóm thôn, xã	11
8.1. Qui trình lập kế hoạch quản lý rừng theo nhóm thôn, xã	11
8.2. Cập nhật và sửa đổi kế hoạch quản lý rừng	12
9. Kế hoạch giám sát đánh giá nội bộ	12
9.1. Giám sát kế hoạch quản lý kinh doanh rừng theo lô hàng năm	13
9.2. Giám sát của Quản lý nhóm	13
9.3. Giám sát khai thác	13
9.4. Hợp nhóm thường niên	14
9.5. Yêu cầu cho các hành động khắc phục	14
10. Quy trình mở rộng nhóm chứng chỉ	15
10.1. Kết nạp thành viên mới/ lô rừng mới của thôn - xã đã có chứng chỉ	15
10.2. Kết nạp thôn và xã mới	16

11. Tập huấn.....	17
12. Tia thưa, khai thác và bán gỗ chứng chỉ FSC	18
12.1. Quy trình phê duyệt.....	18
12.2. Hợp đồng lao động.....	18
12.3. Quy trình chuỗi hành trình sản phẩm CoC.....	18
12.4. Việc sử dụng các nhãn FSC trên sản phẩm phải đảm bảo:.....	22
13. Khiếu nại	22
13.1. Khiếu nại một thành viên trong nhóm.....	22
13.2. Khiếu nại quản lý nhóm	23
13.3. Kháng cáo.....	25
14. Quy trình xin ra khỏi nhóm và khai trừ khỏi nhóm.....	26
14.1. Xin ra khỏi nhóm.....	26
14.2. Khai trừ khỏi nhóm	26
15. Tham vấn các bên liên quan	27
PHỤ LỤC SỔ TAY QUẢN LÝ NHÓM	29
1. Những qui chế, qui định, nguyên tắc, tiêu chuẩn liên quan	7
2. Các hướng dẫn thành lập và tổ chức nhóm hộ chứng chỉ rừng FSC.....	52
3. Các phụ lục liên quan đến hồ sơ của thành viên nhóm	67
4. Các phụ lục dành cho hoạt động giám sát.....	89

TỪ VIẾT TẮT

CAR	Yêu cầu hành động khắc phục (Corrective Action Requests)
CCR	Chứng chỉ rừng
CoC	Chuỗi hành trình sản phẩm (Chain of Custody)
CG	Nhóm cấp xã (Commune Group)
CGL	Trưởng nhóm cấp xã (Commune Group Leader)
FM	Quản lý rừng (Forest Management)
Chứng chỉ FM/CoC	Chứng chỉ toàn phần Quản lý rừng - từ trồng đến khai thác rừng, tiêu thụ sản phẩm
FSC®	Hội đồng quản trị rừng (Forest Stewardship Council)
GM	Quản lý nhóm (Group Management)
MARD	Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn
QLRBV	Quản lý rừng bền vững (Sustainable Forest Management)
UBND	Ủy ban nhân dân
SFMG	Nhóm quản lý rừng bền vững (Sustainable Forest Management Group)
VG	Nhóm cấp thôn (Village Group. đồng nghĩa với Nhóm hộ dân trồng rừng)
VGL	Trưởng nhóm cấp thôn (Village Group Leader)
WWF	Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên (World Wide Fund For Nature)

LỜI MỞ ĐẦU

Mục tiêu của quản lý rừng bền vững (QLRBV) là nâng cao nhận thức, năng lực thực hiện/hành động trong việc quản lý một khu rừng cụ thể của chủ rừng nhằm đem lại hiệu quả lâu dài trên cả 3 lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường. QLRBV. Để tiến tới cấp Chứng chỉ rừng FSC (Forest Stewardship Council) chủ rừng cần phải thực hiện theo Bộ tiêu chuẩn của Hội đồng quản lý rừng FSC. Việt Nam đã tham gia QLRBV từ năm 1998, đến nay diện tích rừng đạt được chứng nhận QLRBV theo Tiêu chuẩn của FSC với 67 chủ rừng cùng khoảng hơn 267.000 ha rừng sản xuất và 28 chủ rừng với hơn 153.000 ha đạt chứng chỉ VFCS thuộc hệ thống PEFC (cập nhật tháng 6/2023). Tuy chưa hoàn toàn đạt được mục tiêu tại Quyết định số 83/QĐ-BNN-TCLN ngày 12/02/2016 về việc Phê duyệt Đề án thực hiện quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng giai đoạn 2016 – 2020, nhưng tiến trình chứng chỉ QLRBV của Việt Nam trong những năm gần đây đã có những khởi sắc, trong đó đóng góp của các nhóm hộ nông dân là rất đáng kể, góp phần tăng diện tích rừng được cấp chứng chỉ QLRBV, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho ngành chế biến xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam. Đến 1/2/2024, VN đã có 1.705 chứng nhận FSC CoC và 93 chứng nhận PEFC CoC. Tháng 12/2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,3 tỷ USD, tăng 6,4% so với tháng 11/2023. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 950 triệu USD, tăng 9,5% so với tháng 11/2023 và tăng 8,6% so với tháng 12/2022. Mục tiêu của chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã chỉ rõ: “Đến 2030, 100% diện tích rừng của các chủ rừng là tổ chức được quản lý bền vững; giai đoạn 2021 - 2025 có 10% và giai đoạn 2026 - 2030 có 20% diện tích rừng tự nhiên được nâng cấp chất lượng; nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học và năng lực phòng hộ của rừng, giảm thiểu tối đa các vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, đảm bảo an ninh môi trường”, đây là cơ hội cho những chủ rừng đã và đang có kế hoạch thực hiện chứng chỉ rừng FSC của Việt Nam.

Tuy nhiên, việc chuyển đổi phương thức trồng rừng truyền thống sang trồng rừng theo hệ thống QLRBV (FSC hoặc PEFC) để cấp chứng chỉ rừng đối với các chủ rừng hiện nay vẫn còn gặp những rào cản về nhận thức, kỹ thuật và cách thức tổ chức quản lý. Đặc biệt đối với chủ rừng là các tổ chức nhóm hộ nông dân cả nước. Do đó, việc xây dựng Sổ tay quản lý nhóm chứng chỉ rừng cho nhóm hộ nông dân trồng rừng kuh để xin cấp chứng chỉ là rất cần thiết. Với sự hỗ trợ của các đơn vị tư vấn kỹ thuật là Viện Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng (SFMI), nhóm hộ chứng chỉ rừng FSC Núi Thành, Quảng Nam với Quản lý nhóm là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam đã xây dựng và ban hành “Sổ tay Quản lý nhóm” dựa trên tiêu chuẩn Quản lý rừng FSC Việt Nam V1.0 (2018) nhằm nâng cao năng lực thực hiện hoạt động quản lý nhóm.

Núi Thành, tháng 1 năm 2024

1. Những khái niệm cơ bản

1.1. Chứng chỉ rừng FSC là gì?

Chứng chỉ rừng FSC là Giấy chứng nhận cấp cho những khu rừng được tổ chức quản lý bền vững theo đúng Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững đã được Hội đồng quản trị rừng (*Forest Stewardship Council - FSC*) thông qua.

1.2. Chứng chỉ nhóm

1.2.1. Chứng chỉ nhóm là gì?

Chứng chỉ nhóm là chứng chỉ cấp cho nhiều đơn vị quản lý rừng (chủ rừng) theo một giấy chứng nhận duy nhất. Giấy chứng nhận này được một tổ chức hay một cá nhân đại diện nhận thay cho tất cả thành viên trong nhóm.

Khi các thành viên trong nhóm đăng ký khai thác rừng thì được người/tổ chức đại diện giữ chứng chỉ (Quản lý nhóm) đồng ý dựa trên kế hoạch quản lý rừng và chuyển bản sao chứng chỉ về cho thành viên làm chứng từ chuỗi hành trình sản phẩm FM/CoC trong bán gỗ.

Tất cả chủ rừng tham gia nhóm chứng chỉ đều phải tuân theo Quy chế hoạt động của nhóm, bao gồm: tham gia sinh hoạt nhóm (các cuộc họp, các đợt giám sát), tham gia tập huấn nâng cao năng lực, đóng góp quỹ thành viên và sẵn sàng hỗ trợ các chủ rừng khác có nhu cầu tham gia nhóm chứng chỉ...

1.2.2. Tại sao phải cấp chứng chỉ rừng theo nhóm?

Với đặc thù trong sở hữu và sử dụng đất lâm nghiệp của các hộ dân trên địa bàn cả nước nói chung và ở huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam nói riêng đều rất nhỏ lẻ và manh mún. Sản phẩm làm ra không tập trung, không đảm bảo chất lượng cao dẫn đến tính cạnh tranh yếu trong thị trường nguyên liệu gỗ. Để đáp ứng được nhu cầu nguyên liệu gỗ có chất lượng cao cho xuất khẩu cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế địa phương, kinh tế vùng thì việc liên kết giữa các chủ rừng là nông dân trồng rừng thành nhóm để cấp chứng chỉ QLRBV là tất yếu.

Những yếu tố cơ bản phân tích sự cần thiết tham gia nhóm chứng chỉ đối với các chủ rừng được thể hiện tại bảng sau:

Hộ gia đình	Nhóm hộ gia đình
Chi phí đánh giá cấp chứng chỉ rừng cao (các hộ nhỏ lẻ không có khả năng chi trả)	Chi phí được chia sẻ theo diện tích, số lượng thành viên trong nhóm. Nếu quy mô nhóm lớn thì chi phí của mỗi thành viên sẽ giảm và ngược lại

Hộ gia đình	Nhóm hộ gia đình
Diện tích rừng của mỗi hộ gia đình là rất nhỏ, manh mún	Diện tích của nhóm đủ lớn để tạo thành vùng nguyên liệu tập trung
Mức độ ảnh hưởng của hộ với cộng đồng thấp, áp lực trong việc bảo vệ rừng lớn	Mức độ ảnh hưởng của nhóm đến cộng đồng cao hơn, việc bảo vệ rừng được chia sẻ trách nhiệm cho các thành viên
Khả năng cạnh tranh trong kinh doanh rất kém vì sản phẩm nhỏ lẻ	Khả năng cạnh tranh tốt hơn vì nhóm có vùng nguyên liệu tập trung
Năng lực quản lý, tiếp cận thông tin và tổ chức SXKD hạn chế	Năng lực quản lý, tiếp cận thông tin và tổ chức SXKD tốt vì được chia sẻ bởi các thành viên
Khả năng áp dụng các tiến bộ kỹ thuật khó hơn do năng lực không đồng bộ và chi phí cao	Khả năng áp dụng các tiến bộ kỹ thuật dễ hơn do năng lực của nhóm đồng bộ và chi phí được san sẻ đều cho các hộ thành viên

1.3. Thời hạn của chứng chỉ rừng

Giá trị chứng chỉ FSC cho mỗi lần cấp là 5 năm, theo đó có các cuộc đánh giá cấp và duy trì chứng chỉ bao gồm: 1 lần đánh giá chính (cấp chứng chỉ năm đầu tiên) và 4 lần đánh giá định kỳ (duy trì chứng chỉ) hàng năm. Sau 5 năm sử dụng chứng chỉ, nếu chủ rừng tiếp tục duy trì thì tiến hành đánh giá kéo dài thêm thời hạn cho các lần tiếp theo thì sẽ đánh giá tương tự như lần đầu.

1.4. Những lợi ích cơ bản của chứng chỉ FSC

Trên cơ sở thực hiện mục tiêu quản lý rừng bền vững FSC nhằm đạt được các lĩnh vực: kinh tế - xã hội - môi trường. Những lợi ích đó là nguồn động lực kích thích các chủ rừng tham gia và phát triển với quy mô ngày càng lớn. Cụ thể lợi ích của việc tham gia Chứng chỉ rừng FSC là:

- *Đối với kinh tế:*
 - Đem lại lợi nhuận cao hơn trong kinh doanh rừng trồng thương mại;
 - Nâng cao thu nhập cho chủ rừng trên 1 đơn vị diện tích kinh doanh (lô, khoảnh...);

- Đem lại cơ hội cạnh tranh tốt hơn trong thị trường nguyên liệu gỗ cả trong và ngoài nước. Tạo cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu quốc tế;
- Nâng cao vị thế của ngành Lâm nghiệp trong nền kinh tế quốc dân.
- *Đối với xã hội:*
 - Nâng cao nhận thức và năng lực thực hiện cho chủ rừng trồng thiết lập rừng, quản lý kinh doanh rừng theo Tiêu chuẩn QLRBV FSC;
 - Gắn kết các chủ rừng nhỏ lẻ thành nhóm, liên kết vùng nguyên liệu tập trung;
 - Tạo thêm nhiều việc làm từ rừng, giúp cho người dân gần rừng, sống nhờ rừng phát triển kinh tế và ổn định lâu dài;
 - Đảm bảo vấn đề an ninh quốc phòng gắn với công tác quản lý bảo vệ rừng.
- *Đối với môi trường:*
 - Hạn chế sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có hại cho môi trường;
 - Bảo vệ hành lang dòng chảy của sông, suối và mặt nước tại các hồ chứa nước;
 - Tăng thêm tính đa dạng sinh học trong rừng trồng, như trồng thêm các loại cây gỗ lớn, cây bản địa hoặc các loại dược liệu dưới tán rừng;
 - Không tác động quá mạnh đến tầng đất mặt nhằm hạn chế xói mòn, rửa trôi đồng thời trồng rừng theo đúng kỹ thuật được hướng dẫn;
 - Không sử dụng các loại giống cây trồng biến đổi gen hoặc không rõ nguồn gốc để trồng rừng kinh doanh.

2. Cơ cấu tổ chức Nhóm chứng chỉ rừng FSC huyện Núi Thành – Quảng Nam

2.1. Giới thiệu

Nhóm hộ chứng chỉ rừng FSC Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (trong tài liệu này gọi tắt là nhóm hộ FSC) được thành lập vào tháng 6 năm 2023.

- Tên giao dịch tiếng Việt: Nhóm hộ chứng chỉ rừng FSC Núi Thành, tỉnh Quảng Nam
- Tên giao dịch tiếng Anh: FSC Nui Thanh Forest Certification group, Quang Nam province
- Thành viên nhóm: Các nhóm hộ thuộc 3 xã Tam Nghĩa, Tam Sơn và Tam Thạnh đã tự nguyện đăng ký và gia nhập nhóm
- Quản lý nhóm: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam
- Hỗ trợ tổ chức: UBND huyện Núi Thành, UBND các xã Tam Nghĩa, Tam Sơn và Tam Thạnh, các cơ quan chức năng tại địa phương
- Đơn vị tư vấn kỹ thuật: Viện QLRBV và Chứng chỉ rừng (SFMI)

- Nguồn kinh phí hỗ trợ: Từ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam và đóng góp của các hộ thành viên

Bước đầu, nhóm chứng chỉ rừng FSC huyện Núi Thành thực hiện trên địa bàn ba xã: Tam Nghĩa, Tam Sơn và Tam Thạnh của huyện Núi Thành. Dự kiến, giai đoạn mở rộng nhóm sẽ tiếp tục tăng thêm số lượng thành viên và diện tích rừng tại ba xã trên và thêm các xã có tiềm năng về diện tích rừng trồng trên địa bàn huyện Núi Thành và huyện Tiên Phước.

2.2. Mục tiêu thành lập nhóm hộ

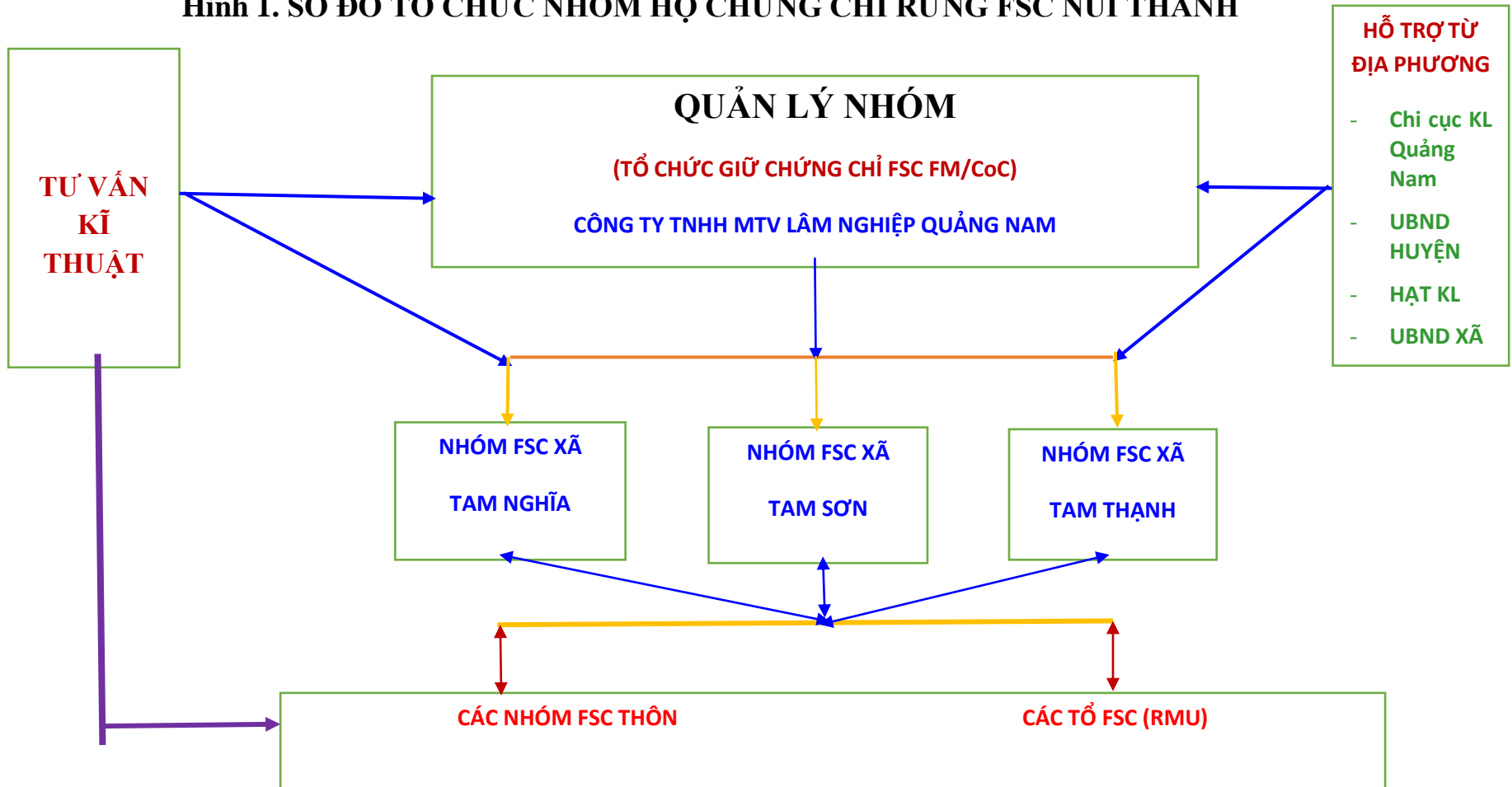
- i. Xây dựng mô hình liên kết giữa doanh nghiệp chế biến và nhóm hộ trồng rừng;
- ii. Hỗ trợ tăng thu nhập, phát triển kinh tế hộ trên cơ sở quản lý, kinh doanh rừng trồng bền vững;
- iii. Tạo ra vùng nguyên liệu gỗ hợp pháp cung cấp cho công nghiệp chế biến tại chỗ và các địa phương khác;
- iv. Xây dựng một thị trường gỗ ổn định góp phần phát triển kinh tế xã hội của huyện;
- v. Góp phần bảo vệ môi trường, chống các tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu;
- vi. Góp phần giữ vững trật tự an ninh và an sinh xã hội.

2.3. Cơ cấu tổ chức của nhóm

Để phù hợp trong công tác tổ chức quản lý nhóm và triển khai các hoạt động trong quản lý rừng, Nhóm chứng chỉ rừng FSC huyện Núi Thành xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý nhóm bao gồm các cấp:

- i. Cấp Quản lý nhóm: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam; trưởng nhóm là GD Công ty: ông Hồ Văn Bền
- ii. Cấp xã: Quản lý nhóm phối hợp với UBND các xã tổ chức bầu ra BQL nhóm của 3 xã Tam Nghĩa, Tam Sơn và Tam Thạnh thuộc huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;
- iii. Cấp thôn: Nhóm quản lý là đại diện các hộ dân thuộc các thôn tham gia trong 3 xã do các hộ gia đình bầu ra;
- iv. Thành viên: Là các hộ gia đình thuộc các thôn của 3 xã;
- v. Đơn vị hỗ trợ về hành chính và pháp luật: UBND huyện và các phòng chức năng của huyện, Hạt Kiểm lâm huyện Núi Thành và UBND các xã trong vùng chứng chỉ;
- vi. Đơn vị hỗ trợ kỹ thuật tại địa phương: Chi vụ Kiểm lâm Quảng Nam và hạt Kiểm lâm huyện Núi Thành;
- vii. Đơn vị tư vấn kỹ thuật: Viện Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng (SFMI).

Hình 1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NHÓM HỘ CHỨNG CHỈ RỪNG FSC NÚI THÀNH



3. Sơ lược về điều kiện tự nhiên khu vực quản lý của nhóm

Diện tích rừng trồng của các hộ gia đình đưa vào quản lý theo mô hình QLRBV của hệ thống FSC nằm trên địa bàn 3 xã Tam Nghĩa, Tam Sơn và Tam Thạnh thuộc huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Có những điều kiện tự nhiên cơ bản như sau:

3.1. Độ cao ở các xã thuộc nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành

Xã	Độ cao thấp nhất (m)	Độ cao cao nhất (m)
Tam Sơn	23 (Thôn Thuận Yên Đông)	417 (Thôn Danh Sơn)
Tam Thạnh	33 (Thôn Trường Thạnh)	382 (Thôn Phước Thạnh)
Tam Nghĩa	11 (Thôn An Long)	378 (Thôn An Long)

3.2. Các hồ, sông suối chính chảy trong địa phận 3 xã

a. Các hồ nước

- Hồ Phú Ninh có tổng diện tích 3.433,0 ha có diện tích tại các thôn Đức Phú, Danh Sơn, Thuận Yên Đông, Mỹ Đông xã Tam Sơn và thôn Trường Thạnh, xã Tam Thạnh.

- Hồ Hồ Mây, diện tích 28,23 ha nằm tại thôn An Long, xã Tam Nghĩa.

- Hồ Hóc Cỏ diện tích 3,28 ha nằm tại thôn An Long, xã Tam Nghĩa.

- Hồ thủy lợi (không rõ tên) diện tích 0,77 ha nằm tại thôn Hoà Mỹ xã Tam Nghĩa.

b. Sông suối

- Sông Yên Thuận đi qua các thôn Danh Sơn, Thuận Yên Tây, Mỹ Đông, xã Tam Sơn. Chiều dài khoảng 10 km.

- Sông Ba Túc chảy qua các thôn Trung Hoà, Đức Phú xã Tam Thạnh. Chiều dài khoảng 4 km.

3.3. Các đường giao thông chính chạy qua

- Đường tỉnh lộ đi qua các thôn Thuận Yên Tây, Mỹ Đông, xã Tam Sơn dài 21,7 km.

- Đường huyện lộ đi qua các thôn An Long, thôn Hoà Mỹ, xã Tam Nghĩa chiều dài 15 km.

- Đường huyện lộ đi qua các thôn Đức Phú, Phước Thạnh, Trung Hoà xã Tam Thạnh dài 9k,2 km.

- Đường huyện lộ đi qua các thôn Thuận Yên Đông, Mỹ Đông xã Tam Sơn dài 7,59 km.

4. Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các thành viên

4.1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của các thành viên

i. Tự nguyện kí đơn và hợp đồng tham gia nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam hỗ trợ ít nhất là 5 năm. Trồng lại rừng sau khai thác;

- ii. Cam kết tuân thủ các yêu cầu theo các nội dung của quy chế quản lý nhóm;
- iii. Phối hợp với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam (Đơn vị nắm giữ Chứng chỉ FSC) thực hiện khắc phục các lỗi không tuân thủ tiêu chuẩn FSC khi khi nội bộ nhóm và tổ chức đánh giá quốc tế phát hiện lỗi;
- iv. Cam kết tuân thủ kỹ thuật trồng rừng, chăm sóc, quản lý và bảo vệ rừng theo quy định của tổ chức cấp chứng chỉ rừng Quốc tế được FSC uỷ quyền;
- v. Cam kết tuân thủ thời gian khai thác theo phương án quản lý rừng của nhóm. Cam kết giữ rừng và khai thác rừng ít nhất ở tuổi từ 5 năm trở lên;
- vi. Đồng ý uỷ quyền để quản lý nhóm, tổ chức chứng chỉ và FSC vào rừng của gia đình giám sát, kiểm tra định kỳ;
- vii. Làm các thủ tục khai thác, vận chuyển gỗ có chứng chỉ theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu của tiêu chuẩn FSC;
- viii. Cam kết bán toàn bộ sản phẩm khai thác từ rừng đã được cấp chứng chỉ rừng FSC FM/CoC cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam.
- ix. Phải tham gia sinh hoạt và đóng góp đầy đủ các khoản phí theo quy định của nhóm.

4.2. Quyền lợi của thành viên

- i. Được tham gia vào nhóm trồng rừng có Chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC Núi Thành; hoặc xin ra khỏi nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành khi hộ gia đình có nhu cầu chính đáng.
- ii. Được tham gia miễn phí các cuộc tập huấn, đào tạo kỹ thuật do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam hỗ trợ tổ chức;
- iii. Được công ty bao tiêu sản phẩm sau khai thác với giá thu mua bằng hoặc hơn giá thị trường;
- iv. Rừng liên kết của thành viên sau khi được đánh giá và cấp chứng chỉ, công ty sẽ hỗ trợ cho thành viên 1 triệu đồng/ha;
- v. Rừng đến tuổi khai thác, sau khi khai thác xong và thành viên làm thủ tục khai thác và gửi về công ty, Công ty sẽ chi trả cho thành viên thêm 2 triệu đồng/ha;
- vi. Được hỗ trợ cây con trồng lại rừng khi có thiên tai bất khả kháng (bão lũ), với mật độ 3.000 cây/ha;
- vii. Công ty hướng dẫn thành viên làm thủ tục tận thu sản phẩm bị đổ gãy do bão, lũ và bao tiêu sản phẩm;
- viii. Thời hạn hợp tác là lâu dài, ổn định và bền vững.

5. Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của Trưởng nhóm cấp thôn

5.1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Trưởng nhóm cấp thôn

Trưởng nhóm cấp thôn được bầu ra với số phiếu đồng ý ít nhất 2/3 số thành viên tham gia. Trưởng nhóm cấp thôn sẽ đại diện cho Quản lý nhóm (QLN) thực hiện

quản lý và giám sát các hoạt động quản lý rừng của thành viên. Có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện các hoạt động:

- i. Hướng dẫn cách điền đơn gia nhập nhóm (mẫu 1) và kế hoạch quản lý kinh doanh rừng theo lô (mẫu 2);
- ii. Thực hiện kiểm tra điều kiện ban đầu khi chủ rừng gia nhập nhóm chứng chỉ và điền vào mẫu (mẫu 3);
- iii. Làm công tác truyền thông trong cộng đồng và giải thích các vấn đề thắc mắc cho thành viên nhóm về QLRBV - FSC (Phụ lục 3);
- iv. Thực hiện giám sát hàng năm theo mẫu. Giám sát 100% diện tích tham gia chứng chỉ của các thành viên trong nhóm thôn;
- v. Ghi chép và báo cáo kết quả các hoạt động tổ chức quản lý nhóm và giám sát quản lý rừng lên Trưởng nhóm xã (1 lần/ tháng);
- vi. Tổng hợp chi phí - doanh thu - lợi nhuận của thành viên trong chu kỳ kinh doanh rừng;
- vii. Cùng Trưởng nhóm xã, thành viên đàm phán giá bán gỗ với khách hàng và ký hợp đồng bán gỗ khi được thành viên ủy quyền;
- viii. Lưu trữ các tài liệu, hồ sơ liên quan đến thành viên và nhóm cấp thôn, bao gồm: danh sách thành viên; kế hoạch giám sát quản lý rừng cấp thôn theo năm; báo cáo kết quả các đợt giám sát trong năm (theo mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN); bản photo hồ sơ của thành viên nhóm (đơn xin tham gia nhóm chứng chỉ rừng, sổ đỏ, kế hoạch kinh doanh rừng theo lô, các chứng từ mua cây giống, phân bón,...).

5.2. Quyền và quyền lợi của Trưởng nhóm cấp thôn

- i. Lựa chọn nông dân chủ chốt để tham mưu, giúp việc trong quá trình hoạt động;
- ii. Điều phối các hoạt động tổ chức quản lý nhóm và kế hoạch giám sát quản lý rừng;
- iii. Giám sát và yêu cầu các thành viên thực hiện hành động khắc phục lỗi khi phát hiện;
- iv. Quyền lợi: được hưởng phụ cấp theo qui định đã nêu tại qui chế quản lý quỹ của nhóm.

6. Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền của trưởng nhóm cấp xã

Trưởng nhóm cấp xã được bầu từ hội nghị các thành viên đại diện cho các thôn dưới sự chỉ đạo và phối hợp của UBND. Trưởng nhóm xã có trách nhiệm tổ chức quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động của nhóm chứng chỉ rừng cấp xã. Đồng thời tham mưu cho quản lý nhóm (Công ty TNHH MTV LN Quảng Nam) các vấn đề cần đến sự hỗ trợ của Lãnh đạo UBND xã khi ban hành các quyết định liên quan đến quá trình hoạt động của nhóm chứng chỉ rừng xã.

6.1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Trưởng nhóm xã

- i. Cập nhật danh sách thành viên, kế hoạch quản lý rừng cấp xã dựa trên kế hoạch quản lý rừng cấp thôn cùng các bên liên quan;
- ii. Thực hiện Giám sát công tác quản lý rừng với 20% diện tích tham gia chứng chỉ của thành viên trong xã;
- iii. Phổ biến thông tin về thị trường giá cả lâm sản, khách hàng cho các nhóm thôn. Phối hợp cùng Trưởng nhóm thôn, thành viên đàm phán giá bán gỗ;
- iv. Theo dõi khiếu nại đối với thành viên nhóm thôn hay các Trưởng nhóm thôn;
- v. Thu thập các tài liệu: Qui hoạch sử dụng đất cấp xã, giao đất cho trồng rừng, điều lệ an toàn lao động;
- vi. Thu thập, cập nhật số liệu về tình hình kinh tế - xã hội hàng năm từ các nhóm thôn trong các cuộc họp thường niên của nhóm và từ báo cáo tổng kết các hoạt động của xã trong năm (theo mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN);
- vii. Báo cáo kết quả các hoạt động của nhóm cấp xã theo định kỳ 1 lần/ quý cho QLN, có thể có các báo cáo bất thường lên cấp Quản lý nhóm để xử lý khi ngoài tầm kiểm soát theo trách nhiệm của mình;
- viii. Lưu trữ: danh sách thành viên nhóm xã; kế hoạch quản lý rừng cấp thôn, cấp xã; bản đồ hiện trạng nhóm chứng chỉ rừng cấp xã; lịch giám sát và kết quả các đợt giám sát; báo cáo đánh giá của tổ chức cấp chứng chỉ rừng; yêu cầu hành động khắc phục lỗi.

6.2. Quyền và quyền lợi của Trưởng nhóm xã

- i. Thảo luận cùng thành viên để điều tiết kế hoạch quản lý rừng cấp xã nhằm đảm bảo tính ổn định và bền vững trong sản xuất kinh doanh rừng chứng chỉ. Ví dụ: điều chỉnh tỷ lệ khai thác rừng hàng năm trong xã để có diện tích khai thác bình quân phù hợp cho các năm.
- ii. Giám sát các hoạt động quản lý rừng của nhóm cấp thôn và yêu cầu hành động khắc phục lỗi khi phát hiện.
- iii. Điều phối các hoạt động tổ chức quản lý nhóm và kế hoạch giám sát quản lý rừng;
- iv. Quyền lợi: được hưởng phụ cấp theo qui định đã nêu tại qui chế quản lý quỹ của nhóm.

7. Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền của Quản lý nhóm

Quản lý nhóm là người đại diện của nhóm hộ (vì là chủ thể của 1 đơn vị kinh doanh lâm nghiệp, có tư cách pháp nhân) họ được các thành viên trong nhóm tin cậy, ủy quyền đứng ra xin cấp và tổ chức hoạt động duy trì chứng chỉ rừng cho nhóm. Hiện tại, Quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC huyện Núi Thành là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam.

7.1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Quản lý nhóm

- i. Cung cấp các thông tin về nhóm cho đơn vị cấp chứng chỉ tiến hành các thủ tục để đánh giá chính cấp chứng chỉ rừng và đánh giá định kỳ;
- ii. Cập nhật danh sách thành viên, bản đồ nhóm chứng chỉ theo năm và thảo luận để điều chỉnh kế hoạch quản lý rừng của nhóm phù hợp, ổn định và bền vững;
- iii. Chính thức chấp nhận thành viên mới vào nhóm chứng chỉ hoặc ủy quyền cho Trưởng nhóm cấp xã ký xác nhận vào bản thông báo (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN);
- iv. Tổng hợp số liệu về chi phí, doanh thu và lợi nhuận của nhóm liên quan trực tiếp đến kinh doanh rừng;
- v. Tổng hợp các khoản thu từ đóng góp phí thành viên và các chi phí hoạt động nhóm để báo cáo tài chính trong cuộc họp thường niên (1 lần/ năm);
- vi. Thông báo kế hoạch giám sát nội bộ, kế hoạch đánh giá của Tổ chức cấp chứng chỉ rừng đến các nhóm cấp xã và thông báo kế hoạch khắc phục lỗi sau đánh giá nội bộ và đánh giá của Tổ chức cấp chứng chỉ đến các nhóm cấp xã;
- vii. Tổ chức giám sát nội bộ hàng năm từ 5% đến 10% tùy theo từng quy mô diện tích rừng của nhóm;
- viii. Lưu trữ ngân hàng dữ liệu: tài liệu, số liệu của nhóm trên hệ thống máy tính, bản cứng nếu cần;

Trong trường hợp cần phát sinh để sửa đổi Sổ tay hoặc Điều lệ thành viên, Quản lý nhóm sẽ tổ chức một quá trình sửa đổi một cách minh bạch. Các sửa đổi cần được đồng thuận của ít nhất 2/3 số các thành viên của nhóm.

7.2. Quyền của Quản lý nhóm

- Tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cấp chứng chỉ rừng và ký hợp đồng đánh giá cấp chứng chỉ rừng;
- Giữ bản gốc chứng chỉ rừng của nhóm;
- Kết nạp thành viên mới, mở rộng nhóm và khai trừ thành viên ra khỏi nhóm.

8. Lập kế hoạch quản lý rừng theo nhóm thôn, xã

8.1. Quy trình lập kế hoạch quản lý rừng theo nhóm thôn, xã

Trên cơ sở tổng hợp các lô rừng của thành viên tham gia nhóm chứng chỉ, Trưởng nhóm thôn tổ chức cuộc họp nhóm với mục đích thống nhất mục tiêu kinh doanh rừng theo lô cho tất cả thành viên trong nhóm, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc khai thác trắng với diện tích lớn liền kề không vượt quá 20 ha, đồng thời điều tiết diện tích rừng nhiều cấp tuổi trong nhóm để hạn chế rủi ro trong kinh doanh. Lập kế hoạch quản lý rừng theo nhóm thôn, nhóm xã được thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1: Rà soát, thảo luận với thành viên nhóm để thống nhất mục tiêu kinh doanh rừng của họ;

Bước 2: Phân loại các lô rừng theo từng cấp tuổi hoặc nhóm cấp tuổi, loài cây để làm cơ sở lập kế hoạch quản lý rừng của nhóm;

Bước 3: Lập kế hoạch các hoạt động quản lý rừng của nhóm nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh và đảm bảo tuân thủ các tiêu chí về kỹ thuật, môi trường và đạt hiệu quả kinh tế, như: trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ, phòng trừ sâu bệnh hại, phòng chống cháy rừng và khai thác rừng. Kế hoạch sẽ được xác định rõ cho từng hoạt động đối với từng diện tích và thời gian thực hiện, người chịu trách nhiệm thực hiện.

Bước 4: Mô tả kế hoạch quản lý rừng theo cấp cảnh quan và dự báo về khả năng phát triển mở rộng diện tích rừng/ tiềm năng sẵn có.

Trưởng nhóm xã tổng hợp kế hoạch quản lý rừng các nhóm thôn vào bảng kế hoạch quản lý rừng cấp xã, lập bản đồ hiện trạng rừng của nhóm xã. Sau khi có kế hoạch quản lý rừng cấp xã, bản đồ hiện trạng nhóm chứng chỉ rừng cấp xã, QLN làm Tờ trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt (UBND huyện hoặc UBND xã). Kết quả tóm tắt kế hoạch quản lý rừng cấp xã và bản đồ hiện trạng nhóm chứng chỉ rừng của xã sẽ được công bố trên bảng tin của các nhóm thôn và nhóm xã, để tất cả thành viên nhóm và các bên liên quan nắm bắt thông tin về hoạt động chứng chỉ rừng.

Căn cứ vào kế hoạch quản lý rừng cấp nhóm thôn - cấp xã, QLN lập kế hoạch giám sát hàng năm và thông báo lịch giám sát hàng năm cho các cấp quản lý trong nhóm để thực hiện.

8.2. Cập nhật và sửa đổi kế hoạch quản lý rừng

Kế hoạch quản lý rừng là kim chỉ nam của mọi hoạt động. Tất cả các lô rừng mới tham gia, các lô được khai thác và trồng lại mới cũng như các lô bị thay đổi hiện trạng mà không được báo trước (dịch bệnh, bão đò) cần được tổng hợp cập nhật vào kế hoạch quản lý rừng hàng năm. Quản lý nhóm sẽ phê duyệt bất kỳ thay đổi quan trọng trong quản lý lô rừng. Lý do cho sự thay đổi này cần được giải thích rõ ràng trong sổ nhật ký quản lý lô rừng và cập nhật trong kế hoạch quản lý rừng cấp thôn, xã.

Các thay đổi quan trọng cho kế hoạch quản lý rừng cấp thôn, xã cần phải được tham vấn với các bên liên quan theo cách phù hợp.

Quản lý nhóm có trách nhiệm thường xuyên tìm hiểu, cập nhật những văn bản Pháp quy về hướng dẫn thực hiện trong công tác QLRBV của Việt Nam và của Hội đồng quản trị rừng quốc tế FSC. Nếu điều đó quan trọng cho nhóm, Quản lý nhóm cần thông báo các văn bản đó và có những biện pháp thích hợp về đào tạo cũng như đưa chúng vào kế hoạch quản lý rừng hoặc vào quá trình sửa đổi.

9. Kế hoạch giám sát đánh giá nội bộ

Căn cứ kế hoạch quản lý rừng hàng năm của nhóm cấp thôn, cấp xã và được tổng hợp bởi Quản lý nhóm, kế hoạch giám sát nội bộ được xây dựng cho từng hoạt động, từng cấp quản lý thực hiện. Những nội dung chính trong giám sát nội bộ, bao gồm:

- Giám sát hoạt động trồng rừng;
- Giám sát hoạt động chăm sóc rừng trồng;
- Giám sát hoạt động nuôi dưỡng rừng;

- Giám sát hoạt động quản lý, bảo vệ rừng
- Giám sát hoạt động khai thác rừng.

Để đảm bảo việc xây dựng kế hoạch giám sát nội bộ phù hợp cho từng hoạt động, quản lý nhóm các cấp phải tổ chức tham vấn thành viên nhóm, các bên liên quan của địa phương.

9.1. Giám sát kế hoạch quản lý kinh doanh rừng theo lô hàng năm

Căn cứ kế hoạch quản lý rừng cấp thôn - cấp xã, kế hoạch giám sát đánh giá được xây dựng cho năm hoạt động. Hàng năm, từng lô rừng của tất cả thành viên trong nhóm phải được ít nhất một lần đến đánh giá, do Trưởng nhóm thôn hay nông dân chủ chốt được ủy quyền kết hợp với một số thành viên và chủ rừng. Quản lý nhóm phải sử dụng lịch giám sát hàng năm (Lịch trình 2) để lập kế hoạch giám sát đánh giá các lô rừng.

Căn cứ kế hoạch kinh doanh rừng theo lô, kế hoạch giám sát lô được quản lý nhóm cấp thôn tổng hợp theo cấp tuổi để lập cho từng hoạt động (kế hoạch giám sát quản lý rừng cấp thôn - phụ lục.....)

Trưởng nhóm cấp xã sẽ thực hiện giám sát các hoạt động quản lý rừng khoảng 20% tổng diện tích rừng chứng chỉ của xã.

9.2. Giám sát của Quản lý nhóm

Căn cứ tính thời vụ trong kinh doanh rừng của địa phương, Quản lý nhóm hoặc người được ủy quyền sẽ lựa chọn thời điểm cần giám sát các hoạt động trong năm, diện tích giám sát của Quản lý nhóm khoảng từ 20% - 30% diện tích giám sát của Trưởng nhóm cấp xã. Kết quả của các đợt giám sát này sẽ được công khai cho những chủ rừng, Trưởng nhóm cấp thôn, xã để triển khai các hoạt động khắc phục (nếu có phát hiện)

9.3. Giám sát khai thác

Khi tiến hành khai thác gỗ rừng trồng, các thành viên trong nhóm chứng chỉ đều phải thực hiện giám sát trước/ trong/ và sau khai thác theo mẫu giám sát khai thác (Mẫu 6), nội dung giám sát bao gồm:

- Tình trạng của lô rừng trước khi khai thác cần phải được ghi nhận, như: xói mòn; đa dạng sinh học của cây tái sinh có giá trị, bảo vệ hành lang ven sông - suối, hoặc khu sinh cảnh dễ bị tổn thương, Trưởng nhóm thôn sẽ xác định các hoạt động có thể xảy ra sự ảnh hưởng về môi trường do khai thác rừng gây ra để cùng chủ rừng đưa ra các biện pháp ngăn ngừa;

- Trong khai thác, căn cứ vào hợp đồng khai thác với nhà thầu để giám sát công nhân khai thác. Nếu phát hiện các lỗi kỹ thuật, hoặc các lỗi gây hại đến môi trường thì đoàn giám sát sẽ tiến hành lập biên bản. Có thể ở các mức khác nhau: nhắc nhở, cảnh cáo, phạt tiền hoặc chấm dứt hợp đồng đơn phương;

- Sau khai thác rừng, Trưởng nhóm thôn cùng các thành viên và các bên liên quan sẽ giám sát việc tuân thủ các yêu cầu của FSC®, phát hiện những lỗi không tuân thủ như tác động đến xói mòn, hạn chế dòng chảy, môi trường rác thải thì Trưởng nhóm thôn yêu cầu các hoạt động khắc phục đến các thành viên hoặc bên liên quan.

9.4. Họp nhóm thường niên

Các cuộc họp nhóm thường niên là nơi để các thành viên nhóm trao đổi thông tin, thảo luận và đưa ra quyết định. Trưởng nhóm thôn tổ chức các cuộc họp ở thôn hoặc xã và có sự tham gia của Quản lý nhóm hoặc người đại diện. Mọi quyết định đều cần có sự đồng thuận. Trong trường hợp không đạt được sự đồng thuận thì sẽ có một cuộc bỏ phiếu, yêu cầu có ít nhất 2/3 số phiếu đồng ý của những thành viên có mặt trong cuộc họp.

Ngoài ra, các cuộc họp thường niên đáp ứng chức năng giám sát ở cấp cảnh quan:

- Giám sát tác động môi trường: giám sát các vấn đề xung quanh tác động môi trường của quản lý rừng trong năm, các biện pháp đã sử dụng cần được thảo luận hàng năm và tài liệu hóa bằng biên bản, báo cáo họp định kỳ hàng năm. Các kết quả sẽ được đưa lên bảng thông tin nhóm thôn và lưu trong hồ sơ;

- Giám sát tác động xã hội: Trưởng nhóm thôn với sự hỗ trợ của Trưởng nhóm xã lập một đánh giá tình hình kinh tế xã hội của các thành viên và những người nộp đơn. Nội dung đánh giá cần so sánh các chỉ số của năm trước với năm đánh giá, nắm bắt được những thay đổi theo thời gian trong khoảng 5 năm, phân tích những yếu tố tích cực và tiêu cực để có những giải pháp thực hiện.

Một bản dự thảo chương trình họp thường niên đính kèm trong cuốn sổ tay hướng dẫn này (phụ lục Sổ tay QLN) sẽ được sử dụng như một bản hướng dẫn danh mục kiểm tra để đảm bảo rằng tất cả các khía cạnh quan trọng đều được thảo luận.

9.5. Yêu cầu cho các hành động khắc phục

Những người có trách nhiệm cần giám sát kỹ lưỡng việc thực hiện các yêu cầu cho hành động khắc phục đã được đưa ra trong thời gian giám sát nội bộ tại các lô rừng ở cấp thôn và xã (Yêu cầu hành động khắc phục nội bộ) cho đến trước lần giám sát nội bộ kỳ sau. Điều này sẽ được thực hiện qua các mẫu giám sát, báo cáo và các cuộc họp thường niên.

Các yêu cầu hành động khắc phục lỗi do các đánh giá viên của tổ chức cấp chứng chỉ nêu ra trong các cuộc đánh giá định kỳ hoặc đánh giá lại cần được quan tâm đặc biệt:

- Quản lý nhóm ghi lại tất cả các hành động phải khắc phục và đưa vào danh mục các yêu cầu hành động khắc phục (phụ lục sổ tay);

- Quản lý nhóm cung cấp một mẫu biểu yêu cầu hành động khắc phục (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN) đến những người có trách nhiệm (ví dụ thành viên hay

Trưởng nhóm thôn, xã) với mô tả rõ ràng về lỗi và thời hạn thực hiện hành động khắc phục;

- Trong trường hợp chủ rừng đã nhiều lần thất bại trong việc hoàn thành các yêu cầu hành động khắc phục nội bộ, hay các yêu cầu hành động khắc phục do tổ chức cấp chứng chỉ nêu ra. Trưởng nhóm thôn và Quản lý nhóm phải xem xét lại tư cách tham gia nhóm của chủ rừng, để ra quyết định khai trừ thành viên ra khỏi nhóm chứng chỉ.

10. Quy trình mở rộng nhóm chứng chỉ

10.1. Kết nạp thành viên mới/ lô rừng mới của thôn - xã đã có chứng chỉ

Quản lý nhóm sẽ xem xét/ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt các đơn xin gia nhập nhóm của các hộ dân trong các nhóm thôn đã tồn tại cho các lô rừng mới vào nhóm, tập trung mỗi năm một lần (Có thể thực hiện các trường hợp ngoại lệ, ví dụ cho một diện tích lớn). Cần tuân thủ quy trình sau đây:

- Các hộ dân nhận mẫu đơn, điền thông tin và nộp đơn theo mẫu đến Trưởng nhóm thôn. Trưởng nhóm thôn hoặc người nông dân chủ chốt được ủy quyền sẽ hỗ trợ người nộp đơn điền thông tin vào Kế hoạch quản lý kinh doanh rừng theo lô (Sổ tay QLN) và thực hiện một cuộc kiểm tra các điều kiện ban đầu gia nhập nhóm theo mẫu (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN). Nếu trong quá trình kiểm tra, phát hiện các lỗi chưa tuân thủ theo Tiêu chuẩn QLRBV FSC thì người kiểm tra thông báo cho người nộp đơn biết các lỗi, giải thích các biện pháp khắc phục và thông nhất thời hạn để thực hiện các hành động khắc phục;

- Hàng năm, QLN phúc kiểm 10% mẫu kiểm tra điều kiện ban đầu của tổng số các lô rừng nộp đơn xin gia nhập nhóm. Trong trường hợp lo ngại về chất lượng của việc kiểm tra điều kiện ban đầu, QLN cần kiểm tra toàn bộ các lô rừng mới gia nhập vào nhóm thôn và yêu cầu Trưởng nhóm thôn phải cải thiện chất lượng. Trường hợp vẫn còn lo ngại về chất lượng, QLN cần có các hành động phù hợp (ví dụ như tổ chức tập huấn nâng cao, hoặc thậm chí cách chức và thay Trưởng nhóm thôn);

- Sau khi các chủ rừng hoàn thành hành động khắc phục lỗi và được Trưởng nhóm thôn hay nông dân chủ chốt kiểm tra, Trưởng nhóm cấp thôn sẽ đưa vào danh sách thành viên và cập nhật các lô rừng đó vào kế hoạch quản lý rừng cấp thôn. Các thành viên mới này sẽ được tiếp tục hướng dẫn hoàn thành các công việc tiếp theo, ghi nhật ký quản lý lô rừng (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN), mẫu giám sát hàng năm (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN), điều tra tình hình kinh tế xã hội theo mẫu (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN),...;

- Trưởng nhóm thôn sẽ gửi một danh sách các hộ xin gia nhập cùng hiện trạng đánh giá các điều kiện ban đầu, kết quả hành động khắc phục đã được hoàn thành cho Quản lý nhóm đồng thời gửi bản sao cho Trưởng nhóm xã và hai đơn xin gia nhập bản chính của họ để xin phê duyệt;

- Trước khi có phê duyệt cuối cùng cho các thành viên mới, Quản lý nhóm cần thông báo cho tổ chức cấp chứng chỉ danh sách thành viên mới được cập nhật, bao gồm cả những thành viên mới kết nạp và bị khai trừ. Những thành viên mới cần phải được đánh giá và công nhận “đạt yêu cầu” từ tổ chức cấp chứng chỉ;

- Quản lý nhóm sẽ ký hoặc ủy quyền ký toàn bộ các mẫu đơn gia nhập (2 bản) và gửi trả lại thành viên giữ một bản và Trưởng nhóm thôn giữ một bản. Sau đó các chủ rừng xin gia nhập nhóm sẽ được QLN thông báo chính thức là thành viên nhóm;

- Quản lý nhóm cần cập nhật hàng năm toàn bộ danh sách nhóm bao gồm: gia nhập mới và rời bỏ nhóm của các thành viên.

Trưởng nhóm thôn hoặc người nông dân chủ chốt được ủy quyền cần phát các tài liệu liên quan đến QLRBV FSC và tổ chức tập huấn cho các thành viên mới.

10.2. Kết nạp thôn và xã mới

10.2.1. Thôn/ xã mới đã được đánh giá tiềm năng về cấp chứng chỉ rừng

Nếu các thôn hoặc xã mới có nhu cầu tham gia Nhóm chứng chỉ đã được đánh giá tiềm năng thì QLN cần có các hoạt động hỗ trợ về công tác tổ chức và hướng dẫn kỹ thuật QLRBV FSC thông qua các hoạt động theo Quy trình sau:

• **Tổ chức Hội nghị giới thiệu về Chứng chỉ rừng triển khai kế hoạch cấp chứng chỉ rừng cho xã, thành phần bao gồm:**

- Lãnh đạo UBND xã, cán bộ nông lâm, kiểm lâm địa bàn;
- Đại diện Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên,...
- Các Trưởng thôn;
- Toàn bộ các chủ rừng trong xã có nhu cầu tham gia nhóm chứng chỉ.

Sau thời gian hội nghị, có thể 2 tuần hoặc 4 tuần Ban quản lý nhóm FSC xã sẽ tổng hợp đơn xin gia nhập nhóm chứng chỉ rừng của các chủ rừng. Quản lý nhóm sẽ phối hợp cùng các Trưởng nhóm thôn, xã đã có chứng chỉ và Ban quản lý nhóm FSC xã mới tiến hành tổ chức các lớp tập huấn về Công tác tổ chức quản lý nhóm và hướng dẫn kỹ thuật quản lý rừng.

• **Các lớp tập huấn về Tổ chức quản lý nhóm và quản lý rừng, bao gồm:**

- Chứng chỉ rừng và Cơ cấu tổ chức nhóm;
- Kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng chứng chỉ;
- Điều tra rừng, đánh giá tác động môi trường và xã hội;
- Phòng trừ sâu bệnh hại và phòng chống cháy rừng;
- Khai thác tác động thấp và Quản lý chuỗi hành trình sản phẩm;
- Xây dựng kế hoạch quản lý rừng cấp thôn, cấp xã;
- Giám sát đánh giá nội bộ công tác quản lý nhóm và quản lý rừng.

• **Hoàn thiện hồ sơ thành viên, hồ sơ nhóm cấp thôn, cấp xã**

- Hồ sơ thành viên bao gồm: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ hoặc hợp đồng thuê đất); đơn xin tham gia nhóm chứng chỉ (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN); kế hoạch kinh doanh rừng theo lô (mẫu trong Sổ tay QLN); kiểm tra điều kiện ban đầu (mẫu trong Sổ tay QLN - bản photo); nhật ký quản lý lô rừng (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN); các chứng từ mua cây giống, phân bón, thuốc BVTV nếu có; phiếu đánh giá kinh tế xã hội (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN - photo);

- Hồ sơ nhóm cấp thôn bao gồm: danh sách thành viên nhóm thôn; đơn xin tham gia nhóm của thành viên (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN - photo); kế hoạch kinh doanh rừng theo lô (mẫu trong Sổ tay QLN - photo); kiểm tra điều kiện ban đầu (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN); giám sát hàng năm (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN); phiếu đánh giá kinh tế xã hội (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN) kế hoạch quản lý rừng cấp thôn; các năm tiếp theo sẽ cập nhật bổ sung các loại mẫu biểu liên quan đến giám sát khai thác, vận chuyển phiếu CoC,...;

- Hồ sơ nhóm cấp xã bao gồm: danh sách thành viên nhóm xã; báo cáo chuyên đề về đánh giá tác động xã hội - môi trường, điều tra rừng - rừng có giá trị bảo tồn cao (nếu có); kế hoạch quản lý rừng cấp xã; bản đồ hiện trạng rừng chứng chỉ;

Ngoài ra, thành viên - nhóm cấp thôn - nhóm cấp xã phải lưu toàn bộ các tài liệu hướng dẫn quản lý nhóm, quản lý rừng và các tài liệu tập huấn kỹ thuật liên quan khác.

10.2.2. Đối với các xã chưa được đánh giá tiềm năng cấp chứng chỉ rừng

Đánh giá tiềm năng cho cấp chứng chỉ rừng là hoạt động rà soát tất cả các lĩnh vực về tình hình kinh tế - xã hội - môi trường dựa trên Bộ tiêu chuẩn QLRBV FSC để lựa chọn. Từ kết quả đánh giá tiềm năng, các hoạt động hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng sẽ được lập kế hoạch sát với thực tế và hiệu quả.

Sau khi có kết quả đánh giá tiềm năng, các hoạt động hỗ trợ sẽ được thực hiện tương tự như phần trên. Có thể dựa vào thực tế, các hoạt động được chi tiết hơn hoặc đơn giản hơn.

11. Tập huấn

Kế hoạch tập huấn sẽ được xây dựng trên cơ sở đánh giá nhu cầu của các chủ rừng (thành viên), khi các lớp tập huấn đã được thống nhất với đối tượng, số lượng tham gia, địa điểm tổ chức thực hiện thì QLN sẽ chuẩn bị các nội dung tài liệu phù hợp và lập dự toán cho các lớp trong năm thực hiện.

Hoạt động tập huấn có thể linh hoạt theo từng nội dung và đối tượng tác động: nếu các thành viên mới hoàn toàn cần phải thực hiện tập huấn toàn bộ các nội dung liên quan đến công tác tổ chức quản lý nhóm và QLRBV FSC, nếu là các thành viên cũ của nhóm thì có thể tiến hành 2 năm/ lần cho việc tập huấn lại. Trong trường hợp có thay đổi chính về cấu trúc nhóm hoặc qui định kỹ thuật, Quản lý nhóm có thông báo và hướng dẫn tập huấn bổ sung trong các cuộc họp định kỳ của nhóm thôn.

Sau mỗi lớp tập huấn, QLN cần có báo cáo đánh giá chất lượng, danh sách người tham gia tập huấn, tài liệu, kinh phí, hình ảnh để lưu lại làm bằng chứng thực hiện.

12. Tĩa thừa, khai thác và bán gỗ chứng chỉ FSC

12.1. Quy trình phê duyệt

Căn cứ kế hoạch kinh doanh rừng theo lô, thành viên trong nhóm có nguyện vọng thực hiện việc tĩa thừa hay khai thác bán gỗ sẽ thông báo cho Trưởng nhóm cấp thôn trước ít nhất 1 tháng. Trưởng nhóm thôn phối hợp cùng nông dân chủ chốt và thành viên tiến hành điều tra trữ lượng rừng trước khi khai thác 12 tháng để lập kế hoạch khai thác và tiêu thụ, đánh giá hiện trạng rừng trước tĩa thừa hoặc khai thác. Sau đó, thành viên thông báo cho quản lý nhóm thôn, xã tổng hợp và thông báo cho hạt Kiểm lâm và Quản lý nhóm (Công ty). Trưởng nhóm xã phối hợp với hạt Kiểm lâm kiểm tra thành viên về việc tuân thủ các qui định của nhà nước, qui định nhóm chứng chỉ, sau đó sẽ phê duyệt các hoạt động khai thác.

Tất cả các hoạt động khai thác mang tính thương mại cần tuân thủ qui trình Chuỗi hành trình sản phẩm (xem phần sau).

12.2. Hợp đồng lao động

Thành viên có thể thuê lao động bên ngoài để thực hiện khai thác rừng. Trong trường hợp đó thành viên phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hướng dẫn các qui định về kỹ thuật và an toàn lao động cho người lao động;
- Kiểm tra giám sát về tuân thủ kỹ thuật, an toàn lao động thông qua hợp đồng.

Nếu nhà thầu không tuân thủ các quy định an toàn lao động, kỹ thuật được nêu trong hợp đồng sẽ bị loại trừ.

Thành viên nhóm sử dụng mẫu hợp đồng (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN) nhằm đảm bảo công việc hoàn thành theo Qui định và điều lệ thành viên.

Thành viên nhóm phải giữ lại bằng chứng về thanh toán cho nhà thầu (biên nhận có chữ ký của nhà thầu hoặc hóa đơn do nhà thầu cung cấp) để Trưởng nhóm thôn kiểm tra như là một phần của qui trình giám sát khai thác.

12.3. Quy trình chuỗi hành trình sản phẩm CoC

Để đảm bảo truy xuất nguồn gốc gỗ được sản xuất từ các lô rừng của thành viên trong nhóm, và ngăn ngừa sự pha trộn gỗ có chứng chỉ với gỗ không có chứng chỉ. Mỗi thành viên trong nhóm cần đảm bảo tuân thủ qui trình Chuỗi hành trình sản phẩm một cách đúng đắn tại từng thời điểm gỗ của nhóm được bán ra trên thị trường. Điều này áp dụng cho tất cả các hoạt động thương mại được hoặc không được liệt kê trong Kế hoạch Quản lý rừng:

- Tĩa thừa cho sản phẩm gỗ bán được;

- Khai thác cuối kỳ;
- Các hoạt động sử dụng rừng không có trong kế hoạch và cho gỗ thương mại (ví dụ khai thác do gãy đổ mưa bão).

Thực hiện quản lý chuỗi hành trình sản phẩm CoC theo các bước sau:

Bước 1: Lưu giữ báo cáo của các hoạt động quản lý lô rừng

Các báo cáo cần lưu giữ để đưa vào hồ sơ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm, bao gồm các bản photo: 1) Sổ đỏ; 2) Kế hoạch kinh doanh theo lô; 3) Nhật ký quản lý lô rừng, 4) Đơn xin khai thác (Cần ghi rõ loài cây, địa điểm, diện tích, năm trồng, thời gian, sản lượng khai thác và thời gian trồng lại rừng).

Trong trường hợp các lô rừng khai thác ngoài kế hoạch do dịch bệnh hoặc bão gió, cần bổ sung thêm biên bản đánh giá mức độ tác động do thiên tai và đơn xin khai thác rừng để trồng lại mới.

Bước 2: Điều tra trữ lượng rừng trước khai thác

Điều tra trữ lượng trước khai thác là cơ sở để tính khối lượng gỗ sẽ khai thác, con số này sẽ được so sánh với khối lượng thực khai thác. Điều tra rừng trước khai thác cần phải được thực hiện ít nhất 1 năm trước kế hoạch khai thác gỗ để bán (bao gồm cả tía thừa). Các bước cụ thể sau cần được thực hiện:

Kết quả của điều tra trước khai thác (gỗ đứng cho từng loài cây) sẽ được ghi vào **phần 2** của **mẫu báo cáo khai thác**.

Lượng gỗ sẽ khai thác cần được Trưởng nhóm thôn hay nông dân chủ chốt tính ra theo công thức sau:

$$V_{\text{khai thác}} \cong V_{\text{gỗ đứng}} \times 0.80$$

(Công thức có thể được điều chỉnh qua các năm sử dụng để đạt được độ chính xác cao nhất)

Khối lượng dự định được khai thác này sẽ được ghi trong phần 2 của báo cáo khai thác theo từng loại cây và phân loại trong **mục 2** của **mẫu báo cáo khai thác** (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN).

Bước 3: Khai thác, tập kết gỗ vào bãi và phân loại

Các hoạt động khai thác cần được tài liệu hóa theo khối lượng của “đợt” trong phần 3 của mẫu báo cáo khai thác.

Một “đợt gỗ” được định nghĩa như sau:

Nếu gỗ sau khi chặt hạ được bốc xếp luôn lên xe tải: Một xe tải gỗ, bao gồm chỉ cùng loài cây, loại gỗ (gỗ xẻ hay gỗ ván dăm) được khai thác tại cùng một lô rừng. Hoặc

Nếu như gỗ được hạ xuống và tạm thời chất đống tại bìa rừng: Một đống gỗ tròn cùng loài cây, cùng loại gỗ (gỗ xẻ hay gỗ ván dăm) được khai thác tại cùng một lô rừng vào trong cùng một ngày.

Từng “đợt” gỗ phải được đánh dấu với số thông thường (số đợt) để đảm bảo sự truy xuất nguồn gốc của “đợt” gỗ về lô rừng xuất xứ.

Số “đợt” bao gồm 6 phần:

Ví dụ:

Năm	Xã	Số lô rừng	Loài cây	Nhóm loại	Đợt KT	Khối lượng
2024	Xã Tam Nghĩa	Số hiệu của lô rừng khai thác	KTT = keo tai tượng KL = keo Lai	GD = gỗ dăm GT = Gỗ tròn		Số ghi trên mẫu báo cáo khai thác
2024	Khối lượng	468	KTT	GT	2	73 m ³
2024	Xã Tam Nghĩa	Số hiệu của lô rừng khai thác	KTT = keo tai tượng KL = keo Lai	GT		Số ghi trên mẫu báo cáo khai thác
2024	Khối lượng	789	KL	GT	1	55 m ³
2024	Xã Tam Thạnh	Số hiệu của lô rừng khai thác	KL	GD		Số ghi trên mẫu báo cáo khai thác
2024	Xã Tam Thạnh	Số hiệu của lô rừng khai thác	KL	GD	3	68 m ³
Tổng khai thác năm 2024	Tại xã Đức Lân	Trong lô rừng số hiệu 468	Loài cây Keo tai tượng	Gỗ tròn	Khai thác vào ngày thứ ba hoặc xe chở hàng số ba	

Các bước sau cần được tuân thủ:

Sau khi khai thác, các cây gỗ được cắt theo chiều dài của đơn đặt hàng và phân loại ra gỗ tròn (GT) hay gỗ dăm (GD) và tập kết gỗ ra bãi. Khi đợt gỗ được hoàn thành, thể tích của đợt gỗ được tính như sau:

- **Gỗ tròn:** Tổng thể tích gỗ dựa theo trong mẫu báo cáo khai thác;
- **Gỗ dăm:** thể tích tính theo ster (1 ster = 1.4 m³), dựa trên số gỗ được chất lên xe (dài x rộng x cao).

Thể tích của từng đợt khai thác sẽ được Trưởng nhóm thôn cùng chủ rừng ghi trong **phần 3** của **mẫu báo cáo khai thác** (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN), trước khi gỗ đó được vận chuyển tập trung ra bãi gỗ hoặc lên xe tải.

Từng đợt gỗ phải được đóng riêng biệt và phải được Trưởng nhóm thôn hoặc người trợ lý được ủy quyền đánh dấu sơn vĩnh viễn với số hiệu đợt gỗ (ví dụ dùng sơn phun).

Sau khi lô rừng được khai thác, gỗ hạ xuống hoàn toàn và xác định thể tích đợt gỗ, nhóm trưởng cùng thành viên sẽ tổng hợp toàn bộ thể tích gỗ được khai thác và ghi vào **phần 2** của **mẫu báo cáo khai thác**

So sánh thể tích gỗ khai thác thực tế với thể tích gỗ được tính toán của điều tra trữ lượng trước khai thác để cho thấy sự hợp lý.

Chênh lệch không vượt quá +/-20% của thể tích tính toán trước khai thác là được chấp nhận. Trong trường hợp thể tích khai thác thực tế vượt quá 20% so với thể tích được tính toán trước khai thác thì số lượng gỗ vượt đó sẽ không được tính là gỗ có chứng chỉ FSC.

Báo cáo khai thác hoàn thành cần được ký xác nhận của thành viên và Trưởng nhóm thôn hoặc người trợ lý được ủy quyền.

Bước 4: Vận chuyển (Phiếu vận chuyển CoC)

Các khúc gỗ phải được đưa lên xe tải theo đợt. Trong phần lớn trường hợp, từng đợt gỗ phải được phù hợp với đợt xếp gỗ lên xe tải (nếu các khúc gỗ được xếp lên xe tải trực tiếp ngay sau đốn hạ).

Trong trường hợp các khối gỗ được xếp từ các đống gỗ tập trung, các đợt gỗ không được xếp lẫn vào các xe tải khác nhau. Các điều sau đây cần được đảm bảo:

- Đối với đợt gỗ nhỏ (tương đương hoặc ít hơn một chuyến xe): Chỉ một hoặc nhiều đợt gỗ hoàn chỉnh được xếp cùng một xe tải;
- Đối với những đợt gỗ lớn (lớn hơn một chuyến xe): Đợt gỗ có thể chia nhỏ ra các xe tải khác nhau. Nếu một đợt gỗ hay một phần của đợt gỗ nhỏ hơn một chuyến xếp xe tải, thì tối đa 5 đợt gỗ có thể xếp cùng trong một chuyến xe tải.

Trong thời gian xếp gỗ, các tài liệu sau cần được hoàn chỉnh để đảm bảo hoàn toàn sự truy nguyên nguồn gốc gỗ được vận chuyển về nguồn gốc lô rừng.

Mẫu báo cáo vận chuyển và phiếu vận chuyển CoC.

Phiếu vận chuyển CoC được cấp phát và sao thành 3 bản, do (i) thành viên, (ii) Trưởng nhóm thôn hoặc người trợ lý được ủy quyền và (iii) chủ xe ký xác nhận. Mỗi người ký nhận trên được giữ một bản.

Bước 5: Bán gỗ

Các thành viên có thể tự bán gỗ của họ hoặc ủy quyền cho Trưởng nhóm thôn / xã hoặc Quản lý nhóm.

Sự tuân thủ các yêu cầu chứng chỉ FSC CoC được thể hiện trong hóa đơn (mẫu trong phụ lục Sổ tay QLN).

Nếu hoá đơn (hoặc bản sao của nó) không được gửi cùng sản phẩm đến người mua thì người bán phải cung cấp một chứng từ vận chuyển bao gồm các thông tin như trong hóa đơn trên cùng sản phẩm.

12.4. Việc sử dụng các nhãn FSC trên sản phẩm phải đảm bảo:

- Sản phẩm chỉ được dán nhãn FSC nếu nó thực hiện theo các yêu cầu áp dụng tiêu chuẩn FSC CoC hiện hành (FSC-STD-40-004 V2.0) và các chính sách FSC liên quan/ thay thế);
- Các sản phẩm phải được dán nhãn phù hợp với tiêu chuẩn FSC hiện hành cho sử dụng Nhãn hiệu FSC (FSC-STD-50-001 và các chính sách FSC liên quan/ thay thế).

Toàn bộ việc sử dụng biểu tượng (nhãn hiệu thương mại / nhãn mác FSC) được Quản lý nhóm chỉ đạo và quản lý, sau khi nhận được phê duyệt từ tổ chức cấp chứng chỉ.

13. Khiếu nại

13.1. Khiếu nại một thành viên trong nhóm

Khi có một khiếu nại về thành viên trong nhóm, Trưởng nhóm cấp thôn, xã và người Quản lý nhóm phải được thông báo, có thể bằng lời hoặc bằng văn bản.

- Trưởng nhóm cấp xã sẽ gửi cho người khiếu nại một mẫu thư về khiếu nại.
- Trưởng nhóm cấp xã phải chỉ định một người có trách nhiệm điều tra về việc khiếu nại. Trong trường hợp khiếu nại đối với một thành viên trong nhóm hoặc Trưởng nhóm cấp thôn thì Trưởng nhóm cấp xã sẽ điều tra và nghiên cứu tài liệu của trường hợp này.

Chi tiết của việc khiếu nại này sẽ được Trưởng nhóm cấp xã điền vào sổ đăng ký khiếu nại. Nội dung điền vào sổ như sau:

- Họ và tên, các chi tiết liên quan đến người hoặc tổ chức khiếu nại (người khiếu nại);
- Mô tả vấn đề bao gồm tên của thành viên, số hiệu của lô rừng trồng và vấn đề khiếu nại, bất kỳ những chứng cứ khách quan nào đều phải được ghi rõ;
- Ngày nhận được khiếu nại;
- Tên người được giao việc điều tra khiếu nại.

Thành viên bị khiếu nại cũng phải được thông báo bằng văn bản với những chi tiết của việc khiếu nại và tên của người được chỉ định đi điều tra. Thông thường cũng nên cho thành viên bị khiếu nại biết tên người khiếu nại, trừ khi người khiếu nại yêu cầu giấu tên.

Người được giao điều tra khiếu nại thì phải bắt đầu điều tra ngay gồm 2 giai đoạn:

1) Thứ nhất, xác định những vấn đề khiếu nại có nằm trong Qui chế quản lý nhóm hay không (như liên quan đến nhóm);

2) Thứ hai, thu thập các bằng chứng khách quan có thể ủng hộ khiếu nại hoặc bác đơn khiếu nại.

Quy trình này được thực hiện trong vòng một tuần sau khi nhận được đơn khiếu nại và có kết luận trong vòng 2 tuần kể từ khi nhận được đơn khiếu nại trừ khi Quản lý nhóm/ Trưởng nhóm cấp xã có những ngoại lệ, trong trường hợp này thì người khiếu nại cần được thông báo bằng văn bản.

Kết quả điều tra phải ghi vào tài liệu và thảo luận với những người liên quan.

Nếu việc điều tra này chỉ ra rằng việc khiếu nại không liên quan gì hoặc nằm ngoài phạm vi của Qui chế quản lý nhóm hoặc không có những bằng chứng chứng minh cho đơn khiếu nại thì Quản lý nhóm/Trưởng nhóm cấp xã cần gửi một bức thư giải thích rõ ràng cho người khiếu nại về việc này và vụ khiếu nại được kết thúc.

Nếu kết quả điều tra ủng hộ đơn khiếu nại thì thành viên bị khiếu nại phải được thông báo và Quản lý nhóm/Trưởng nhóm xã thảo luận với người điều tra để quyết định cần phải có hành động gì để giải quyết vụ việc đó.

Nếu thấy thích hợp thì người khiếu nại có thể tham gia vào việc xác định và giải quyết vụ việc này.

Các hoạt động của thành viên bị khiếu nại cần phải được giám sát để đảm bảo rằng các hoạt động đó đang được thực hiện đầy đủ và thích hợp để có thể giải quyết được vấn đề. Các ý kiến phản hồi từ người khiếu nại cần được đưa vào hỗ trợ cho quá trình giám sát.

Cần phải điền các thông tin chi tiết về các hành động được tiến hành và ngày kết thúc vụ khiếu nại.

Nếu người khiếu nại chưa thỏa mãn với những hoạt động đã thực hiện, họ có thể kháng lại theo quy định dưới đây.

13.2. Khiếu nại quản lý nhóm

1) Qui định xử lý khiếu nại

- Khi nhận được khiếu nại đối với Quản lý nhóm bằng lời hay bằng văn bản thì Trưởng nhóm cấp xã cần phải được thông báo ngay.

- Người khiếu nại nhận được một mẫu đơn khiếu nại.

- Nếu việc khiếu nại nhằm vào một thành viên cụ thể hoặc nhân viên cụ thể chứ không phải là Trưởng nhóm cấp xã thì Trưởng nhóm cấp xã có thể đích thân tiến hành điều tra và cũng thực hiện các thủ tục điều tra tại mục 1 nêu ở trên và báo cáo Quản lý nhóm (cấp huyện)

- Nếu đơn khiếu nại nhằm vào thành viên Quản lý nhóm hoặc Trưởng nhóm cấp xã thì vụ khiếu nại này sẽ được Trưởng ban Quản lý nhóm xử lý, khi cần thiết có thể phối hợp UBND huyện/xã và hạt Kiểm lâm giải quyết. Nếu đối tượng là lãnh đạo Ban QL nhóm cấp huyện (trưởng hoặc phó ban Ban Quản lý nhóm) thì các thành viên của ban QL nhóm cần phối hợp với chính quyền huyện xử lý. Ban QL nhóm cấp huyện và Trưởng nhóm cấp xã sẽ được thông báo về kết quả xử lý các vụ khiếu nại và thông báo cho các hộ thành viên biết các thông tin cần thiết.

2) Cập nhật thông tin khiếu nại

Trưởng nhóm cấp xã thực hiện cập nhật các chi tiết về khiếu nại vào mục đăng ký khiếu nại. Các thông tin cần ghi/ cập nhật bao gồm:

- Tên và chi tiết liên lạc của người hoặc tổ chức khiếu nại (người khiếu nại);
- Mô tả về vấn đề khiếu nại. Bất kỳ chứng cứ khách quan nào đều phải được ghi chép;
- Ngày tiếp nhận đơn khiếu nại;
- Tên của điều tra viên được Trưởng nhóm quản lý cấp huyện (ông Hồ Văn Bền) chỉ định.

3) Điều tra các thông tin liên quan

Người được giao điều tra khiếu nại cần thực hiện ngay cuộc điều tra gồm 2 giai đoạn:

- Xác định những vấn đề khiếu nại có trong yêu cầu của chứng chỉ nhóm, nếu có thì,
- Thứ hai, thu thập các bằng chứng khách quan có thể ủng hộ khiếu nại hoặc bác đơn khiếu nại.

4) Xử lý và thông báo kết quả

Quy trình này được thực hiện trong vòng một tuần sau khi nhận được khiếu nại và có kết luận trong vòng 2 tuần kể từ khi nhận được khiếu nại, trừ khi Quản lý nhóm có qui định ngoại lệ, trong trường hợp này thì người khiếu nại phải được thông báo bằng văn bản.

- Kết quả điều tra phải ghi vào tài liệu và thảo luận với người Quản lý nhóm.
- Nếu cuộc điều tra bác bỏ đơn khiếu nại, hoặc vì vấn đề nằm ngoài phạm vi của các yêu cầu về chứng chỉ, hoặc vì không có bằng chứng khách quan thuyết phục, sau đó Quản lý nhóm gửi một lá thư cho người khiếu nại giải thích rõ điều này và kết thúc vụ khiếu nại.
- Nếu kết quả điều tra lại nghiêng về người khiếu nại thì Trưởng nhóm cấp xã phải được thông báo và thảo luận với người điều tra để có quyết định nhằm giải quyết sự việc.

- Nếu phù hợp thì người khiếu nại được mời tham gia trong quá trình xác định các hoạt động để giải quyết sự việc. Nếu người khiếu nại không tham gia thì họ cần phải được thông báo giải thích bằng văn bản những quyết định liên quan sự việc và đóng góp ý kiến phản hồi.

- Các hoạt động của Trưởng nhóm cấp xã cần được Trưởng Ban giám sát kiểm tra để đảm bảo rằng các hoạt động đó đang được thực hiện đầy đủ và thích hợp để có thể giải quyết được vấn đề. Ý kiến phản hồi từ người khiếu nại phải được Trưởng Ban đưa vào hỗ trợ cho quá trình giám sát.

- Các thông tin chi tiết về các hoạt động điều tra được tiến hành và ngày kết thúc vụ việc cần được ghi chép đầy đủ trong sổ Khiếu nại.

- Nếu người khiếu nại chưa thỏa mãn với những hoạt động đã thực hiện, họ có thể làm đơn kháng cáo theo quy định dưới đây.

13.3. Kháng cáo

Kháng cáo được nộp trong trường hợp:

- Người khiếu nại/ người bị khiếu nại không thỏa mãn với kết quả điều tra khiếu nại;

- Một thành viên được thông báo là họ đang bị khai trừ ra khỏi nhóm.

Đơn kháng cáo này phải được gửi trực tiếp cho trưởng Quản lý nhóm trong vòng 30 ngày sau khi nhận được thông báo chính thức về kết quả của khiếu nại hoặc thư khai trừ.

- Trưởng Quản lý nhóm sẽ thông báo ngay cho Trưởng nhóm cấp xã về việc có đơn kháng cáo để cho phép chuẩn bị một cuộc họp về nội dung này.

- Đơn kháng cáo phải được xử lý tại cuộc họp của Quản lý nhóm với ít nhất là 3 thành viên tới dự. Cuộc họp này phải được chủ trì bởi Trưởng hoặc Phó Quản lý nhóm.

- Cuộc họp này phải được tổ chức trong vòng 30 ngày từ khi Quản lý nhóm/Công ty nhận được kháng lại bằng văn bản.

- Nếu đơn kháng cáo liên quan đến đơn khiếu nại thì người khiếu nại, người bị khiếu nại được yêu cầu giải trình các thông tin bằng văn bản hoặc tham gia vào cuộc họp để trả lời các câu hỏi. Trưởng Quản lý nhóm có thể yêu cầu cung cấp những bản sao văn bản hoặc những thư từ giao dịch từ các thành viên quản lý nhóm.

- Nếu đơn kháng cáo liên quan đến việc khai trừ thành viên ra khỏi nhóm, thì thành viên bị khai trừ, người điều tra hoặc bất kỳ ai ở quản lý nhóm tham gia vào việc giám sát hàng năm có thể được mời đến để cung cấp các thông tin bằng văn bản hoặc trả lời câu hỏi. Trưởng Quản lý nhóm sẽ yêu cầu bản sao văn bản hoặc thư từ giao dịch từ quản lý nhóm.

- Quyết định của Trưởng Quản lý nhóm phải được ghi thành văn bản hoàn chỉnh như là phần của cuộc họp và được tất cả những người có mặt ký tên.
- Trưởng nhóm cấp xã và người nộp đơn kháng cáo được nhận bản sao về quyết định. Trong trường hợp đơn kháng cáo liên quan đến đơn khiếu nại, thì người khiếu nại và người bị khiếu nại trong đơn khiếu nại ban đầu cũng sẽ được nhận bản sao quyết định. Quyết định sẽ kết thúc.

14. Quy trình xin ra khỏi nhóm và khai trừ khỏi nhóm

14.1. Xin ra khỏi nhóm

Một thành viên có thể rời khỏi nhóm nếu thành viên đó gặp phải điều kiện đặc biệt rời khỏi nhóm có nêu trong Quy chế quản lý nhóm. Thành viên này phải thông báo cho Trưởng nhóm cấp thôn bằng văn bản về quyết định xin ra khỏi nhóm và nêu rõ lý do cho việc đó. Trưởng nhóm cấp thôn chuyển thông tin này cho Trưởng nhóm cấp xã và Quản lý nhóm.

- Quản lý nhóm phải trả lời bằng thư cho thành viên đó về ngày chấm dứt tư cách thành viên của họ. Thời gian không quá 1 tháng kể từ ngày nhận được đơn xin ra khỏi nhóm.

- Khi thành viên đã thông báo cho nhóm cấp thôn về ý định xin ra khỏi nhóm thì thành viên này không được tiếp thị sản phẩm đã được chứng chỉ hoặc có các đòi hỏi liên quan đến chứng chỉ. Ngày QLN thông báo cho thành viên ra khỏi nhóm thì Trưởng nhóm cấp xã đưa thành viên đó ra khỏi danh sách thành viên nhóm.

- Trưởng nhóm thôn, xã và Quản lý nhóm sẽ:
 - + Chuyển hồ sơ của thành viên đó sang hồ sơ lưu trữ;
 - + Cập nhật danh sách thành viên kể cả ngày rời khỏi nhóm;
 - + Gửi thông tin cập nhật đó cho Tổ chức cấp chứng chỉ và các thành viên còn lại trong nhóm cấp thôn (Quản lý nhóm sẽ thực hiện việc này);
 - + Đưa thành viên đó ra khỏi lịch giám sát.

14.2. Khai trừ khỏi nhóm

Một thành viên có thời gian 3 tháng để hoàn thành các yêu cầu hành động khắc phục các điểm không phù hợp lớn (đã được định nghĩa trong phụ lục) hoặc trong trường hợp đặc biệt được chấp nhận tới 6 tháng. Trong trường hợp khắc phục lớn được xác định trong khoảng thời gian ít hơn 3 tháng trước khi đánh giá FSC, Quản lý nhóm sẽ gửi văn bản đến Trưởng nhóm thôn để thông báo chi tiết về phương pháp và thời hạn khắc phục cần được hoàn thành. Nếu thành viên không thực hiện các hoạt động yêu cầu khắc phục trong thời hạn đã thỏa thuận trước thì một quy trình khai trừ đối với thành viên đó sẽ phải triển khai như sau:

- Trưởng nhóm thôn sẽ gửi cho thành viên này thư khai trừ theo mẫu và nêu rõ lý do khai trừ và các thủ tục tiếp theo.

- Khi thủ tục khai trừ bắt đầu triển khai thì thành viên này không được tiếp thị hoặc bán bất kỳ sản phẩm nào có chứng chỉ hoặc đưa ra bất kỳ đòi hỏi nào về quản lý rừng trồng được cấp chứng chỉ.

- Thành viên này có 30 ngày để phản đối quyết định khai trừ. Nếu Trưởng nhóm thôn không nhận được đơn kháng cáo trong vòng 30 ngày thì thành viên đó bị khai trừ. Nếu thành viên nộp đơn kháng cáo thì qui trình kháng cáo được thực hiện theo quy trình được trình bày trong Thủ tục khiếu nại và kháng cáo.

- Khi thành viên bị khai trừ thì Trưởng nhóm cấp thôn phải ghi vào hồ sơ hội viên rằng thành viên đó không còn trong nhóm và ghi ngày hiệu lực cho việc này

- Trưởng nhóm thôn và Quản lý nhóm phải:

- Chuyển hồ sơ của thành viên đó sang hồ sơ lưu trữ và;
- Cập nhật danh sách hội viên và đưa tên của thành viên đó khỏi danh sách các thành viên và bổ sung vào danh sách những thành viên bị khai trừ.

15. Tham vấn các bên liên quan

Khái niệm các bên liên quan: là tham vấn những tổ chức hoặc cộng đồng, cá nhân bao gồm: cơ quan quản lý nhà nước, quản lý chuyên môn, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các chương trình - dự án, các cộng đồng xung quanh, các tổ chức phi chính phủ hoặc các cá nhân có ảnh hưởng hoặc hưởng lợi trực tiếp hay gián tiếp trong quá trình quản lý kinh doanh rừng của Nhóm chứng chỉ rừng FSC huyện Núi Thành.

Việc tham vấn các bên liên quan về sự tác động hoặc ảnh hưởng của quá trình hoạt động sản xuất Lâm nghiệp của Nhóm chứng chỉ rừng là bắt buộc, vì nó đảm bảo mọi lợi ích và trách nhiệm của các bên có liên quan được công khai, minh bạch:

- Đảm bảo quyền pháp lý rõ ràng trong quá trình quản lý, sản xuất kinh doanh;
- Thông báo với tất cả các bên liên quan về các hoạt động của quá trình QLRBV;
- Không ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng cuộc sống của cộng đồng xung quanh;
- Đảm bảo ổn định về việc làm, tăng thu nhập và nâng cao nhận thức cho người dân trong địa bàn;
- Hợp tác cùng phát triển với các bên liên quan trong lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp.

Quy trình tham vấn các bên liên quan

Bước 1: Thống kê toàn bộ danh sách các bên liên quan trên địa bàn quản lý và trong lĩnh vực ngành, bao gồm: tên, địa chỉ giao dịch, số điện thoại, trang web và email (nếu có) hoặc họ tên người đại diện tổ chức, cộng đồng, số điện thoại và email

(nếu có). Tiếp đến có thể thực hiện các phương pháp tham vấn các bên liên quan như sau;

Bước 2: Thực hiện các phương pháp tham vấn:

- Mời đại diện các bên liên quan tham gia hội thảo, hội nghị hoặc tập huấn về QLRBV và Chứng chỉ rừng của Nhóm (danh sách tham gia các bên liên quan làm);
- Phỏng vấn trực tiếp hoặc gọi điện người đại diện bên liên quan hoặc một số người dân trong cộng đồng liên quan;
- Gửi email hoặc thư bưu điện cho các bên liên quan tham vấn về Kế hoạch quản lý rừng của nhóm;
- Hoặc công khai kế hoạch quản lý giám sát và kết quả các hoạt động của nhóm lên bảng tin để tất cả thành viên và mọi người quan tâm được biết.

Bước 3: Tổng hợp danh sách và kết quả góp ý của các bên liên quan làm bằng chứng quá trình tham vấn.

Bước 4: Căn cứ kết quả tham vấn các bên liên quan và thực tế trong công tác quản lý. Quản lý nhóm ra quyết định hành động cho các hoạt động của nhóm đảm bảo sự hài hòa giữa nhóm Chứng chỉ rừng với các bên liên quan.

PHỤ LỤC SỔ TAY QUẢN LÝ NHÓM



Phụ lục 1. Những qui chế, qui định, nguyên tắc, tiêu chuẩn liên quan



Phụ lục 1a. BỘ TIÊU CHUẨN QUẢN LÝ RỪNG FSC VIỆT NAM V1.0 (FSC-STD-VN-10-2017 EN)

NGUYÊN TẮC 1: TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Chủ rừng phải tuân thủ với các luật và quy định hiện hành, và các hiệp ước, công ước và hiệp định quốc tế mà Việt Nam tham gia.

NGUYÊN TẮC 2: CÁC QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

Chủ rừng phải duy trì và/ hoặc cải thiện điều kiện kinh tế-xã hội của người lao động

NGUYÊN TẮC 3: CÁC QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA

Chủ rừng phải xác định và tôn trọng các quyền hợp pháp và quyền truyền thống của người bản địa đối với các quyền sở hữu, sử dụng và quản lý đất, vùng lãnh thổ và các tài nguyên bị ảnh hưởng bởi các hoạt động quản lý.

NGUYÊN TẮC 4: QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG

Chủ rừng phải đóng góp vào việc duy trì hoặc nâng cao phúc lợi kinh tế và xã hội của cộng đồng địa phương.

NGUYÊN TẮC 5: CÁC LỢI ÍCH TỪ RỪNG

Chủ rừng phải quản lý hiệu quả các sản phẩm và dịch vụ thuộc Đơn vị quản lý nhằm duy trì hoặc nâng cao tính ổn định kinh tế dài hạn và một loạt các lợi ích xã hội và môi trường

NGUYÊN TẮC 6: GIÁ TRỊ VÀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Chủ rừng phải duy trì, bảo tồn và/ hoặc khôi phục các dịch vụ hệ sinh thái và các giá trị môi trường của Đơn vị quản lý và phải tránh, sửa chữa hoặc giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường

NGUYÊN TẮC 7: LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ

Chủ rừng phải có một Kế hoạch quản lý nhất quán với các chính sách và mục tiêu quản lý và tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý. Kế hoạch quản lý phải được thực hiện và được cập nhật dựa trên các thông tin giám sát nhằm thúc đẩy quản lý thích ứng. Các hồ sơ lập kế hoạch và quy trình thủ tục liên quan phải đầy đủ để hướng dẫn cho nhân viên, thông tin

*cho các bên liên quan bị ảnh hưởng và các bên liên quan có quan tâm và để
biện minh cho những quyết định quản lý*

NGUYÊN TẮC 8: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

*Chủ rừng phải chứng tỏ rằng, tiến trình đạt được các mục tiêu quản lý, các tác
động của các hoạt động quản lý và điều kiện của Đơn vị quản lý được giám sát
và đánh giá tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản
lý để thực hiện việc quản lý thích ứng.*

NGUYÊN TẮC 9: CÁC GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO

*Chủ rừng phải duy trì và/hoặc cải thiện các giá trị Bảo tồn cao trong Đơn vị
quản lý thông qua việc áp dụng phương pháp phòng ngừa*

NGUYÊN TẮC 10: THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

*Các hoạt động quản lý được tiến hành bởi/ hoặc cho chủ rừng ở Đơn vị quản lý
phải được lựa chọn và thực hiện phù hợp với các chính sách và các mục tiêu về
kinh tế, môi trường và xã hội của chủ rừng và tuân thủ các Nguyên tắc và Tiêu
chí Quản lý rừng bền vững.*

Phụ lục 1b. Quy chế hoạt động nhóm chứng chỉ rừng

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG NHÓM HỘ CHỨNG CHỈ RỪNG FSC NÚI THÀNH

Điều 1: Điều kiện tham gia nhóm

Để đảm bảo tính thống nhất khi kết nạp thành viên vào nhóm chứng chỉ rừng FSC huyện Núi Thành, tất cả chủ rừng có nhu cầu tham gia nhóm phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Chủ rừng trồng phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) hoặc hợp đồng thuê đất dài hạn (từ 10 năm trở lên), hoặc xác nhận của chính quyền địa phương là đất trồng rừng đã được sử dụng lâu năm, không có tranh chấp hoặc vi phạm qui định pháp luật;

2. Tự nguyện tham gia và có tinh thần đoàn kết, tương trợ, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau;

3. Tất cả các lô rừng đăng ký tham gia nhóm phải được kiểm tra điều kiện ban đầu và hoàn thành khắc phục những điểm chưa tuân thủ theo yêu cầu của nhóm;

4. Phải đáp ứng yêu cầu quản lý rừng theo “Danh mục kiểm tra sự tuân thủ FSC®” và phù hợp với kế hoạch quản lý rừng của nhóm ít nhất là 5 năm;

5. Các thành viên đồng ý để Quản lý nhóm là người đại diện xin cấp chứng chỉ FSC®, chịu sự kiểm tra giám sát hàng năm của quản lý nhóm các cấp;

6. Khi có những mâu thuẫn, các thành viên cùng nhau bàn bạc tìm giải pháp giải quyết mang tính xây dựng đối với những người có liên quan;

7. Phải tham gia sinh hoạt và đóng góp đầy đủ các khoản phí theo quy định của nhóm.

Điều 2: Xin ra khỏi nhóm

Những thành viên đã cam kết tham gia nhóm lâu dài nên chỉ có thể xin ra khỏi nhóm với những trường hợp ngoại lệ sau:

1. Khi tham gia vào nhóm chứng chỉ khác hoặc làm chứng chỉ riêng;

2. Khi rừng trồng thay đổi chủ sở hữu;

3. Khi rừng trồng bị thiên tai, dịch bệnh phá hủy toàn bộ diện tích.

Thành viên xin ra khỏi nhóm phải thông báo và nêu lý do bằng văn bản cho Trưởng nhóm thôn và không được hoàn lại bất kỳ khoản đóng góp từ trước (trừ trường hợp bị thiên tai, dịch bệnh phá hủy toàn bộ rừng trồng).

Điều 3: Khai trừ thành viên ra khỏi nhóm

Thành viên bị khai trừ khỏi nhóm chứng chỉ rừng FSC huyện Núi Thành bởi lý do:

1. Không chấp hành Quy chế hoạt động nhóm;
2. Không cho Quản lý nhóm, đại diện tổ chức cấp chứng chỉ hoặc tổ chức FSC® vào rừng trồng để giám sát và đánh giá;
3. Không khắc phục những điểm chưa tuân thủ theo Nguyên tắc và tiêu chí FSC® trong thời hạn được thỏa thuận;
4. Các thành viên khiếu kiện sai, sử dụng sai tên hoặc biểu tượng FSC® của nhóm;
5. Làm thiệt hại đến quyền lợi chung của nhóm hoặc của một thành viên trong nhóm mà không bồi thường đầy đủ thiệt hại sẽ bị khai trừ và bị xử lý theo quy định của pháp luật;
6. Không tham gia họp nhóm định kỳ và đóng góp các khoản phí hội viên hoặc những khoản khác mà đã thống nhất trong nhóm.
7. Thành viên bị khai trừ khỏi nhóm không được hoàn lại bất kỳ các khoản đã đóng góp.

Phụ lục 1c. Danh mục kiểm tra sự tuân thủ

DANH MỤC KIỂM TRA SỰ TUÂN THỦ FSC

I. Điều kiện tiên quyết để chủ rừng xin tham gia nhóm Chứng chỉ rừng

1. Có giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 10 năm trở lên (đảm bảo thời gian ít nhất 2 chu kỳ chứng chỉ);
2. Rừng trồng được thành lập trên đất trống hoặc không phải là rừng được chuyển đổi từ rừng tự nhiên trước năm 1994;
3. Kế hoạch trồng rừng của chủ rừng phải phù hợp với mục đích sử dụng đất được các cơ quan chức năng phê duyệt;

II. Các điều bắt buộc đối với quản lý rừng:

1. Ranh giới giữa đất rừng trồng sản xuất với đất lâm nghiệp sử dụng mục đích khác phải được thể hiện rõ trên hiện trường bằng các dấu mốc cây tự nhiên hoặc trụ bê tông. Và được khoanh vẽ trên bản đồ hiện trạng;
2. Nguồn gốc của cây giống trồng rừng cần tài liệu hóa cho tất cả các lô rừng được trồng sau khi tham gia nhóm (cây giống trồng rừng phải có phiếu xuất vườn, hoặc hóa đơn/ chứng từ mua cây giống để chứng minh nguồn gốc);
3. Không sử dụng các chất hóa học và phân bón đã bị cấm bởi Nhà nước và FSC;
4. Các hoạt động trồng, chăm sóc, tía thưa nuôi dưỡng, quản lý bảo vệ và khai thác rừng phải được xây dựng trong kế hoạch kinh doanh rừng theo lô;
5. Toàn bộ kế hoạch quản lý rừng cấp thôn, xã phải được lập từ việc tổng hợp kế hoạch kinh doanh rừng theo lô của các thành viên nhóm và được sự đồng ý Quản lý nhóm;
6. Trong trường hợp đất bị xói mòn, các hoạt động phục hồi đất cần được chú trọng;
7. Động, thực vật nguy cấp và có nguy cơ, không phân biệt là ở trong hay ngoài diện tích rừng quản lý, không được phép săn bắt và sưu tầm bởi các thành viên trong nhóm;
8. Thu gom rác thải phải được thực hiện thường xuyên theo qui định về bảo vệ môi trường của địa phương và của nhóm Chứng chỉ rừng;
9. Việc đổ dầu, nhớt cần phải được ngăn chặn, đặc biệt nơi gần vùng nước. Theo đó, máy cưa và máy cắt cỏ phải được thay/đổ dầu bên ngoài vùng đệm;
10. Một vùng đệm dọc theo hai bên dòng sông, suối hoặc nguồn nước cố định cần phải được quản lý như sau:

- Đối với lòng sông, suối có chiều rộng >10m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 30 m;
- Đối với lòng sông, suối có chiều rộng từ 5-10 m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 15 m;
- Lòng suối có chiều rộng <5m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên ít nhất là 5 m;
- Đối với lòng hồ thủy lợi có mực nước thay đổi theo mùa thì hành lang bảo vệ phải chừa ít nhất 10 m.

III. Công nhân (người lao động) và đảm bảo về an toàn lao động

1. Phải đảm bảo thực hiện đúng quy định về an toàn trong lao động và sử dụng thiết bị an toàn lao động, đặc biệt trong trường hợp sử dụng cưa máy, người khai thác phải mặc bảo hộ lao động và mang theo thuốc và dụng cụ sơ cứu (xem Sổ tay Quản lý nhóm);
2. Không sử dụng lao động đang bị quản thúc hay ở dạng khác của tổ chức bán lao động;
3. Không sử dụng trẻ em dưới 15 tuổi trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp của chủ rừng;
4. Chủ rừng phải hướng dẫn cho người làm thuê hoặc nhà thầu những yêu cầu liên quan đến FSC®;
5. Nam, nữ phải có bình đẳng giới về việc làm và thu nhập.

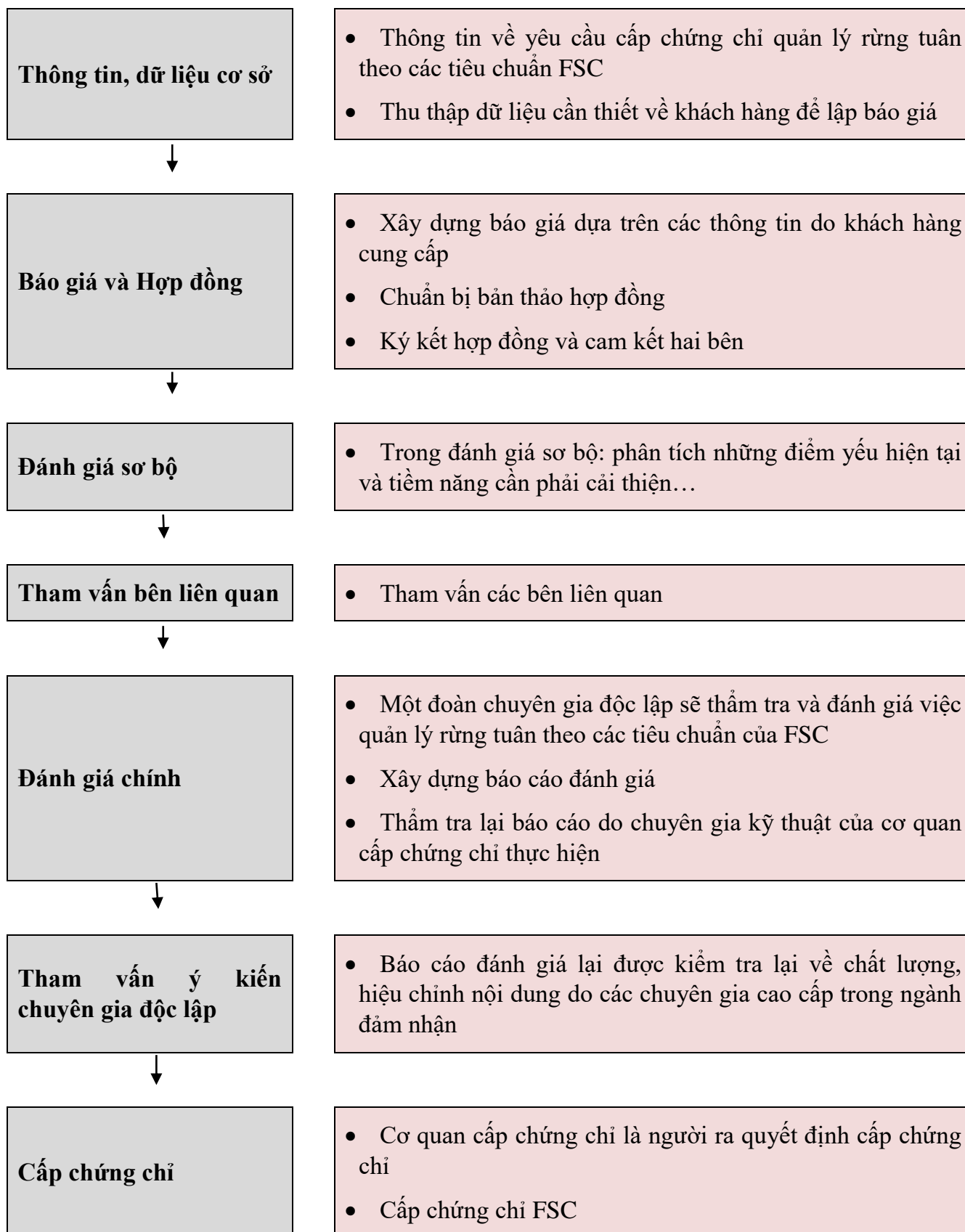
IV. Qui định về tài liệu và lưu trữ

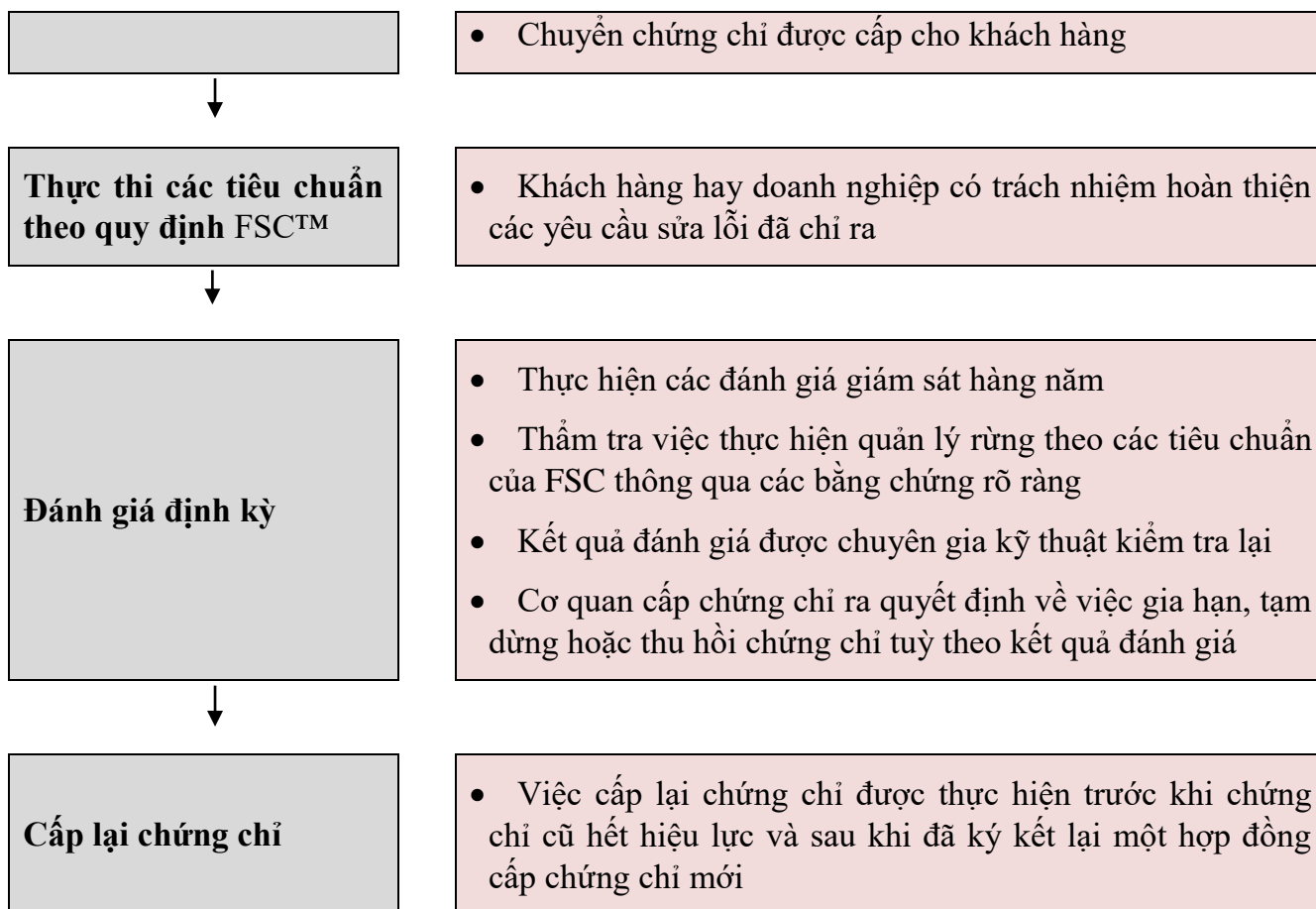
Ngoài việc thực hiện trách nhiệm của thành viên nhóm, trong danh mục kiểm tra chủ rừng cần tuân thủ yêu cầu về tài liệu và lưu trữ như sau:

1. Tất cả hóa đơn bán gỗ, mua cây giống, phân bón cần phải được photo chuyển cho Trưởng nhóm thôn lưu trữ;
2. Trong trường hợp sử dụng thuốc BVTV cần được báo cáo cho Trưởng nhóm thôn cụ thể về tên thuốc, liều lượng và ngày được sử dụng;
3. Các vụ tai nạn trong sản xuất lâm nghiệp cần được cấp cứu kịp thời và thông báo cho Trưởng nhóm thôn;
4. Khai thác rừng phải báo trước cho Trưởng nhóm thôn ít nhất 10 ngày. Sau khai thác, kế hoạch trồng lại rừng được báo cho nhóm Trưởng nhóm thôn chậm nhất 30 ngày;
5. Khai thác trắng liền kê lớn hơn 15 ha phải được thống nhất bằng văn bản với Quản lý nhóm (liên quan đến các điều luật bảo vệ môi trường).

Phụ lục 1d. Quy trình đánh giá và cấp chứng chỉ rừng

QUY TRÌNH CẤP CHỨNG CHỈ RỪNG FSC





Phụ lục 1e. Các khái niệm và định nghĩa cơ bản trong quản lý rừng

1. Yêu cầu hành động làm đúng/khắc phục điểm/lỗi không phù hợp lớn (Corrective Action Requests - Major CARs)

Lỗi không tuân thủ lớn có thể là lỗi riêng biệt hay kết hợp với các lỗi không tuân thủ thuộc các chỉ số khác mà nó dẫn đến kết quả một thất bại cơ bản để đạt được các mục tiêu của Tiêu chuẩn FSC® tại một (hoặc nhiều) đơn vị quản lý rừng trong phạm vi nhóm. Lỗi không tuân thủ lớn có thể xảy ra trong các trường hợp sau:

3) Không ban hành các tài liệu hướng dẫn hoặc không có hồ sơ chứng minh theo đúng quy định và vi phạm nghiêm trọng yêu cầu bắt buộc của tiêu chuẩn FSC;

4) Có ban hành tài liệu hướng dẫn theo đúng quy định, nhưng thực tế thành viên không thực hiện theo (tức văn bản này không có hiệu lực đối với thành viên);

5) Vi phạm các yêu cầu luật định (Liên quan đến phạm vi chứng nhận);

6) Lỗi nhỏ không được khắc phục của lần đánh giá trước sẽ tự động nâng lên lỗi lớn.

2. Yêu cầu hành động làm đúng/khắc phục điểm/lỗi không phù hợp nhỏ (Corrective Action Requests – Minor CARs)

Lỗi không tuân thủ nhỏ xảy ra trong các trường hợp sau:

7) Là các điểm không thực hiện theo các yêu cầu liên quan đến tài liệu hoặc hồ sơ nhưng mang tính không hệ thống, tính liên kết có thể bị phá vỡ và chỉ xảy ra tại một hoạt động hoặc một số nơi;

8) Lỗi quan sát không có giải pháp ngăn ngừa sẽ tự động lên lỗi nhỏ.

3. Các quan sát (*Observations*)

Là các điểm không vi phạm bất cứ yêu cầu nào như luật định, hệ thống tài liệu hoặc hồ sơ hoặc các yêu cầu khách hàng nhưng nó cần thiết cho hoạt động quản lý rừng được cải thiện tốt hơn nhằm gia tăng hiệu quả áp dụng hệ thống.

4. Các bên liên quan quan tâm (*Interested stakeholders*)

Bất kỳ người, nhóm người hoặc tổ chức nào thể hiện sự quan tâm hoặc được biết là có quan tâm đến các hoạt động của chủ rừng/doanh nghiệp. Chuyển thể từ FSC-STD-01-001 V5-2

5. Các bên liên quan bị ảnh hưởng (*Affected stakeholders*)

Bất kể cá nhân hay nhóm người hoặc tổ chức mà có thể chịu những ảnh hưởng của các hoạt động từ Đơn vị Quản lý. (Ví dụ có thể gồm cả các đối tượng sống ở dưới hạ lưu), các cá nhân, nhóm người hoặc thực thể ở lân cận với Đơn vị Quản lý.

6. Sinh cảnh dễ bị tổn thương (*Vulnerable habitat*)

Sinh cảnh dễ bị tổn thương là những khu vực cô lập (mang tính riêng biệt) của một dạng thảm thực vật:

- 9) Bên cạnh hoặc được bao quanh bởi môi trường sống phổ biến hơn; hoặc
- 10) Bên cạnh của một loạt các loài phổ biến là một loài cụ thể khác.

7. Đa dạng sinh học (Biodiversity)

Sự đa dạng của tất cả các loài sinh vật thuộc về các hệ sinh thái trên mặt đất, biển và các hệ sinh thái dưới nước khác và các tổ hợp sinh thái mà các sinh vật là một thành phần; bao gồm sự đa dạng về loài và hệ sinh thái (Công ước Đa Dạng Sinh Học).

8. Rừng có giá trị bảo tồn cao (High Conservation Value Forests – HCVF)

Rừng có giá trị bảo tồn cao là rừng có một hay nhiều thuộc tính/giá trị bảo tồn cao (HCV) sau:

- 1) Rừng chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu (ví dụ: các loài đặc hữu, bị đe dọa, loài di trú);
- 2) Rừng cấp cảnh quan lớn có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu, nằm trong, hoặc bao gồm đơn vị quản lý rừng, nơi mà nhiều quần xã của hầu hết nếu không phải là tất cả các loài xuất hiện tự nhiên tồn tại trong những mẫu chuẩn tự nhiên;
- 3) Rừng thuộc về những hệ sinh thái hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp;
- 4) Rừng cung cấp những dịch vụ tự nhiên cơ bản trong những tình huống quan trọng (ví dụ: phòng hộ đầu nguồn, kiểm soát xói mòn);
- 5) Rừng đóng vai trò nền tảng trong việc đáp ứng nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương (ví dụ sinh kế, sức khỏe);
- 6) Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc nhận diện văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương (khu vực có ý nghĩa văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo được nhận biết qua hợp tác với các cộng đồng địa phương đó).

9. Kiến thức truyền thống (Traditional knowledge)

Các thông tin, hiểu biết, kỹ năng và thực hành được phát triển, duy trì và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ trong một cộng đồng, thường tạo thành một phần của bản sắc văn hoá, tinh thần của cộng đồng (Nguồn: dựa vào định nghĩa của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO)).

10. Người bản địa/ dân tộc thiểu số/ người dân địa phương (Indigenous people/ ethnic minorities/ local people)

10.1. Các định nghĩa

- Nhóm người bản địa: là nhóm người dân có mặt tại một vùng đất, lập (định cư lâu đời) trước các dân tộc khác và sau đó thành lập một cộng đồng ở nơi đó và hội tụ đầy đủ minh chứng di tích lịch sử và truyền thống văn hóa riêng biệt.

- Dân tộc thiểu số: là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ của một đất nước.
- Dân tộc đa số là dân tộc chiếm trên 50% tổng dân số của cả nước, theo điều tra dân số quốc gia.
- Người dân địa phương: là những người sinh ra, lớn lên, và trưởng thành ở địa phương đó.

10.2. Danh mục các kiến thức bản địa

- Kiến thức bản địa được coi là hệ thống kiến thức của các dân tộc bản địa, hoặc của một cộng đồng dân tộc (Warren, 1995) tồn tại và phát triển trong từng hoàn cảnh cụ thể với sự đóng góp của mọi thành viên trong cộng đồng ở một vùng địa lý (Luise, 1998).
- Những hiểu biết của người dân về các loài lâm sản ngoài gỗ, đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh trưởng, thời vụ khai thác, cách thức khai thác, các hiểu biết về điều kiện môi trường xung quanh...
- Kiến thức phân loại, thể hiện trong cách họ phân biệt các loại khác nhau thuộc cùng một nhóm lâm sản,
 - Thủ công mỹ nghệ: như đan lát các đồ dùng từ cỏ, cây rừng
 - Trồng cây lương thực trên nương,
 - Sử dụng cây thuốc trong rừng để chữa bệnh.
 - Lấy rau rừng về làm thức ăn...

10.3. Danh mục quyền của người dân bản địa

- Bản sắc văn hóa: Hát then, cọi, lễ hội xuống đồng...
- Phong tục tập quán của người dân bản địa như: lễ cúng, lấy nguồn nước sạch từ rừng, vào rừng lấy cây thuốc, lấy măng, nấm, lấy rau rừng, các khu rừng thiêng, rừng ma.
- Quyền kiểm soát, sử dụng, hưởng dụng đất và tài sản hợp pháp trên lãnh thổ của họ

11. Thiệt hại không thể chấp nhận được (*Unacceptable damage*)

Thiệt hại không thể chấp nhận được đối với đất đai, hệ thống nước, đầm lầy, khu vực hành lang ven sông suối và các khu vực nhạy cảm khác.

Đó là những tổn thương, thương tích, hư hỏng làm giảm giá trị hoặc mất một phần hay toàn bộ giá trị, khả năng sử dụng của chúng do nguyên nhân chủ quan của con người gây ra.

12. Quyền hợp pháp (*Legal rights*)

Các quyền hợp pháp là các quyền của cá nhân, cơ quan, tổ chức bao gồm cả cộng đồng phù hợp các quy định của pháp luật. (Nguồn: Thư viện Pháp luật)

13. Quyền sử dụng (*Usage rights*)

Quyền sử dụng tài nguyên của Đơn vị Quản lý có thể được xác định bởi các thỏa thuận chung, theo quy định địa phương hay được quy định bởi các thực thể nắm giữ quyền tiếp cận. Những quyền này có thể giới hạn việc sử dụng các tài nguyên hay kỹ thuật khai thác ở mức độ cụ thể nào đó (Nguồn: FSC-STD-01-001 V5-0)

14. Quyền truyền thống (*Right tradition*)

“**Truyền thống**” có thể hiểu là

- Sự lưu truyền những sự kiện lịch sử, văn hóa, tri thức, tập tục, những truyền thuyết..., từ thế hệ này sang thế hệ nọ bằng con đường truyền khẩu, hoạt động và có thể không có bằng chứng chính thức và thành văn bản;

- Tất cả những gì cộng đồng, bộ tộc biết hoặc làm theo truyền thống, tức là bằng một sự lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ nọ nhờ ở lời nói hay làm mẫu”.

Vì vậy: quyền truyền thống là quyền sử dụng các kiến thức truyền thống về tâm linh, lịch sử, văn hóa, tập tục, nghề nghiệp... của một hay nhiều nhóm cộng đồng trong xã hội.

15. Quyền sở hữu (*Ownership*)

Là những thỏa thuận xã hội xác định mà cá nhân hoặc các nhóm tham gia được công nhận bởi luật pháp hoặc phong tục tập quán về các ‘quyền và nhiệm vụ’, sở hữu, nắm giữ, tiếp cận và/hoặc sử dụng đơn vị đất đai hoặc tài nguyên liên quan trên đất (như các loài gỗ, thực vật, nước, khoáng sản, v.v.) (Nguồn: Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN). Thuật ngữ và định nghĩa được cung cấp trên trang web của IUCN).

16. Sở hữu trí tuệ (*Intellectual Property*)

Các thực hành cũng như kiến thức, sáng kiến và sáng tạo khác của trí óc. (Nguồn: Căn cứ vào Công ước về Đa dạng Sinh học)

Phụ lục 1f: Danh mục các tài liệu cần tham khảo cho quá trình vận hành nhóm

(Có thể lấy từ trên mạng hoặc tài liệu lưu trữ của nhóm)

1. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến QLRBV của Việt Nam

- i. Luật Phòng cháy và chữa cháy 2013 (Sửa đổi) của Quốc hội khóa XIII ban hành 22-11-2013;
- ii. Luật Đất đai số 45/2013/QH13 của Quốc hội khóa XIII ban hành ngày 29-11-2013;
- iii. Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- iv. Bộ luật Lao động số: 45/2019/QH14 của QH khóa 14 ban hành ngày 20/11/2019;
- v. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- vi. Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm Nghiệp;
- vii. Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 về sửa đổi một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP
- viii. Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông lâm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;
- ix. Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.
- x. Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;
- xi. Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng;
- xii. Chỉ Thị 21/CT-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính Phủ V/v kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014.
- xiii. Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/7/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp;
- xiv. Thông tư 23/2016/TT-BNNPTNT ngày ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh;
- xv. Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;

- xvi. Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;
- xvii. Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;
- xviii. Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định danh mục loài cây lâm nghiệp chính, công nhận và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính.
- xix.** Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;
- xx. Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;
- xxi. Thông tư 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường V/v quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
- xxii. Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường V/v quy định chi tiết việc lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- xxiii. Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT V/v Qui định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;
- xxiv. Thông thư 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 V/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp

2. Hiệp ước và công ước quốc tế (Việt Nam tham gia)

- i. An toàn và vệ sinh trong lao động lâm nghiệp;
- ii. Các qui phạm về thực hành thu hoạch của FAO;
- iii. Công ước 98 ILO (Quyền Thương lượng Tập thể);
- iv. Công ước 87 ILO (Quyền tự do Nghiệp đoàn và Quyền thành lập Tổ chức);
- v. Thỏa thuận Quốc tế về Gỗ Nhiệt đới, 1994;
- vi. Công ước về Đa dạng Sinh học 1992;
- vii. Công ước CITES về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã 1973 (Vn)
- viii. Hiệp định gỗ nhiệt đới quốc tế, 2006;
- ix. Công ước quyền bảo hộ giống cây trồng mới, 1991;
- x. Công ước về Biến đổi khí hậu, Hoa Kỳ 1992;
- xi. Công ước chống sa mạc hóa của Liên hợp quốc, Rio de Janeiro 1992

3. Các tiêu chuẩn liên quan đến hệ thống chứng chỉ FSC quan trọng

- i. Bộ tiêu chuẩn FSC cho quản lý nhóm - FSC-STD-30-005 V1-0;
 - ii. Các yêu cầu về sử dụng biểu tượng thương mại của FSC cho những đơn vị/cá nhân được cấp chứng chỉ - FSC-STD-50-001 V1-2;
 - iii. Bộ công cụ Rừng có giá trị bảo tồn cao – WWF Đông dương;
 - iv. Bộ tiêu chuẩn quản trị rừng FSC của Việt Nam FSC-STD-VN-10-2017
- EN

Phụ lục 1g.**KHUNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG NHÓM HỘ****I. MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG FSC****1. Mục tiêu Quản lý rừng bền vững****1.1. Mục tiêu chung**

Quản lý rừng bền vững nhằm tiếp nhận đánh giá và xin cấp chứng chỉ rừng FSC là một hướng đi đúng cho phát triển kinh tế địa phương nhằm giúp diện tích rừng trồng sản xuất của địa phương được quản lý hiệu quả về môi trường, hiệu quả kinh tế và nâng cao nhận thức cho cộng đồng trong sản xuất kinh doanh rừng.

1.2. Mục tiêu cụ thể• *Đối với môi trường*

11) Bảo vệ, duy trì và cải thiện được tính đa dạng sinh học trong khu vực rừng trồng sản xuất;

12) Bảo vệ hành lang dòng chảy dọc theo hai bên bờ sông, suối và nguồn nước cố định; cải thiện cảnh quan tự nhiên và tạo thành hành lang di chuyển, phát triển đa dạng sinh học trong khu vực;

13) Bảo vệ các khu vực sinh cảnh dễ bị tổn thương;

14) Vệ sinh rừng trồng và xử lý rác thải, dầu mỡ trên hiện trường rừng.

• *Đối với kinh tế*

15) Xác định mục tiêu kinh doanh trồng rừng rõ ràng (gỗ lớn hay ván dăm);

16) Khả năng cạnh tranh và tiếp cận thị trường trong nước cũng như quốc tế tốt hơn;

17) Giá bán gỗ có FSC đem lại lợi nhuận cao hơn gỗ không có FSC.

• *Đối với xã hội*

18) Nâng cao nhận thức của chủ rừng và cộng đồng trong sản xuất lâm nghiệp thông qua các khóa tập huấn kỹ thuật;

19) Liên kết giữa các hộ, các thôn trong xã và các xã trong vùng tốt hơn để tạo thành vùng nguyên liệu tập trung nhằm thu hút nhà đầu tư trong dài hạn.

2. Kế hoạch quản lý rừng bền vững FSC

Kế hoạch quản lý bền vững rừng chứng chỉ của xã được lập trên cơ sở tổng hợp kế hoạch quản lý rừng của các nhóm thôn. Nhóm chứng chỉ rừng là một nhóm hoạt động tự nguyện và số lượng thành viên/ diện tích có tính cập nhật hàng năm. Cho nên, việc lập kế hoạch để quản lý rừng hàng năm sẽ được bóc tách và cập nhật cho từng năm hoạt động.

Biểu 1. Tổng hợp Kế hoạch quản lý rừng chứng chỉ FSC giai đoạn 20.... – 20....

Đơn vị: Nhóm xã:....., huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

TT	Năm thực hiện Tên hoạt động	20....		20....		20....		20....		20....		20....	
		DT(ha)	Số hộ	DT(ha)	Số hộ	DT(ha)	Số hộ	DT(ha)	Số hộ	DT(ha)	Số hộ	DT(ha)	Số hộ
1	Trồng rừng (chuẩn bị hiện trường, chuẩn bị cây giống, trồng rừng)												
2	Chăm sóc rừng (phát dọn, tỉa cành, tỉa thân, bón phân)												
3	Nuôi dưỡng rừng (tỉa thưa)												
4	Quản lý bảo vệ rừng (PCCC, sâu bệnh hại, lấn chiếm dòng chảy, rác thải, điều tra trữ lượng rừng,..)												
5	Khai thác rừng (trồng, chọn)												

Biểu 2. Kế hoạch tổng thể quản lý rừng chứng chỉ năm 20.....

Tên nhóm thôn	Trồng rừng		Chăm sóc		Nuôi dưỡng		Quản lý bảo vệ		Khai thác	
	Diện tích	Số hộ	Diện tích	Số hộ	Diện tích	Số hộ	Diện tích	Số hộ	Diện tích	Số hộ
Tổng										

2.1. Kế hoạch trồng rừng

Biểu 3. Kế hoạch trồng rừng chứng chỉ năm 20.....

Tên nhóm thôn	Thời gian trồng	Diện tích (ha)	Mật độ (cây/ha)	Loài cây
Tổng				

Các hoạt động liên quan đến công tác trồng rừng bao gồm:

- 20) Chuẩn bị hiện trường trồng rừng;
 21) Chuẩn bị cây giống trồng rừng;
 22) Trồng rừng.

2.2. Kế hoạch chăm sóc rừng trồng

Biểu 4. Kế hoạch chăm sóc rừng trồng chứng chỉ năm 20.....

Tên nhóm thôn	Tên hoạt động							
	Trồng dặm	Số cây	Làm cỏ, bón phân	Diện tích	Tỉa thân	Diện tích	Tỉa cành	Diện tích
Tổng								

Thông qua kết quả kiểm tra (nghiệm thu) trồng rừng của các lô, xác định tỷ lệ cây sống, số cây trồng dặm để có kế hoạch dự kiến mua cây giống và chuẩn bị trồng dặm;

Trưởng nhóm cấp xã tổng hợp kế hoạch quản lý rừng của các thôn để xây dựng kế hoạch cho xã và thể hiện ở con số tổng. Chi tiết địa chỉ cho từng lô rừng sẽ được lưu ở nhóm thôn.

2.3. Kế hoạch nuôi dưỡng rừng trồng

Biểu 5. Kế hoạch tỉa thưa nuôi dưỡng rừng trồng năm 20.....

Tên nhóm thôn	Tên hoạt động					
	Tỉa thưa lần 1	Số cây để lại/ha	Diện tích (ha)	Tỉa thưa lần 2	Số cây để lại/ha	Diện tích (ha)

2.4. Kế hoạch quản lý bảo vệ rừng

Hoạt động quản lý bảo vệ rừng được thực hiện thường xuyên ở các tháng trong năm, các hoạt động trong quản lý bảo vệ rừng được lồng ghép với các hoạt động khác của quá trình kinh doanh rừng trong suốt chu kỳ. Chính vì vậy, kế hoạch quản lý bảo vệ rừng được thực hiện trên 100% diện tích hiện tại của nhóm chứng chỉ. Các hoạt động quản lý bảo vệ rừng bao gồm:

- 23) Bảo vệ hành lang dòng chảy, nguồn nước
- 24) Bảo vệ động vật, thực vật quý hiếm
- 25) Phòng cháy chữa cháy và phòng trừ sâu bệnh hại
- 26) Điều tra đa dạng sinh học, HCV (nếu có)
- 27) Điều tra trữ lượng rừng

2.5. Kế hoạch khai thác rừng trồng

Biểu 6. Kế hoạch khai thác rừng trồng chứng chỉ năm 20.....

Tên nhóm thôn	Diện tích (ha)	SL dự kiến khai thác (m ³)	Tuổi rừng khai thác	Khách hàng mua gỗ	
				Gỗ xẻ	Gỗ dăm
Tổng					

- 28) Khai thác và bán gỗ
- 29) Quản lý chuỗi hành trình sản phẩm

2.6. Kế hoạch đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho nhóm

Biểu 7. Kế hoạch đào tạo - tập huấn của nhóm chứng chỉ xã, năm 20...

tt	Nội dung tập huấn	Đối tượng	Số lượng	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm
1					
2					
3					
4					
5					

Đây là kế hoạch đào tạo tập huấn nội bộ để nâng cao nhận thức và năng lực thực hiện cho các thành viên nhóm chứng chỉ rừng, nên không thiết kế dự toán kinh phí thực hiện. Người chịu trách nhiệm giảng dạy là Quản lý nhóm hoặc cán bộ hỗ trợ kỹ thuật của Quản lý nhóm.

2.7. Kế hoạch mở rộng nhóm

- 30) Căn cứ vào tiềm năng diện tích rừng trồng sản xuất của địa phương;
- 31) Căn cứ nhu cầu tham gia nhóm chứng chỉ rừng của các chủ rừng;
- 32) Căn cứ khả năng hỗ trợ kỹ thuật và năng lực quản lý của Quản lý nhóm.

Kế hoạch mở rộng nhóm chứng chỉ rừng sẽ được lập từ quý IV của năm trước hoặc ngay sau khi kết thúc đánh giá định kỳ.

Phụ lục 2. Các hướng dẫn thành lập và tổ chức nhóm hộ chứng chỉ rừng FSC



Phụ lục 2a.

Một số nội dung cần lưu ý

Khi triển khai thành lập Ban quản lý nhóm các cấp

1. Về các tài liệu/văn bản

- Nên tổ chức cuộc họp ở xã, ở thôn để bầu Ban quản lý Nhóm FSC xã, nhóm FSC thôn. Riêng bầu Ban quản lý nhóm hộ CCR FSC Núi Thành có thể chỉ mời đại biểu/đại diện của các hộ từ các xã và thôn (kết quả bầu cử phải có là Biên bản cuộc họp bầu Ban quản lý nhóm và danh sách tham dự cuộc họp)

- Số người tham gia Ban quản lý nhóm CCR FSC huyện Núi thành có thể từ 5-7 người; số người trong Ban quản lý nhóm FSC xã có thể từ 3-5 người, ban quản lý nhóm hộ FSC thôn có thể từ 1-3 người tùy theo số thôn của xã hoặc số thành viên/HGD tham gia nhóm FSC thôn (nếu thôn có ít hộ tham gia có thể ghép vào thôn bên cạnh, vì có thôn chỉ có 5 hộ thành viên ví dụ như thôn Đức Phú ở Tam Thạnh; thôn Hoà Mỹ ở Tam Nghĩa hoặc có 7 hộ như thôn Thuận Yên Đông ở Tam Sơn, nhiều thôn chỉ có dưới 30 hộ; nhiều nhất là thôn Hoà Đông ở Tam Nghĩa có 65 hộ cần tách ra 2 nhóm phù hợp với qui định đánh giá của FSC).

Thành phần trong Ban quản lý nhóm CCR FSC huyện Núi Thành nên có thành viên trong Ban quản lý nhóm FSC xã; thành phần trong Ban quản lý nhóm FSC xã nên có thành viên trong Ban quản lý nhóm FSC thôn;

- Người chủ trì và thư ký cuộc họp phải là thành viên ở xã hoặc ở thôn đó (cần tham khảo và gợi ý người dự kiến sẽ chủ trì hoặc thư ký để có thể điều hành được cuộc họp).

- Gợi ý tiêu chuẩn bầu vào Ban quản lý nhóm hộ là người có trình độ về quản lý rừng, có uy tín trong dân cư và có điều kiện tham gia quản lý nhóm.

- Công ty cần/phải nắm rõ thông tin về năng lực, trình độ của các thành viên được bầu vào các Ban quản lý nhóm.

- Các tài liệu phải có để làm bằng chứng và lưu trữ (ở cả 3 cấp) gồm:

(1) Quyết định thành lập Ban quản lý nhóm CCR FSC Núi thành; Nhóm FSC xã/thôn,

(2) Biên bản bầu Ban quản lý nhóm ở cả 3 cấp,

(3) Danh sách tham gia cuộc họp bầu Ban quản lý nhóm.

2. Vấn đề liên quan khác

- Công ty cho triển khai sớm các hoạt động để có các tài liệu trên (phải có trước khi ký quyết định công nhận/kết nạp thành viên nhóm hộ).
- Nếu có thay đổi lớn hoặc ý kiến của đơn vị tư vấn kỹ thuật (Viện QLRBV và Chứng chỉ rừng).

Phụ lục 2b. Quyết định thành lập Ban Quản lý nhóm

NHÓM HỘ CHỨNG CHỈ RỪNG FSC NÚI THÀNH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số...../QĐ

Quảng Nam, ngày....tháng.....năm 2024

Quyết định

Thành lập Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC huyện Núi Thành

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ

NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG FSC NÚI THÀNH

Căn cứ Luật lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp;
Căn cứ Bộ tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững Việt Nam FSC STD V5.1 (NFSS V1.0 - 2018);

Căn cứ kết quả bầu Ban quản lý Nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành ngày..... tháng.....năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban quản lý Nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành gồm các ông, bà có tên dưới đây:

- Ông/bà: (Tên, địa chỉ và chức danh).....:Trưởng ban
- Ông/bà: (Tên địa chỉ chức danh).....: Phó trưởng ban
- Ông/bà.....thôn.....xã.....huyện Núi Thành: Ủy viên
- Ông/bà.....thôn.....xã.....huyện Núi Thành: Ủy viên
- Ông/bà.....thôn.....xã.....huyện Núi Thành: Ủy viên
- Ông/bà.....thôn.....xã.....huyện Núi Thành: Ủy viên
- Ông/bà.....thôn.....xã.....huyện Núi Thành: Ủy viên

Điều 2. Nhiệm vụ và chế độ làm việc của Ban quản lý nhóm

1. Nhiệm vụ của Ban quản lý nhóm

- Đại diện cho các thành viên trong Nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành; chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức về trách nhiệm và quyền lợi thực hiện quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng cho các thành viên trong Nhóm;

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát nhóm FSC cấp xã, cấp thôn và các thành viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng trong phạm vi diện tích rừng và đất rừng các thành viên đang quản lý; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện cam kết của các tổ chức, cá nhân liên quan đến cấp chứng chỉ rừng FSC; phối hợp với các tổ chức có liên quan trong quá trình đánh giá, thực hiện cấp chứng chỉ rừng FSC đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Chế độ làm việc

Các thành viên Ban quản lý nhóm hộ chứng chỉ rừng FSC hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; nhiệm vụ cụ thể của các thành viên và quy chế làm việc của ban quản lý nhóm do Trưởng ban quyết định.

Điều 3. Các ông, bà có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

QUẢN LÝ NHÓM
(Trưởng ban)

Nơi nhận

- UBND huyện Núi Thành (báo cáo)
- UBND các xã Tam Nghĩa, Tam Sơn và Tam Thạnh (báo cáo)
- Như điều 3 (thực hiện)
- Lưu Văn phòng FSC Công ty

Phụ lục 2c.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BẦU BAN QUẢN LÝ **CẤP NHÓM HUYỆN HOẶC XÃ
NHÓM HỘ CHỨNG CHỈ RỪNG FSC NÚI THÀNH**

Hôm nay, vào hồi... , ngày...tháng....năm 2024, tại.....thôn.....xã.....huyện Núi Thành; các đại biểu được mời đại diện cho các thành viên trong nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành đã tổ chức cuộc họp để bầu Ban QL nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành.

Chủ trì: Ông/bà.....Chức danh.....

Thư ký: Ông/bà.....Chức danh.....

Số hộ thành viên tham gia cuộc họp:.....người (có danh sách kèm theo).

Ông/bàchủ trì đã trình bày mục đích cuộc họp, nêu rõ tiêu chuẩn để được bầu Trưởng ban, Phó trưởng ban và thành viên của Ban quản lý nhóm.

Sau khi thảo luận, trao đổi dân chủ, các thành viên tham gia cuộc họp đã thống nhất như sau:

- Số thành viên trong Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng Núi Thành có..... thành viên;

- Bầu trưởng ban, phó trưởng ban và uỷ viên của ban bằng hình thức biểu quyết do tay;

- Kết quả bầu các ông, bà có tên dưới đây làm trưởng ban, phó trưởng ban và uỷ viên trong Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành với số phiếu đồng ý như sau:

- | | | | |
|-------------------------|--------------------------|---------------|-------------|
| 1. Ông/bà.....thôn..... | Trưởng ban | số phiếu..... | tỷ lệ.....% |
| 2. Ông/bà..... | thôn..... Phó trưởng ban | số phiếu..... | tỷ lệ.....% |
| 3. Ông/bà.....thôn..... | Uỷ viên | số phiếu..... | tỷ lệ.....% |
| 4. Ông/bà.....thôn..... | Uỷ viên | số phiếu..... | tỷ lệ.....% |
| 5. Ông/bà.....thôn..... | Uỷ viên | số phiếu..... | tỷ lệ.....% |
| 6. Ông/bà.....thôn..... | Uỷ viên | số phiếu..... | tỷ lệ.....% |
| 7. Ông/bà.....thôn..... | Uỷ viên | số phiếu..... | tỷ lệ.....% |

Biên bản cuộc họp được lập thành 05 bản có giá trị như nhau được gửi đến UBND huyện Núi Thành (để báo cáo và phối hợp); Ban quản lý nhóm hộ Nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành và các Ban quản lý nhóm 3 xã./.

THƯ KÝ

CHỦ TRÌ

Phụ lục 2d.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BẦU BAN QUẢN LÝ

NHÓM FSC XÃ.....

Hôm nay, vào hồi... , ngày...tháng....năm 2024, tại.....thôn.....xã.....huyện Núi Thành; các thành viên trong nhóm FSC xã.....đã tổ chức cuộc họp để bầu Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC xã.....

Chủ trì: Ông/bà.....Chức danh.....

Thư ký: Ông/bà.....Chức danh.....

Số hộ thành viên tham gia cuộc họp:.....người (có danh sách kèm theo).

Ông/bàchủ trì đã trình bày mục đích cuộc họp, nêu rõ tiêu chuẩn để được bầu trưởng ban, phó trưởng ban và thành viên của Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC xã.....

Sau khi thảo luận, trao đổi dân chủ, các thành viên tham gia cuộc họp đã thống nhất như sau:

- Số thành viên trong Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC xã có.....thành viên;
- Bầu trưởng ban, phó trưởng ban và uỷ viên của ban bằng hình thức biểu quyết do tay;
- Bầu các ông, bà có tên dưới đây làm trưởng ban, phó trưởng ban và uỷ viên trong Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC xã với số phiếu đồng ý như sau:
 1. Ông/bà.....thôn.....Trưởng ban số phiếu..... tỷ lệ.....%
 2. Ông/bà..... thôn..... Phó trưởng ban số phiếu..... tỷ lệ.....%
 3. Ông/bà.....thôn..... Uỷ viên số phiếu..... tỷ lệ.....%
 4. Ông/bà.....thôn.....Uỷ viên số phiếu..... tỷ lệ.....%
 5. Ông/bà.....thôn.....Uỷ viên số phiếu..... tỷ lệ.....%

Biên bản cuộc họp được lập thành 2 bản có giá trị như nhau được gửi đến Ban quản lý nhóm hộ chứng chỉ rừng FSC Núi Thành và lưu tại Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC xã./.

THƯ KÝ
(ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ
(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2e.

**NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
FSC NÚI THÀNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số...../QĐ

Quảng Nam, ngày....tháng.....năm 2024

**Quyết định
Thành lập Ban đại diện nhóm FSC
xã**

**TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ
NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG FSC NÚI THÀNH**

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững Việt Nam FSC STD V5.1 (NFSS V1.0);

Căn cứ Biên bản bầu Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC xã....., ngày...tháng...năm 2024;

Căn cứ chức năng, quyền hạn của Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC xãgồm các ông, bà có tên dưới đây:

1. Ông/bà.....thôn.....: Trưởng ban
2. Ông/bà.....thôn.....: Phó trưởng ban
3. Ông/bà.....thôn.....: Ủy viên
4. Ông/bà.....thôn.....: Ủy viên
5. Ông/bà.....thôn.....: Ủy viên

Điều 2. Nhiệm vụ và chế độ làm việc của Ban đại diện

1. Nhiệm vụ:

- Chỉ đạo, hướng dẫn Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC thôn và các thành viên trong xã triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng trong phạm vi diện tích rừng và đất rừng các hộ thành viên đang quản lý;
- Tổ chức và giám sát Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC thôn thực hiện đúng Quy chế quản lý nhóm, Kế hoạch/Phương án quản lý rừng bền vững và báo cáo kết quả lên Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành.

2. Chế độ làm việc

- Các thành viên Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC xã..... hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC xã do Trưởng ban quyết định.

Điều 3. Các ông, bà có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TRƯỞNG NHÓM QUẢN LÝ

Nơi nhận

- UBND xã..... (báo cáo)
- Như điều 3 (thực hiện)
- Lưu Văn phòng FSC Công ty

Phụ lục 2f

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN BẦU BAN ĐẠI DIỆN NHÓM FSC
THÔN.....XÃ.....**

Hôm nay, vào hồi... , ngày...tháng....năm 2024, tại.....thôn.....xã.....huyện Núi Thành; các thành viên trong nhóm FSC thôn.....xã.....đã tổ chức cuộc họp để bầu Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC thôn.....

Chủ trì: Ông/bà.....Chức danh.....

Thư ký: Ông/bà.....

Số hộ thành viên tham gia cuộc họp:.....người (có danh sách kèm theo).

Ông/bàchủ trì đã trình bày mục đích cuộc họp, nêu rõ tiêu chuẩn để được bầu làm trưởng ban, phó trưởng ban và thành viên của Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC thôn.

Sau khi thảo luận, trao đổi dân chủ, các thành viên tham gia cuộc họp đã thống nhất như sau:

- Số thành viên trong ban đại diện là.....thành viên;

- Bầu trưởng ban, phó trưởng ban và uỷ viên của Ban bằng hình thức biểu quyết đơ tay;

- Bầu các ông, bà có tên dưới đây làm trưởng ban, phó trưởng ban và uỷ viên trong Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC thôn với số phiếu đồng ý như sau:

1. Ông/bà.....thôn.....Trưởng ban số phiếu..... tỷ lệ.....%

2. Ông/bà..... thôn..... Phó trưởng ban số phiếu..... tỷ lệ.....%

3. Ông/bà.....thôn..... Uỷ viên số phiếu..... tỷ lệ.....%

Biên bản cuộc họp được lập thành 3 bản có giá trị như nhau được gửi đến Ban đại diện Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành, Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC xã..... và lưu tại Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC thôn..... ./.

THƯ KÝ
(ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ
(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2g.

**NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
FSC NÚI THÀNH**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số...../QĐ

Quảng Nam, ngày....tháng.....năm 2024

Quyết định

**Thành lập Ban quản lý nhóm FSC
thôn.....xã**

**TRƯỞNG NHÓM QUẢN LÝ
NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG FSC NÚI THÀNH**

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững Việt Nam FSC STD V5.1 (NFSS V1.0 - 2018);

Căn cứ Biên bản bầu Ban đại diện Nhóm FSC thôn.....xã.....ngày..... tháng.....năm 2024;

Căn cứ chức năng, quyền hạn của Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC thôn.....xãgồm các ông, bà có tên dưới đây:

1. Ông/bà.....thôn.....xã.....: Trưởng ban
2. Ông/bà.....thôn.....xã.....: Phó trưởng ban
3. Ông/bà.....thôn.....xã.....: Ủy viên

Điều 2. Nhiệm vụ và chế độ làm việc của Ban đại diện

1. Nhiệm vụ

- Hướng dẫn Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC thôn và các thành viên trong thôn triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc quản lý rừng bền vững

và cấp chứng chỉ rừng trong phạm vi diện tích rừng và đất rừng các thành viên đang quản lý;

- Tổ chức và giám sát các thành viên trong nhóm FSC thôn thực hiện đúng Quy chế quản lý nhóm, Kế hoạch/Phương án quản lý rừng bền vững và báo cáo kết quả lên Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC xã.....

2. Chế độ làm việc

Các thành viên Ban đại diện FSC thôn....., xã..... hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Ban do Trưởng ban Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC thôn..... quyết định.

Điều 3. Các ông, bà có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TRƯỞNG NHÓM QUẢN LÝ

Nơi nhận

- UBND xã..... (báo cáo)
- Ban đại diện Nhóm FSC xã.....
- Như điều 3 (thực hiện)
- Lưu Văn phòng FSC

Phụ lục 2i. Quy chế quản lý quỹ nhóm**QUY CHẾ QUẢN LÝ QUỸ NHÓM**

Nhóm chứng chỉ rừng FSC huyện Núi Thành là một tổ chức xã hội tự nguyện. Quá trình hoạt động của nhóm phải mang tính chủ động cả về kế hoạch và kinh phí thực hiện. Chính vì vậy, các thành viên phải có trách nhiệm với việc tồn tại và phát triển của nhóm, một trong những trách nhiệm của thành viên là đóng góp các khoản phí để xây dựng quỹ nhóm phục vụ cho quá trình hoạt động - giao dịch trong kinh doanh.

1. Mục đích xây dựng quỹ nhóm

- Chi thường xuyên cho các hoạt động của nhóm: họp nhóm, tiền điện thoại hoặc tiền xăng xe cho Trưởng nhóm thôn (nếu có), tiền giao dịch với khách hàng,..
- Mở tài khoản tại một ngân hàng nào đó để thực hiện giao dịch trong quá trình bán gỗ và các giao dịch khác;
- Tạo nguồn quỹ đủ lớn để chủ động trong quá trình mở rộng nhóm chứng chỉ (thuê tư vấn, thuê đơn vị đánh giá cấp chứng chỉ) và phát triển các lĩnh vực khác (chế biến, sản xuất cây giống,..);
- Tất cả các khoản thu - chi đều phải rõ ràng, công khai, minh bạch.

2. Các loại phí phải đóng

Các loại phí đóng góp của thành viên được đóng theo từng nhóm thôn, mỗi nhóm thôn sẽ mở một tài khoản tại ngân hàng để thực hiện giao dịch cho các hoạt động mua - bán gỗ và vật liệu trồng rừng. Bao gồm các loại phí sau:

- Phí đóng theo diện tích rừng tham gia nhóm chứng chỉ của thành viên (chỉ đóng 1 lần khi tham gia). Số tiền cụ thể sẽ do các thành viên của từng nhóm thôn thống nhất (tối thiểu 50.000 đ/ ha). Ví dụ, thành viên A có 5 ha tham gia nhóm chứng chỉ thì số tiền đóng phí này tối thiểu là 250.000 đồng.
- Phí thành viên (đóng 1 lần/ năm/ thành viên). Số tiền cụ thể sẽ do các thành viên nhóm thôn thống nhất (tối thiểu 50.000 đ/thành viên/ năm);
- Phí tiền chênh lệch khi bán gỗ chứng chỉ rừng FSC (tiền chênh lệch = tiền bán gỗ chứng chỉ FSC - tiền bán gỗ không có chứng chỉ FSC cùng một thời điểm). Các nhóm thôn có thể thống nhất tỷ lệ % tiền chênh lệch khi bán gỗ chứng chỉ FSC để đóng lại quỹ nhóm. Ví dụ: tiền bán gỗ FSC là 1.500.000 đồng/ m³, tiền bán gỗ không có FSC là 1.200.000 đồng/ m³, thì tiền chênh lệch là 300.000 đồng/ m³. Đóng góp loại phí này tại thôn B là 5% của 300.000 đồng/ m³ thì số tiền sẽ là 15.000 đồng/ m³;

- Ngoài các loại phí trên, nếu trong nhóm có các thành viên ủng hộ quỹ sẽ được công khai đưa vào quỹ nhóm để sử dụng chung.

Tất cả các loại phí đóng góp của thành viên phải được thống nhất để đưa vào quy chế sử dụng quỹ nhóm và ghi biên bản cuộc họp.

3. Quy chế sử dụng quỹ nhóm

- Tất cả thành viên nhóm phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp phí đã được thống nhất tại quy định nhóm thôn của mình;

- Nếu chậm đóng phí, thành viên đó sẽ bị nhắc nhở hoặc cảnh cáo trong toàn nhóm tùy theo mức độ. Nếu không đóng phí, thành viên đó sẽ bị khai trừ khỏi nhóm;

- Quỹ sẽ được sử dụng vào các khoản chi đã được thống nhất của nhóm;

- Việc mở tài khoản tại ngân hàng của mỗi nhóm thôn là bắt buộc. Vì trong hoạt động tài chính, nếu số tiền thanh toán từ 20.000.000 đồng trở lên sẽ phải chuyển khoản;

- Người đứng tên tài khoản có thể là Trưởng nhóm thôn hoặc nông dân chủ chốt. Khi bán gỗ, tiền được thanh toán cho chủ rừng sẽ chuyển vào tài khoản nhóm thôn, chủ rừng cùng Trưởng nhóm thôn và nông dân chủ chốt sẽ rút tiền tại ngân hàng. Chủ rừng trích lại khoản phí chênh lệch bán gỗ để lại trong tài khoản nhóm;

- Số tiền dùng chi thường xuyên sẽ được để ngoài tài khoản;

- Ngoài các khoản chi thường xuyên của nhóm phục vụ cho họp nhóm, giao dịch với đối tác. Các nhóm chứng chỉ rừng cần phải đóng một khoản phí nhất định cho Ban cán sự Quản lý nhóm (nếu nhóm hoạt động độc lập) để điều hành các hoạt động trong năm. Số phí này sẽ được thống nhất trong cuộc họp thường niên hàng năm;

- Trưởng nhóm thôn ghi chép các khoản thu - chi vào sổ nhật ký để báo cáo quyết toán hàng năm trong cuộc họp thường niên, đồng thời báo cáo kết quả hoạt động quỹ cho Trưởng nhóm cấp xã và Quản lý nhóm để cập nhật.

Quản lý nhóm
Công ty TNHH MTV LN QUẢNG NAM
(ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 3. Các phụ lục liên quan đến hồ sơ của thành viên nhóm



Phụ lục 3a: Mẫu đơn xin tham gia nhóm chứng chỉ rừng**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN XIN THAM GIA****NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG FSC NÚI THÀNH, QUẢNG NAM**

Họ và tên chủ rừng:

Ngày/ tháng/ năm sinh:

Số CMND/CCCD:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Số ĐT:

Địa chỉ thường trú tại: Thôn:
tỉnh Quảng Nam

Xã:

Huyện: Núi Thành,

Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp gia đình tôi có làha, trong đó có.....ha rừng và đất rừng sản xuất vàha rừng phòng hộ/đất khác. Diện tích gia đình tôi xin tham gia nhóm hộ chứng chỉ rừng FSC Núi Thành do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam hỗ trợ là.....ha. Chia ra:

TT	Thửa đất số	Diện tích	Tờ bản đồ số	Loài cây	Năm trồng
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					

Tôi đã được tham dự hội nghị truyền thông về chứng chỉ rừng FSC, các thành viên trong gia đình tôi đã tìm hiểu về hoạt động của nhóm chứng chỉ rừng, đã thảo luận và thống nhất tự nguyện gia nhập nhóm chứng chỉ rừng FSC do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam, tỉnh Quảng Nam làm Quản lý nhóm. Nếu được tham gia, gia đình chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm của một thành viên nhóm:

- 33)Cam kết quản lý kinh doanh rừng trồng trong và ngoài nhóm chứng chỉ lâu dài phù hợp với các nguyên tắc và tiêu chí của FSC;

- 34) Cam kết khắc phục lỗi không tuân thủ tiêu chuẩn FSC khi đánh giá nội bộ và tổ chức đánh giá quốc tế phát hiện có lỗi;
- 35) Tham gia vào nhóm chứng chỉ rừng FSC ít nhất là 5 năm, và trong thời gian này sẽ trồng lại rừng sản xuất sau khi khai thác;
- 36) Cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật: cây giống mua tại các vườn do nhóm chỉ định (Đối với rừng trồng mới); kỹ thuật trồng, chăm sóc rừng; kỹ thuật khai thác; các yêu cầu kỹ thuật khác nhằm: bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học...
- 37) Cam kết tuân thủ thời gian khai thác theo phương án quản lý rừng của nhóm;
- 38) Cam kết tiêu thụ sản phẩm cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam (theo giá thị trường hoặc cao hơn giá thị trường) và theo phương thức chung của toàn nhóm;
- 39) Cam kết tuân thủ các yêu cầu theo nội dung của qui chế quản lý nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành;
- 40) Đồng ý ủy quyền để người Quản lý nhóm (là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam) thay mặt tôi làm người quản lý nhóm và liên hệ với tổ chức đánh giá quốc tế (được FSC ủy quyền) xin cấp chứng chỉ nhóm.
- 41) Đồng ý để người đại diện quản lý nhóm, tổ chức cấp chứng chỉ và Hội đồng quản trị rừng quốc tế vào rừng trồng của tôi bất kỳ lúc nào với mục đích giám sát, kiểm tra và kiểm tra định kỳ;
- 42) Sẵn sàng trình bày tóm tắt kế hoạch kinh doanh rừng và kết quả giám sát rừng của tôi cho bất kỳ người nào quan tâm đã được Trưởng nhóm thôn đồng ý;

Kính đề nghị Quản lý nhóm xem xét và phê duyệt cho tôi được tham gia nhóm Chứng chỉ rừng FSC Núi Thành, do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam là người đại diện nhóm./.

Núi Thành, ngàytháng năm 20...

Chủ rừng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng nhóm thôn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng nhóm xã.....

Quản lý nhóm

Phụ lục 3b: Mẫu thư thông báo công nhận thành viên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THƯ THÔNG BÁO
CÔNG NHẬN THÀNH VIÊN CHÍNH THỨC**

Kính gửi ông/bà:

Thôn:
Nam

Xã:

Huyện Núi Thành, Quảng

Tôi rất vui mừng được thông báo với Quý ông/bà rằng đơn xin tham gia nhóm Chứng chỉ rừng FSC Núi Thành do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam làm Trưởng nhóm của ông /bà chính thức được chấp nhận. Là thành viên của nhóm, ông/ bà sẽ được hưởng các quyền lợi từ chứng chỉ rừng của nhóm. Tôi xin lưu ý với ông/ bà rằng thực hiện đúng những cam kết trách nhiệm của một thành viên như đã nêu trong đơn. Ngoài ra, kính mong ông/bà phối hợp cùng thực hiện các nội dung sau để duy trì và phát triển nhóm chứng chỉ rừng ngày càng lớn mạnh:

- 43) Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau;
- 44) Tham gia công tác quản lý, giám sát rừng, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học và sinh hoạt nhóm theo đúng kế hoạch;
- 45) Cam kết khai thác theo đúng thời gian và theo phương án QLRBV của nhóm chứng chỉ;
- 46) Sẵn sàng chia sẻ các thông tin liên quan đến quản lý rừng bền vững FSC® cho các chủ rừng trong địa bàn thôn, xã nhằm mở rộng nhóm;
- 47) Cam kết khắc phục lỗi không tuân thủ tiêu chuẩn FSC FM theo qui định của nhóm;

Trong quá trình hoạt động nhóm, mọi thắc mắc của ông/ bà liên quan đến chứng chỉ rừng FSC® cần được giải đáp xin liên hệ với tôi người Quản lý nhóm chứng chỉ rừng Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam.

Trân trọng!

Núi Thành, ngày.....tháng.....năm 2023

Quản lý nhóm

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3c: Mẫu đơn xin xác nhận diện tích đất rừng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Núi Thành, ngày.....tháng.....năm 2023

ĐƠN XIN XÁC NHẬN DIỆN TÍCH ĐẤT RỪNG

Kính gửi: - UBND xã

Tên tôi là:.....Sinh năm:.....

CCCD số:cấp ngày..... /..... /..... Cơ quan cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính và quản lý trật tự xã hội.

Hiện đang cư trú tại: Thônxã, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Số điện thoại liên hệ:

Tôi viết đơn này kính trình UBND xã Tam Sơn xác nhận cho tôi diện tích đất rừng như sau:

Diện tích:.....ha. Thuộc tiểu khu:

Địa điểm thửa đất:tại thônxã, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Phía Đông giáp: Phía Tây giáp:
 - Phía Nam giáp: Phía Bắc giáp:
- Nguồn gốc đất: thuộc quản lý của Nhà nước.

Đất này được gia đình tôi canh tác ổn định, lâu dài và không tranh chấp với ai. Được sử dụng vào mục đích: Liên kết với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam để trồng rừng cấp chứng chỉ FSC.

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Rất mong được sự quan tâm xem xét giải quyết của Lãnh đạo UBND xã

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Xác nhận của UBND xã

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3d: Mẫu thư khai trừ thành viên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**THƯ KHAI TRỪ THÀNH VIÊN
RA KHỎI NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG**

Kính gửi: Ông/

bà.....

Địa chỉ: thôn....., xã....., huyện Núi Thành

Tôi rất tiếc phải thông báo rằng Ông/ bà đã bị khai trừ khỏi nhóm Chứng chỉ rừng FSC Núi Thành. Việc này là kết quả của sự không tuân thủ Quy chế hoạt động nhóm của ông/ bà, cụ thể là kết quả của việc:

1.
2.
3.

Việc khai trừ này có hiệu lực ngay lập tức và Ông/ bà không còn các quyền lợi thuộc về nhóm chứng chỉ của chúng tôi.

Nếu Ông/ bà muốn kháng cáo quyết định này thì ông/ bà phải gửi đơn khiếu nại lên Quản lý nhóm (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Nam) trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được quyết định. Trường ban sẽ trực tiếp giải quyết việc khiếu nại này.

Nếu có câu hỏi, đề nghị gì liên quan đến Thư khai trừ này, ông/ bà hãy liên hệ với tôi.

Kính thư!

Quản lý nhóm/Trưởng nhóm

(kí và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3e: Mẫu kế hoạch kinh doanh rừng theo lô**NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
FSC NÚI THÀNH****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**KẾ HOẠCH KINH DOANH RỪNG THEO LÔ
CỦA HỘ GIA ĐÌNH****1) Thông tin chung**

1.1 Họ và tên chủ rừng:

Giới tính:

1.2 Ngày/tháng/năm sinh:

Số CMND:

Nơi cấp:

ĐT:

1.3 Địa chỉ thường trú:

1.4 Dân tộc:

1.5 Địa chỉ các lô rừng của hộ gia đình:

Thửa	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Số thửa/Số tờ bản đồ	Diện tích rừng, đất rừng (ha)		Loài cây	Năm trồng	Năm dự kiến khai thác
					Tổng	Tham gia FSC			
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									

Ghi chú: Loài cây cần ghi rõ, ví dụ: Keo lai, keo tai tượng... bạch đàn trắng, đỏ

1.6 Tình trạng quyền sử dụng đất

Thửa	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Bản đồ số	Tình trạng sử dụng đất	
					Đã có sổ đỏ (Đánh dấu X)	Giấy tờ khác (Ghi rõ loại giấy tờ)
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						

1.7 Diện tích trồng rừng thực tế: Diện tích vùng đệm (nếu có)

1.8 Dự kiến tổng vốn đầu tư cả chu kỳ kinh doanh rừng:

1.9 Mục tiêu kinh doanh rừng trồng: gỗ nguyên liệu giấy , gỗ lớn

1.10 Loài cây trồng rừng: Keo Lai Diện tích:

Keo Tai tượng Diện tích:

Bạch đàn Diện tích:

Hỗn giao cây gỗ lớn Diện tích:

1.11 Nguồn gốc cây giống: Vườn ươm:

1.12 Mật độ trồng: cây/ ha. Năm trồng: năm dự kiến khai thác

1.13 Sản lượng dự kiến khi khai thác: tấn hoặc m³ / ha

2) Trồng rừng

2.1 Phương pháp xử lý thực bì: Thời gian trước khi trồng:

2.2 Cuốc hố: Kích thước Thời gian cuốc: thời gian lấp

2.3 Bón lót: Loại phân bón Lượng phân/hố:

Thời gian bón:

2.4 Thời gian trồng rừng:

3) Chăm sóc

3.1 Tỷ lệ cây sống.....Số cây trồng dặmThời gian.....

3.2 Làm cỏ và bón phân:

Lần 1: PP làm cỏ.....lượng phân/hố..... Thời gian.....

Lần 2: PP làm cỏ.....lượng phân/hố..... Thời gian.....

Lần 3: PP làm cỏ.....lượng phân/hố..... Thời gian.....

Lần 4: PP làm cỏ.....lượng phân/hố..... Thời gian.....

1.3 Tỉa thân: Công cụ sử dụng.....Thời gian.....

3.4 Tỉa cành: Chiều cao tỉa.....Thời gian.....Công cụ.....

4) Nuôi dưỡng rừng trồng

4.2 Tỉa thưa: Nếu có tỉa thì:

Lần 1: Số cây giữ lại/ ha.....Thời gian.....

Lần 2: Số cây giữ lại/ ha.....Thời gian.....

5) Quản lý - bảo vệ rừng trồng

1.1 Bảo vệ hành lang sông, suối và nguồn nước.....

1.2 Quản lý sâu bệnh hại tổng hợp.....

1.3 Phòng cháy chữa cháy rừng.....

1.4 Bảo tồn các loài động, thực vật quý, hiếm

1.5 Điều tra trữ lượng rừng..... thời gian.....

1.6 Bảo vệ những tác nhân khác.....

6) Khai thác & bán gỗ

6.1 Thời gian khai thác và trồng lại rừng theo lô:

TT	Thời gian khai thác	Thời gian trồng lại	Lô	Khoảnh	Tiểu khu
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					

6.2. Mô tả phương pháp khai thác

.....
.....

6.2 Mô tả xử lý cành nhánh/ rác thải sau khai thác

.....
.....
.....

6.3 Bán gỗ theo kế hoạch chung của nhóm

7) Rà soát kế hoạch và điều chỉnh thời gian thực hiện (nếu có)

.....
.....

Chủ rừng
(ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng nhóm thôn
(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3f: Mẫu kiểm tra điều kiện ban đầu

Stt	Yêu cầu	Tuân thủ có không		Bằng chứng
1	Người nộp đơn có cùng tên với tên trong sổ đỏ không?			
2	Rừng trồng được thành lập trên đất trống (Rừng trồng hiện tại không phải rừng chuyển đổi từ rừng tự nhiên sau năm 1994)			
3	Loài cây trồng rừng (loài cây chính)			
4	Kế hoạch trồng rừng của chủ rừng có phù hợp với kế hoạch sử dụng đất được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt không?			
5	Ranh giới giữa các lô rừng trên thực địa (được đánh dấu bằng gì? Cột mốc, tảng đá, cây khác loài, hàng rào tự nhiên hoặc bờ lô)			
6	Nguồn gốc của cây giống trồng rừng từ vườn ươm nào?			
7	Tuân thủ việc sử dụng thuốc BVTV bị cấm bởi FSC®			
8	Kế hoạch kinh doanh rừng theo lô được thông qua và xác nhận của cấp Quản lý nhóm			
9	Các hoạt động chăm sóc và tía thưa nhằm nâng cao giá trị lâm phần thực hiện theo kế hoạch kinh doanh rừng?			

10	Có hiện tượng đất thoái hóa không, các hoạt động phục hồi cần được thực hiện như thế nào?			
11	Chủ rừng tuân thủ việc không thực hiện săn bắt, sưu tập động vật, thực vật, côn trùng quý hiếm nguy cấp và bị đe dọa?			
12	Vệ sinh rừng trồng và thu gom rác thải nói chung của chủ rừng			
13	Việc xử lý đồ dầu máy cần phải được thực hiện bên ngoài vùng đệm, tránh gần nguồn nước			
14	Một vùng đệm dọc theo hai bên dòng sông, suối hoặc nguồn nước cố định cần phải được quản lý như sau: a. Đối với lòng sông, suối có chiều rộng >10m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 30 m; b. Đối với lòng sông, suối có chiều rộng từ 5-10 m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 15 m; c. Đối với lòng suối có chiều rộng <5m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên ít nhất là 5 m; d. Đối với lòng hồ thủy lợi có mực nước thay đổi theo mùa thì hành lang bảo vệ phải chừa ít nhất 10 m.			
15	Cần tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, sử dụng thiết bị an toàn lao động, đặc biệt khi sử dụng máy cưa, máy cắt cỏ			
16	Không sử dụng lao động đang bị quản thúc hay ở dạng khác của tổ chức bán lao động			
17	Không sử dụng trẻ em dưới 15 tuổi trong các hoạt động sản xuất			

	lâm nghiệp của chủ rừng			
18	Chủ rừng hướng dẫn các nội dung về kỹ thuật, an toàn lao động liên quan FSC® cho những người làm thuê			
19	Nam, nữ phải có bình đẳng giới về việc làm và thu nhập			
20	Toàn bộ chứng từ bán gỗ và mua cây giống, phân bón thuốc BVTV (nếu có) cần được lưu giữ			
21	Trong trường hợp sử dụng thuốc BVTV cần được báo cáo cho Quản lý nhóm, cụ thể về tên thuốc, ngày dùng, liều lượng dùng			
22	Các vụ tai nạn cần được báo cáo với Trưởng nhóm thôn			
23	Đối với khai thác rừng phải báo trước 10 ngày và đối với sau khai thác phải báo cáo sau 30 ngày cho Trưởng nhóm thôn			
24	Khai thác trắng diện tích liên kế lớn hơn 15 ha phải được thống nhất bằng văn bản với Quản lý nhóm			

Các hành động khắc phục sau kiểm tra điều kiện ban đầu

Các điểm chưa tuân thủ	Hành động khắc phục	Thời gian hoàn thành khắc phục

Phụ lục 3g: Mẫu nhật ký quản lý lô rừng

NHẬT KÝ QUẢN LÝ LÔ RỪNG

1. Thông tin chung

Họ tên chủ rừng					
Địa chỉ	Nhóm thôn:....., xã....., huyện Núi Thành				
Số hiệu lô/khoảnh/tiểu khu				Năm trồng	
Loài cây trồng		Diện tích lô:		DT vùng đệm	

2. Nhật ký quản lý lô rừng

Các hoạt động quản lý	Thời gian theo		Tài liệu sử dụng	Xác nhận nhóm thôn
	KH	TH		

3. Kết quả điều tra trữ lượng rừng

Năm điều tra	Số ô điều tra	Số cây đo đếm	H _{VN} TB các cây	Trữ lượng (m ³ /ha)	Quan sát khác

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

Năm điều tra	Số ô điều tra	Số cây đo đếm	H _{vn} TB các cây	Trữ lượng (m ³ /ha)	Quan sát khác

Phác họa lâm phần với vị trí của Rừng có giá trị bảo tồn cao hoặc các khu sinh cảnh dễ bị tổn thương (nếu hiện hữu)

Mô tả đặc điểm khu sinh cảnh dễ bị tổn thương (nếu có)-

48) Vị trí (trong lô)

49) Diện tích - Địa hình (chiều dài, rộng, địa hình đặc biệt)

50) Mô tả về các loài động/ thực vật/ côn trùng trong khu sinh cảnh dễ bị tổn thương, đặc điểm tiểu khí hậu trong khu sinh cảnh...

Mô tả phương án quản lý khu sinh cảnh dễ bị tổn thương:

.....

Phụ lục 3h. Mẫu thông tin hộ gia đình

**BIỂU THU THẬP THÔNG TIN
VỀ HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA NHÓM CHỨNG CHỈ**

Họ và tên chủ hộ:.....số điện thoại.....

Địa chỉ: thôn..... Xã..... huyện Núi Thành

Người thu thập:....., ngày thu thập.....

1. Số người sống trong hộ:

Tổng:.....người, trong đó:..... nam, nữ

Trên 60 tuổi:..... từ 18 tuổi đến 60 tuổi:..... dưới 18 tuổi:.....

2. Mức thu nhập bình quân theo đầu người/ năm của hộ

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Dưới 10 triệu đồng | <input type="checkbox"/> Từ 10 đến 15 triệu đồng |
| <input type="checkbox"/> Từ 15 đến 20 triệu đồng | <input type="checkbox"/> Từ 20 đến 25 triệu đồng |
| <input type="checkbox"/> Từ 25 đến 30 triệu đồng | <input type="checkbox"/> Trên 30 triệu đồng |

3. Quyền sử dụng đất, trong đó:

Đất lâm nghiệp..... ha Đất nông nghiệp.....ha Đất khác.....ha

4. Chăn nuôi

Bò..... con Lợn.....con loại khác (cụ thể:.....)

5. Tỷ trọng các nguồn thu nhập của gia đình, trong đó:

Lâm nghiệp.....% Nông nghiệp.....% chăn nuôi.....% khác.....%

6. Ông/Bà nhận thấy tình trạng thu nhập có tốt hơn năm trước không?

- Có Không

7. Ai được hưởng lợi nhiều nhất từ việc phát triển kinh tế từ rừng ở thôn?

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Nông dân nghèo | <input type="checkbox"/> Nông dân trung bình |
| <input type="checkbox"/> Nông dân giàu | <input type="checkbox"/> Tất cả như nhau |

8. Những người nông dân không có rừng trồng trong thôn có gây tác động tiêu cực đến việc phát triển rừng trồng của không?

Có

Không

Nếu có thì gây tác động tiêu cực như thế nào và tại sao?

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Phụ lục 3i. Mẫu đề cương nội dung họp thường niên

**ĐỀ CƯƠNG
NỘI DUNG CUỘC HỌP THƯỜNG NIÊN
NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG.....**

1. Thành phần tham gia

1) Quản lý nhóm (Công ty TNHH MTV LN Quảng Nam):

-
-
-
-

2) Nhóm quản lý xã:

-
-
-
-

3) Nhóm quản lý thôn:

-
-
-
-

4) Đại diện các bên liên quan (UBND các xã, các ban đoàn thể các xã,...).

2. Nội dung họp thường niên

2.1. Kết quả khắc phục lỗi sau đánh giá năm trước

- 1) Kết quả khắc phục lỗi liên quan đến hồ sơ, tài liệu nhóm;
- 2) Kết quả khắc phục lỗi liên quan đến thực hiện tại hiện trường rừng;
- 3) Những bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý nhóm, quản lý rừng.

2.2. Cập nhật chứng chỉ các xã

- Mở rộng nhóm:
- 4) Danh sách chủ thành viên đăng ký tham gia mở rộng nhóm chứng chỉ

- 5) Kết quả kiểm tra điều kiện ban đầu cho diện tích mở rộng
- 6) Hoàn thiện hồ sơ thành viên, nhóm thôn, nhóm xã
 - Xin ra khỏi nhóm:
- 7) Danh sách thành viên xin ra khỏi nhóm
 - Khai trừ khỏi nhóm:
- 8) Danh sách thành viên bị khai trừ khỏi nhóm
 - Liên quan đến khiếu nại
- 9) Danh sách các nội dung khiếu nại, đơn khiếu nại
 - Liên quan đến tai nạn lao động
- 10) Số lượng các vụ tai nạn lao động
 - Hoạt động tài chính (quỹ nhóm)
- 11) Báo cáo tình hình sử dụng quỹ nhóm

2.3. Kết quả giám sát nội bộ

- 12) Kế hoạch giám sát nội bộ
- 13) Kết quả thực hiện giám sát nội bộ

3. Kiến nghị và đề xuất

Phụ lục 3j. Mẫu danh sách thành viên

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN
NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG.....**

tt	Họ tên chủ rừng	Tên nhóm xã	Tên nhóm thôn	Số hiệu lô trên bản đồ	DT đăng ký FSC theo sổ đỏ (ha)	DT trồng rừng (ha)	DT vùng đệm, hành lang ven suối (ha)	Loài cây	Năm trồng	DT ngoài chứng chỉ (ha)	Lý do chưa tham gia
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
9											

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

10											
..											
..											
..											
..											
..											
TỔNG											

Phụ lục 3k. Mẫu danh sách khiếu nại

DANH SÁCH KHIẾU NẠI

Số khiếu nại:.....	Ngày nhận:..... Ngày kết thúc:	Người giải quyết: Số điện thoại:
Người khiếu nại	Họ và tên:.....Số CMND..... ngày cấp..... Địa chỉ:..... Số điện thoại:.....	
Miêu tả vấn đề:	
Tóm tắt kết luận	

Phụ lục 4. Các phụ lục dành cho hoạt động giám sát



Phụ lục 4a. Mẫu giám sát hàng năm

GIÁM SÁT NỘI BỘ HÀNG NĂM

Họ tên chủ rừng			
Địa chỉ	Nhóm thôn:....., xã....., huyện Núi Thành		
Số hiệu lô/khoảnh/tiểu khu		Năm trồng	
Loài cây trồng	Diện tích lô:	DT vùng đệm	
Người giám sát		Thời gian giám sát	

tt	Nội dung giám sát	Tuân thủ		Yêu cầu hành động khắc phục
		Có	Không	
1. Thực hiện trách nhiệm về sinh hoạt nhóm				
1.1	Tham gia các cuộc họp nhóm			
1.2	Tham gia các lớp tập huấn			
1.3	Thực hiện kế hoạch kinh doanh rừng theo lô			
1.4	Đóng góp phí thành viên trong năm			

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

tt	Nội dung giám sát	Tuân thủ		Yêu cầu hành động khắc phục
		Có	Không	
2. Thực hiện trách nhiệm về kỹ thuật thiết lập và quản lý rừng				
2.1	Trồng rừng			
-	Phát dọn và xử lý thực bì			
-	Cuốc hố, bón lót phân (nếu có) và lấp hố			
-	Nguồn gốc cây giống			
-	Trồng rừng (mật độ, kỹ thuật trồng)			
2.2	Chăm sóc rừng trồng			
-	Tỉ lệ cây sống (%), trồng dặm			
-	Làm cỏ và bón phân (số lần thực hiện)			
-	Tỉa thân (đối với các cây 2 đến 3 thân)			
-	Tỉa cành (kỹ thuật, thời gian, số lần thực hiện)			
2.3	Nuôi dưỡng rừng trồng			
-	Tỉa thưa (kỹ thuật, tác động của tỉa thưa)			

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

tt	Nội dung giám sát	Tuân thủ		Yêu cầu hành động khắc phục
		Có	Không	
-	Tuân thủ CoC trong tia thưa			
2.4	Quản lý bảo vệ rừng trồng			
-	Bảo vệ hành lang sông - suối - nguồn nước			
-	Bảo vệ các loài động, thực vật quý hiếm			
-	Giám sát sâu bệnh hại tổng hợp			
-	Phòng cháy chữa cháy rừng			
-	Điều tra: trữ lượng, ĐDSH, xói mòn, rác thải			
-	Các hoạt động kết hợp khác			
3. Khai thác và bán gỗ				
3.1	Khai thác			
-	Hồ sơ của lô rừng chuẩn bị cho khai thác			
-	Kỹ thuật khai thác			
-	Tác động môi trường của hoạt động khai thác			

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

tt	Nội dung giám sát	Tuân thủ		Yêu cầu hành động khắc phục
		Có	Không	
-	Vệ sinh rừng sau khai thác			
3.2	Bán gỗ			
-	Hợp đồng mua bán gỗ chứng chỉ			
-	Hồ sơ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm CoC			
-	Thanh lý hợp đồng bán gỗ			
4. Điều chỉnh kế hoạch (nếu có) hoặc những thay đổi so với mẫu 3				
-	Thời gian kinh doanh rừng			
-	Thay đổi về sinh cảnh dễ bị tổn thương, ĐDSH			

Yêu cầu hành động khắc phục lỗi sau đánh giá nội bộ

Số hiệu và giải thích nội dung chưa tuân thủ	Hoạt động khắc phục	Thời hạn khắc phục

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

Phụ lục 4b. Mẫu giám sát khai thác

GIÁM SÁT KHAI THÁC

1. Thông tin chung

Họ tên chủ rừng			
Địa chỉ	Nhóm thôn:....., xã....., huyện Núi Thành		
Số hiệu lô/khoảnh/tiểu khu		Năm trồng	
Loài cây trồng		DT trồng	DT vùng đệm
Người giám sát		Thời gian giám sát	

2. Hoạt động khai thác

TT	Nội dung giám sát	Tuân thủ		Yêu cầu hành động khắc phục
		Có	Không	
1. Chủ rừng tự thực hiện khai thác				
1.1	Năng lực lao động khai thác rừng trồng			
1.2	Kỹ thuật khai thác			
1.3	An toàn lao động, sử dụng bảo hộ lao động			
1.4	Các hoạt động ngăn ngừa tác động tiêu cực đến môi			

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

TT	Nội dung giám sát	Tuân thủ		Yêu cầu hành động khắc phục
		Có	Không	
	trường trong khai thác: 5) Xói mòn đất do làm đường vận xuất, vận xuất gỗ; 6) Ngăn chặn dòng chảy, rác thải, dầu máy,..			
2. Thuê nhà thầu khai thác				
2.1	Hồ sơ năng lực nhà thầu			
-	Kinh nghiệm trong khai thác rừng			
-	Lao động được sử dụng (áp dụng các điều kiện sử dụng lao động được đề cập ở mẫu 3)			
-	Trình độ kỹ thuật của lao động nhà thầu (đã được đào tạo, tập huấn hoặc hướng dẫn kỹ thuật khai thác)			
2.2	Nội dung hợp đồng với nhà thầu			
-	Yêu cầu kỹ thuật khai thác			
-	An toàn lao động, sử dụng bảo hộ an toàn lao động			
-	Lương và các khoản bảo hiểm cho người lao động			

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

TT	Nội dung giám sát	Tuân thủ		Yêu cầu hành động khắc phục
		Có	Không	
-	Các hoạt động ngăn ngừa tác động tiêu cực đến môi trường trong khai thác: 7) Xói mòn đất do làm đường vận xuất, vận xuất gỗ; 8) Ngăn chặn dòng chảy, rác thải, dầu máy,..			
-	Điều kiện xử lý các vi phạm của nhà thầu			

3. Đánh giá tác động của các hoạt động lâm nghiệp trong quá trình khai thác

Các hoạt động và tác động tiềm ẩn	K áp dụng	Tác động vào đất				Tác động vào nước				Tác động sinh thái				Nhận xét
		Không	Thấp	Trung bình	Nghiêm trọng	Không	Thấp	Trung bình	Nghiêm trọng	Không	Thấp	Trung bình	Nghiêm trọng	
1. Các hoạt động khai thác														
- Khai thác trắng quá hạn mức diện tích <u>15-20</u> ha														
- Chặt hạ cây trong vùng đệm hai bên sông, suối														
- Chặt hạ cây tới tận mép nước ven hồ														

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

Các hoạt động và tác động tiềm ẩn	K áp dụng	Tác động vào đất				Tác động vào nước				Tác động sinh thái				Nhận xét
		Không	Thấp	Trung bình	Nghiêm trọng	Không	Thấp	Trung bình	Nghiêm trọng	Không	Thấp	Trung bình	Nghiêm trọng	
- Đổ dầu máy và xăng trên hiện trường														
- Khai thác trong điều kiện ẩm ướt dễ xảy ra tai nạn, xói mòn														
2. Vận xuất/ vận chuyển gỗ														
9) Xói mòn đất do mở đường vận xuất														
10) Gây nén chặt lớp đất mặt														
11) Vận xuất/ vận chuyển trong điều kiện ẩm ướt														
12) Đổ dầu máy và xăng trên hiện trường														
13) Vận chuyển cắt ngang qua dòng chảy														
3. Các hoạt động sau khai thác														
14) Vệ sinh rừng trồng sau khai thác														
15) Quản lý lửa <u>cháy rừng</u>														

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

Các hoạt động và tác động tiềm ẩn	K áp dụng	Tác động vào đất				Tác động vào nước				Tác động sinh thái				Nhận xét
		Không	Thấp	Trung bình	Nghiêm trọng	Không	Thấp	Trung bình	Nghiêm trọng	Không	Thấp	Trung bình	Nghiêm trọng	
16) Cày xới, san ủi mặt bằng dẫn đến xói mòn														
17) Trồng lại rừng với các loài cây không phù hợp														
18) Lấn chiếm vùng đệm														
19) Sử dụng các hóa chất bị cấm														
20) Chặt các cây bản địa còn lại														

Ghi chú: Bảng ma trận này được sử dụng kết hợp với "Ngưỡng để xác định độ lớn của tác động của hoạt động lâm nghiệp" tại Sổ tay quản lý rừng đối với rừng chứng chỉ FSC®.

Đối với các hoạt động đưa đến tác động trung bình và nghiêm trọng cần được có các hành động theo qui định nhằm khắc phục hậu quả và thoả thuận trong Mục "Đồng ý khắc phục hậu quả và các hoạt động phục hồi sau khai thác".

4. Quan sát bổ sung từ những lần kiểm tra hiện trường trước và sau khai thác

Nội dung hiện hữu	Trước khai thác	Hoạt động bảo vệ	Sau khai thác	Hoạt động bảo vệ
-------------------	-----------------	------------------	---------------	------------------

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

Sự xuất hiện các loài động vật hoang dã trong khu rừng: quan sát trực tiếp, dấu vết (vết chân, lông, phân, tiếng kêu, chỗ trú ẩn,..)				
Đa dạng sinh học: xuất hiện các loại cây tái sinh có giá trị, cây dược liệu, dạng dạng thảm thực bì,..				
Các quan sát khác (1)				
(2)				

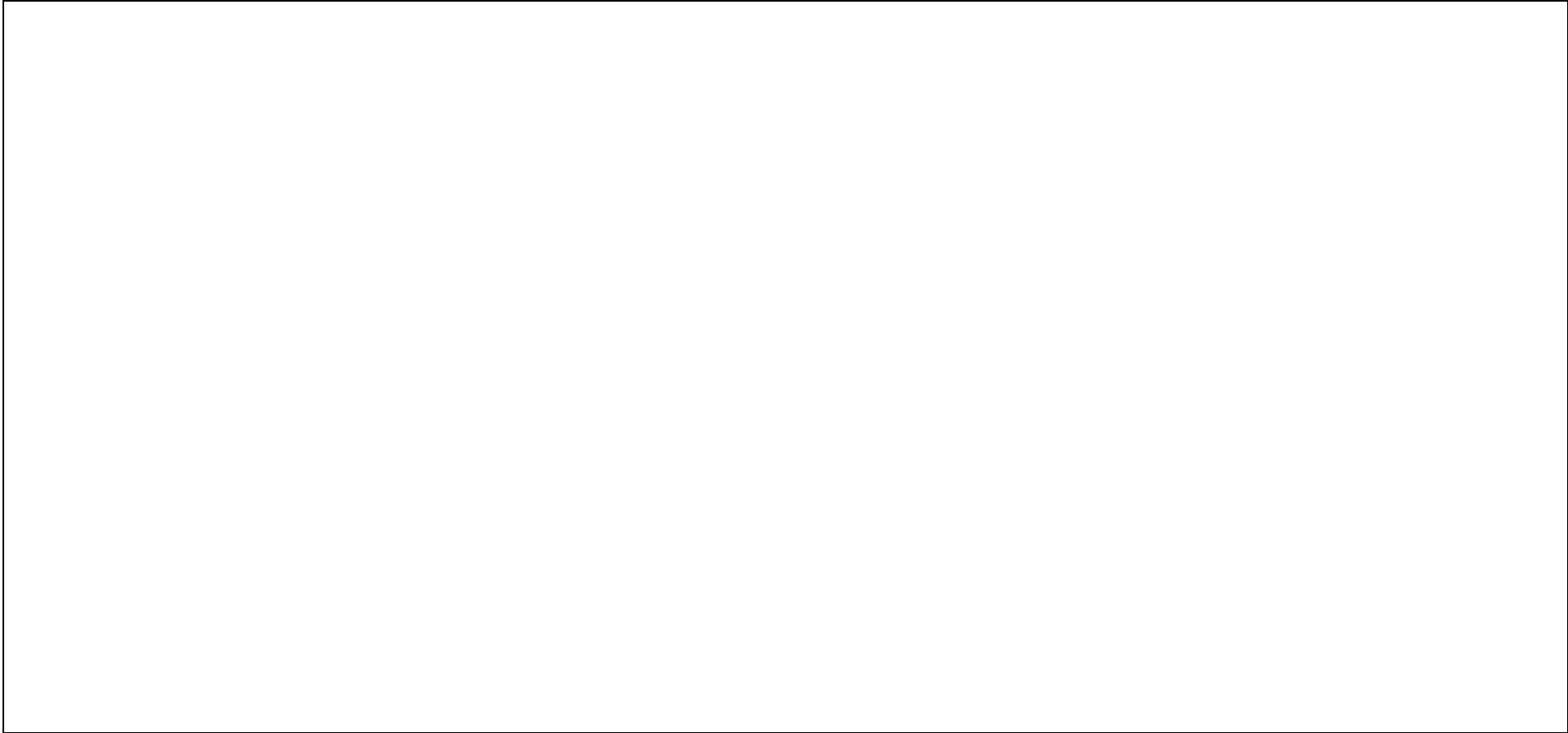
5. Yêu cầu hành động khắc phục lỗi

Số hiệu và giải thích nội dung chưa tuân thủ	Hoạt động khắc phục	Thời hạn khắc phục

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

Sơ đồ phân loại lô rừng

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng



Phụ lục 4c. Mẫu phiếu vận chuyển CoC

PHIẾU VẬN CHUYỂN COC

Số phiếu v/c CoC			
Tên khách hàng		Tên chủ rừng	
Mã số CoC của khách hàng		Mã số FSC® của nhóm Núi Thành	
Biển số xe		Điểm đến:	

Số hiệu “đọt” gỗ						Thể tích khai thác thực tế	
Năm	Xã	Lô rừng	Loài cây	Loại gỗ	Số	Thể tích (m ³)	Số khúc gỗ
Tổng thể tích							

Ký và ghi rõ họ tên
Chủ rừng

Ký và ghi rõ họ tên
Lái xe

Ký và ghi rõ họ tên
Trưởng nhóm thôn

Phụ lục 4d. Mẫu báo cáo thu hoạch gỗ

BÁO CÁO THU HOẠCH GỖ THEO CHUỖI QUẢN LÝ HÀNH TRÌNH SẢN PHẨM COC

1. Thông tin chung

Họ tên chủ rừng					
Địa chỉ	Nhóm thôn:....., xã....., huyện Núi Thành				
Số hiệu lô/khoảnh/tiểu khu				Năm trồng	
Loài cây trồng		DT trồng		DT vùng đệm	
Người giám sát				Thời gian giám sát	

2. Dữ liệu khai thác cụ thể

Số hiệu “đợt gỗ”						Thẻ tích khai thác thực tế		Số phiếu vận chuyển CoC				Chữ ký
Năm	Xã	Lô rừng	Loài cây	Phân loại	Số đợt	Thẻ tích (m ³)	Số khúc gỗ					

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

Số hiệu “đợt gỗ”						Thể tích khai thác thực tế		Số phiếu vận chuyển CoC				Chữ ký
Năm	Xã	Lô rừng	Loài cây	Phân loại	Số đợt	Thể tích (m ³)	Số khúc gỗ					
Tổng thể tích												

3. Tóm tắt các hoạt động

Thời gian	Bắt đầu		Diện tích khai thác trắng				
	Kết thúc		Khai thác chọn vùng đệm (có/ không)		Số cây		
Tổng hợp các kết quả đo đếm và khai thác							
Loài cây	Thể tích gỗ đứng (kết quả ĐTTL)	Dự đoán thể tích khai thác m ³		Thể tích khai thác thực tế m ³		Độ chính xác (%)	
		Gỗ tròn	Gỗ dăm	Gỗ tròn	Gỗ dăm	Gỗ tròn	Gỗ dăm

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

Tổng							

Núi Thành, ngày...tháng... năm 20...

Ký và ghi rõ họ tên
Chủ rừng

Ký và ghi rõ họ tên
Trưởng nhóm thôn

Phụ lục 4e. Mẫu Hóa đơn bán gỗ

HÓA ĐƠN BÁN GỖ FSC®

	Người bán	Người mua
Họ tên		
Địa chỉ		
Mã số FSC®	Ví dụ: GFA-FM/COC-003675	Mã số CoC:

Số	Mô tả sản phẩm	Chủng loại FSC®	ĐV (m ³)	Số lượng	Đơn giá	Tổng tiền
	Gỗ tròn, đường kính 10 - 13 cm	FSC™ 100%				
	Gỗ tròn, đường kính 14 - 19 cm	FSC™ 100%				
	Gỗ tròn, đường kính > 20 cm	FSC™ 100%				
	Gỗ dăm	Non FSC™				
Tổng tiền chưa thuế giá trị gia tăng VAT						
Thuế giá trị gia tăng VAT						
Tổng						

Núi Thành, ngày.....tháng năm 20.....

Bên bán
Ký, ghi rõ họ tên

Bên mua
Ký, ghi rõ họ tên

Kèm theo một bản sao chứng chỉ **GFA-FM/CoC-003675** của bên bán được đính kèm với hóa đơn này.

Phụ lục 4f. Mẫu tổng hợp đánh giá tác động kinh tế - xã hội của nhóm xã

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KINH TẾ XÃ HỘI
CỦA NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG CẤP XÃ**

TT	Thông tin	Sự thay đổi			Tỷ lệ %	Lý do
		Kém hơn	Như cũ	Tốt hơn		
1	Thu nhập bình quân đồng/người/năm					
2	Diện tích đất canh tác: lâm nghiệp, nông nghiệp					
3	Số lượng gia súc, gia cầm					
4	Thu nhập từ nghề rừng					
5	Thu nhập từ nông nghiệp					
6	Thu nhập từ chăn nuôi					
7	Thu nhập khác					
8	Hưởng lợi của người dân từ việc trồng rừng					
9	Tính cộng đồng, đoàn kết của địa phương					
10	An ninh lương thực					
11	An ninh trật tự xã hội					
12	Tỷ lệ lao động có việc làm					

Một số phân tích tổng hợp của Quản lý nhóm sẽ làm rõ những vấn đề tác động tích cực, tác động tiêu cực trong quá trình hoạt động nhóm chứng chỉ rừng tại các địa phương. Đặc biệt liên quan đến các tác động tiêu cực làm thay đổi các chỉ số trong kinh tế, xã hội của địa phương để từ đó rút ra các giải pháp khắc phục nhằm đảm bảo cho hoạt động nhóm chứng chỉ rừng có hiệu quả bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường.

Phụ lục 4g. Mẫu Kế hoạch giám sát hàng năm

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT NỘI BỘ HÀNG NĂM
NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG.....

Nội dung giám sát	Thời gian giám sát các tháng trong năm												Trách nhiệm và tần suất		% DT giám sát
	01	02	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Trách nhiệm	Tần suất	
Trồng rừng: 21) Chuẩn bị trồng rừng (phát dọn và xử lý thực bì, cuốc hố, lấp hố) 22) Cây giống trồng rừng 23) Kỹ thuật trồng rừng													Quản lý nhóm Trưởng nhóm xã Trưởng nhóm thôn	2 lần/ năm 1 lần/ quý 1 lần/ tuần	2-5% cả nhóm 20% DT của xã 100% của thôn
Chăm sóc rừng: 24) Tỷ lệ cây sống, trồng dặm 25) Làm cỏ, bón phân 26) Tỉa thân, tỉa cành													Quản lý nhóm Trưởng nhóm xã Trưởng nhóm thôn	2 lần/ năm 1 lần/ quý 1 lần/ tháng	2-5% cả nhóm 20% DT của xã 100% của thôn
Nuôi dưỡng rừng: 27) Tỉa thưa (kỹ thuật, thời gian TH) 28) Tuân thủ quản lý chuỗi CoC													Quản lý nhóm Trưởng nhóm xã Trưởng nhóm thôn	2 lần/ năm 1 lần/ quý 1 lần/ tháng	2-5% cả nhóm 20% DT của xã 100% của thôn

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

Nội dung giám sát	Thời gian giám sát các tháng trong năm												Trách nhiệm và tần suất		% DT giám sát
	01	02	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Trách nhiệm	Tần suất	
Quản lý bảo vệ rừng: 29) Bảo vệ hành lang dòng chảy 30) PCCC và sâu bệnh hại 31) Động, thực vật quý hiếm 32) Điều tra trữ lượng rừng													Quản lý nhóm Trưởng nhóm xã Trưởng nhóm thôn	2 lần/ năm 1 lần/ quý 1 lần/ tháng	2-5% cả nhóm 20% DT của xã 100% của thôn
Khai thác rừng: 33) Trước khai thác 34) Trong và sau khai thác													Quản lý nhóm Trưởng nhóm xã Trưởng nhóm thôn	2 lần/ năm 1 lần/ quý 1 lần/ tháng	2-5% cả nhóm 20% DT của xã 100% của thôn

Phụ lục 4h. Mẫu Hợp đồng khai thác rừng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

KHAI THÁC RỪNG TRỒNG

(Số...../.....-.....)

35) Căn cứ vào Luật dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực ngày 01/01/2017 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

36) Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;

37) Căn cứ Giấy phép khai thác số:của UBND xã.....

38) Căn cứ nhu cầu khai thác rừng trồng của nhóm chứng chỉ rừng thôn.....và năng lực đáp ứng của nhà thầu khai thác.

Hôm nay, ngày.....tháng ...năm 20.....Tại, chúng tôi gồm:

ĐẠI DIỆN BÊN A: Nhóm chứng chỉ rừng Thôn....., xã.....

Ông/ bà:chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND:....., ngày cấp:....., cấp tại:.....

Số tài khoản:....., tại ngân hàng :.....

ĐẠI DIỆN BÊN B: Nhà thầu khai thác rừng trồng

Ông/ bà:chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND:....., ngày cấp:....., cấp tại:.....

Số tài khoản:....., tại ngân hàng :.....

Qua bàn bạc 2 bên cùng thống nhất nội dung hợp đồng gồm các điều khoản sau :

Điều 1. Bên B cung cấp dịch vụ khai thác, vận chuyển cho bên A với Khối lượng - các hạng mục như sau

- Khai thác rừng trồng năm 20....., diện tích:.....ha, tại địa điểm thôn, xã, huyện (theo kế hoạch quản lý rừng năm 20.... và kết quả điều tra trữ lượng rừng).

- Tổng khối lượng dự kiến khai thác:.....m³, trong đó:

+ Gỗ xẻ:.....m³

+ Gỗ dăm:.....m³

Điều 2. Giá thi công - phương thức thanh toán

- Đơn giá khai thác:đ/ m³ xm³=đ

- Đơn giá bóc vỏ - bóc xẻp:.....đ/ m³ xm³=đ

- Tổng giá trị hợp đồng:.....đ

- Tạm ứng % tổng giá trị hợp đồng trong thời gian ngày làm việc;

- Thanh toán% còn lại tổng giá trị hợp đồng trong thời gian 07 ngày sau khi ký biên bản thanh lý hợp đồng;

- Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều 3. Thời hạn thực hiện hợp đồng

- Từ ngày:...../...../20..... đến hết ngày...../...../ 20.....

- Nếu có phát sinh thêm thời gian thực hiện hợp đồng, đại diện nhà thầu phải thông báo cho chủ rừng và Trưởng nhóm thôn trước 2 ngày để có kế hoạch giám sát.

Điều 4. Các yêu cầu chính về kỹ thuật khai thác rừng trồng và an toàn lao động

- Phát thực bì, vệ sinh rừng trồng trước khai thác;

- Cắt hạ cây đứng đảm bảo đúng kỹ thuật: mở miệng, cắt gáy, chọn hướng đổ theo chiều thuận lợi của địa hình lô rừng và hướng gió;

- Cắt khúc theo quy cách hợp đồng từng loại sản phẩm với khách hàng mua gỗ;

- Phân loại gỗ theo cấp kính quy định (theo quy trình khai thác);

- Bóc vỏ (nếu có), bóc xẻp lên xe tải và vận chuyển đến nhà máy;

- Sử dụng đúng, đủ bảo hộ lao động cho công nhân khai thác và công nhân bóc xẻp theo quy định của Nhà nước;

- Phải trang bị túi cứu thương với đầy đủ dụng cụ sơ cứu, thuốc,....

Điều 5. Trách nhiệm Bên A

- Hướng dẫn kỹ thuật, an toàn lao động cho các công nhân nhà thầu khai thác (danh sách công nhân kèm theo);

- Kiểm tra giám sát tiến độ và tuân thủ việc thực hiện hợp đồng, chỉ đạo kỹ thuật hướng dẫn bên B thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật và an toàn lao động;
- Giám sát tuân thủ hệ thống CoC đối với nhà thầu;
- Phối hợp cùng bên B hoàn thành các thủ tục để nghiệm thu thanh lý hợp đồng theo đúng quy định.

Điều 6. Trách nhiệm Bên B

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật trong hợp đồng khai thác, thời gian quy định và ý kiến chỉ đạo của cán bộ kỹ thuật Bên A;
- Công nhân thực hiện hợp đồng phải được tham gia buổi hướng dẫn kỹ thuật khai thác rừng và đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về kỹ thuật đặc biệt cho khai thác tác động thấp tại hiện trường khai thác;
- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, giám sát việc sử dụng bảo hộ lao động;
- Ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương;
- Thực hiện nghiêm túc những quy định về PCCC rừng;
- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp tất cả các máy móc, thiết bị, lao động và vật tư cần thiết để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận hợp đồng;
- Nhà thầu phải thực hiện cấm tất cả các biển báo thông báo hoạt động khai thác tại hiện trường để khuyến cáo nguy hiểm cho những người vào rừng;
- Nhà thầu phải thực hiện vệ sinh rừng trồng sau khai thác và bàn giao hiện trường cho bên A để quản lý và chuẩn bị trồng lại rừng;
- Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản lương, bảo hiểm cho người lao động theo quy định hiện hành.

Điều 7. Điều khoản chung

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu bên nào vi phạm các điều khoản gây thiệt đến tài sản chung, phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bên kia. Trong quá trình thực hiện nếu có điều gì vướng mắc, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc và giải quyết trên tinh thần xây dựng, hợp tác.

Bên B chấp nhận bị phạt trừ 15% tổng giá trị hợp đồng khi bên A phát hiện bên B không tuân thủ thực hiện trách nhiệm đã nêu trong **Điều 6**, đặc biệt liên quan đến khai thác tác động thấp, an toàn lao động. Nếu bên B vẫn tiếp tục vi phạm cam kết không thực hiện đầy đủ trách nhiệm đã nêu trong **Điều 6** sau 2 lần nhắc nhở thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và chỉ thanh toán cho phần việc mà bên B đã thực hiện.

Hợp đồng được lập 04 bản mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

Phụ lục 4i. Mẫu biên bản nghiệm thu khai thác

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU THANH LÝ HỢP ĐỒNG

(Số...../NTTL-KTR-.....)

- Căn cứ Hợp đồng khai thác rừng trồng số...../HĐKTR-..... ngày..... tháng....năm 20...giữa Nhóm chứng chỉ rừng thôn....., xã..... với nhà thầu khai thác.....;

- Căn cứ khối lượng và giá trị thực hiện hợp đồng.

Hôm nay, ngày..... thángnăm 20.....
Tại:..... chúng tôi gồm có:

1. ĐẠI DIỆN BÊN A: Nhóm chứng chỉ rừng Thôn....., xã.....

Ông/ bà: chức vụ:
.....

Địa chỉ:.....

Số CMND:....., ngày cấp:....., cấp tại:.....

Số tài khoản:....., tại ngân hàng :.....

2. ĐẠI DIỆN BÊN B: Nhà thầu khai thác rừng trồng

Ông/ bà:chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND:....., ngày cấp:....., cấp tại:.....

Số tài khoản:....., tại ngân hàng :.....

Hai bên thống nhất nghiệm thu thanh lý hợp đồng số...../HĐKTR-..... ngày..... tháng....năm 20...giữa Nhóm chứng chỉ rừng thôn....., xã..... với nhà thầu khai thác..... với các nội dung sau :

Điều 1. Khối lượng thực hiện hợp đồng

Bên B đã thực hiện đầy đủ các hoạt động trong khai thác rừng theo đúng yêu cầu của bên A như : kỹ thuật khai thác và an toàn lao động. Khối lượng thực hiện cụ thể:

- Gỗ xẻ :.....m³

- Gỗ dăm :.....m³

Điều 2. Giá trị thực hiện hợp đồng

- Tiền khai thác:đ/ m³ xm³=đ
- Tiền bóc vỏ - bóc xé:.....đ/ m³ xm³=đ
- Tổng giá trị thực hiện:.....đ

Điều 3. Trách nhiệm các bên và hình thức thanh toán

- Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính (nếu có) hoặc làm giấy biên nhận theo giá trị nghiệm thu thanh lý hợp đồng cho Bên A;

- Bên A có trách nhiệm thanh toán giá trị thanh lý hợp đồng cho Bên B trong vòng 07 ngày sau khi thanh lý hợp đồng được ký;

- Hình thức thanh toán: tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều 4. Kết luận

Hai bên cùng ký biên bản nghiệm thu thanh lý Hợp đồng số...../HĐKTR-CCRTK ngày.....tháng....năm 20...giữa Nhóm chứng chỉ rừng thôn....., xã..... với nhà thầu khai thác

Biên bản thanh lý hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

Ký, ghi rõ họ tên

ĐẠI DIỆN BÊN A

Ký, ghi rõ họ tên

Phụ lục 4j. Mẫu Kế hoạch quản lý, giám sát

**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, GIÁM SÁT
RỪNG CHỨNG CHỈ FSC NHÓM CẤP THÔN**



Kế hoạch quản lý rừng cấp thôn được tổng hợp bởi kế hoạch kinh doanh rừng theo lô của tất cả thành viên nhóm thôn. Mục đích lập kế hoạch quản lý rừng cấp thôn nhằm giúp Trưởng nhóm thôn nắm bắt được các cấp tuổi rừng của nhóm, từ đó phân ra các hoạt động quản lý theo từng cấp tuổi khác nhau.

Căn cứ kế hoạch quản lý rừng cấp thôn, Trưởng nhóm thôn dựa vào thời vụ thực hiện các công việc của: trồng, chăm sóc, tỉa thưa nuôi dưỡng, quản lý bảo vệ và khai thác rừng trong năm để thảo luận và thống nhất với thành viên nhóm về kế hoạch giám sát các hoạt động trên.

Kế hoạch quản lý rừng cấp thôn là cơ sở cho việc lập kế hoạch quản lý rừng cấp xã và cấp Quản lý nhóm. Với cơ cấu tổ chức quản lý nhóm khác nhau sẽ có sự phân cấp quản lý và giám sát cho từng cấp khác nhau.

Để đảm bảo hoạt động quản lý rừng của Nhóm chứng chỉ rừng FSC Núi Thành được chặt chẽ và hiệu quả, kế hoạch quản lý và giám sát rừng trồng chứng chỉ sẽ được thực hiện 100% diện tích đối với Trưởng nhóm cấp thôn.

Hoạt động của nhóm chứng chỉ rừng là một trạng thái động, hàng năm nó có sự thay đổi về diện tích và thành viên. Chính vì vậy, kế hoạch quản lý rừng của các cấp quản lý nhóm cũng sẽ được cập nhật hàng năm. Mỗi năm, kế hoạch quản lý và giám sát rừng trồng chứng chỉ của nhóm sẽ được cập nhật một lần.

Ngoài việc cập nhật kế hoạch quản lý và giám sát rừng trồng chứng chỉ, Trưởng nhóm thôn thực hiện tổng hợp kết quả kinh doanh rừng trồng của các thành viên theo hệ thống chi phí - doanh thu - lợi nhuận.

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

Bảng 1: Tổng hợp Kế hoạch quản lý rừng chứng chỉ FSC giai đoạn 20..... đến 20.....

Đơn vị: Nhóm thôn:..... xã:....., huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

(Cập nhật năm 2019)

TT	Năm thực hiện Tên hoạt động	20.....		20.....		20.....		20.....		20.....		20.....	
		DT(ha)	Số hộ	DT(ha)	Số hộ	DT(ha)	Số hộ	DT(ha)	Số hộ	DT(ha)	Số hộ	DT(ha)	Số hộ
1	Trồng rừng												
2	Chăm sóc rừng (phát dọn, tỉa cành, tỉa thân, bón phân)												
3	Nuôi dưỡng rừng (tỉa thưa)												
4	Quản lý bảo vệ rừng (PCCC, sâu bệnh hại, lấn chiếm dòng chảy, rác thải,..)												
5	Điều tra trữ lượng rừng												
6	Khai thác rừng (trắng, chọn)												

Ghi chú: số liệu của bảng này được cập nhật hàng năm nhằm phục vụ lập kế hoạch giám sát đúng với thực tế.

- Trồng rừng sau khai thác được thực hiện năm tiếp theo (thời gian khai thác rừng bắt đầu từ tháng 10 - 12 trong năm);
- Tuổi rừng trong giai đoạn chăm sóc từ 1 đến 3;
- Tuổi rừng tiến hành tỉa thưa nuôi dưỡng (nếu có) tuổi 4;
- Tuổi rừng tiến hành điều tra trữ lượng từ 5 đến 6;
- Tuổi rừng tiến hành khai thác từ 7 trở lên.

Núi Thành, ngàytháng..... năm 20.....

Trưởng nhóm thôn
(Ký và ghi rõ họ)

Bảng 2: Kế hoạch giám sát công tác quản lý rừng chứng chỉ FSC năm 2019

Địa chỉ: Nhóm thôn:..... xã:....., huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

Nội dung giám sát	Thời gian giám sát các tháng trong năm												Danh sách chủ rừng và diện tích		Trách nhiệm giám sát	
	01	02	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Họ tên chủ rừng	DT (ha)		
Trồng rừng: 39) Chuẩn bị trồng rừng (phát dọn và xử lý thực bì, cuốc hố, lấp hố) 40) Cây giống trồng rừng 41) Kỹ thuật trồng rừng																
Chăm sóc rừng: 42) Tỷ lệ cây sống, trồng dặm 43) Làm cỏ, bón phân 44) Tia thân, tia cành																
Nuôi dưỡng rừng: 45) Tia thưa (kỹ thuật, thời gian TH) 46) Tuân thủ quản lý chuỗi CoC																
Quản lý bảo vệ rừng:																

Sổ tay Quản lý nhóm chứng chỉ rừng

Nội dung giám sát	Thời gian giám sát các tháng trong năm												Danh sách chủ rừng và diện tích		Trách nhiệm giám sát	
	01	02	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Họ tên chủ rừng	DT (ha)		
47) Bảo vệ hành lang dòng chảy																
48) PCCC và <u>phòng trừ</u> sâu bệnh hại																
49) Động, thực vật quý hiếm																
50) Điều tra trữ lượng rừng																
51) Đa dạng sinh học, HCV (nếu có)																
Khai thác rừng:																
52) Trước khai thác																
53) Trong và sau khai thác																

Bảng 3: BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN TRONG KINH DOANH RỪNG CỦA CÁC HỘ THÀNH VIÊN

ĐVT: 1.000.000 đồng

Họ tên thành viên	Diện tích	Năm trồng	Hạng mục chi phí							Tổng chi phí	Doanh thu		Lợi nhuận
			Làm đất	Cây giống	Phân bón	Công trồng	Chăm sóc	Khai thác	Thuế, phí		Khai thác tĩa thừa	KT chính	
			1	3	4	5	6	7	8	9= 1+2+..8	10	11	12=(10+11)-9
Tổng													

Người tổng hợp